

I THÁNG 5 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

PHẠM CHI LĂNG nhận định về cuộc tấn công hiện nay của Cộng quân: ý đồ và hậu quả * PHẠM VIỆT CHÂU từ dự kiến trung tâm quyền lực đến mưu đồ tái phân trị thế giới * HỒ HỮU TƯỜNG một trung tâm sáng tác văn nghệ * TRẦN NGỌC NINH giáo dục là một sự đầu tư cần được quản trị và kế-hoạch-hóa (căn bản kinh tế học của giáo dục) * VƯƠNG HỒNG SÈN 71 tuổi, bàn về nghệ thuật sống dai và truyện phản lão hoàn đồng * TỬ MINH Henry Kissinger, con người của huyền thoại * NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời * MINH QUÂN một chuyến đi Huế-Quảng trị * TRẦN DZA LỮ nỗi buồn của mẹ * **SINH HOẠT**

* thời sự văn nghệ
thời sự khoa học *
thời sự thế giới *

368



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 360 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỆU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
		oOo		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-ly Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 368 ngày 1-5-1972

PHẠM VIỆT CHÂU <i>từ dự kiến Trung tâm quyền lực đến mưu đồ tái phân-trị thế giới : Tương quan Nga-Trung, Nga - Mỹ, những khu vực trọng yếu.</i>	05
PHẠM CHI LĂNG <i>Nhận định về cuộc tấn công hiện nay của Cộng quân : ý đồ và hậu quả.</i>	17
HỒ HỮU TƯỜNG <i>một trung tâm sáng tác văn nghệ.</i>	23
TRẦN NGỌC MINH <i>Viết cho ngày mai của Dân tộc : Giáo dục là một sự đầu tư cần được quản trị và kế hoạch hóa (Căn-bản kinh-tế-học của Giáo-dục).</i>	31
VƯƠNG HỒNG SÈN <i>năm 71 tuổi, bàn về nghệ thuật sống dai và truyện phản lão hoàn đồng</i>	39
TỪ MINH <i>Henry Kissinger, con người của huyền-thoại.</i>	51
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	61
MINH QUÂN <i>một chuyến đi Huế Quảng Trị (Bút ký).</i>	73
TRẦN DZA LỮ <i>nỗi buồn của mẹ (thơ)</i>	78

SINH HOẠT

TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	79
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Đã soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$
Caò Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Bành trưởng quốc thê Việt-nam của Lê Đình Trương**, do Nhà xuất bản Ca-h tân Đất Việt ở Nữu-ước ấn hành bằng Ronéo, khổ 21,5 × 28, trình bày về những cuộc Nam tiến, Tây tiến và Đông tiến, mở mang lãnh thổ V.N. từ đèo Ngang đến Biên Hồ sau 939, qua Lào ĐB Xiêm, ĐB Miến-điện, sát nhập Hoàng sa, Trung sa, Trường sa vào lãnh thổ V.N.

— **6 Quy tắc tìm dấu nhấn trong Anh ngữ của Nguyễn Vọng Hộ** do Hoa Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang, in lần thứ 3, luyện thi Trung học, Tú tài I, II và dành cho mọi học sinh muốn đọc đúng Anh-ngữ. Giá 150đ.

— **Bóng tối đi qua (quyển III) của Kim Nhật** do Hoa Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 822 trang, hồi ký của một sinh viên Luật khoa đã sống 1287 ngày trong Bộ Chỉ huy tối cao MTGPMN. Giá 350đ.

— **Cõi đá vàng** truyện dài của Nguyễn thị Thanh Sân do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 500 trang. Giá 450đ.

— **Tuần mã Thái dương** truyện thiếu nhi của Minh Quân do Cơ sở Tiếng Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 168 trang, nội dung lôi cuốn người đọc. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Giả từ bóng tối** truyện thiếu-nhi của Minh-Quân do Bông Hồng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 122 trang nội dung rất xúc động và thích hợp với tuổi trẻ. Bản quý. Giá bán thường 90đ.

— **Nỗi băn khoăn của Kim Dung** tiểu luận của Nguyễn Mộng Giác do Văn Mới xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 90 trang gồm 3 phần : Nỗi băn khoăn của Kim Dung ; Những bước chân vào đời, và những suy niệm lịch sử. Nhưng chỉ mới in được 2 phần đầu đề cập đến các nhân vật của Kim Dung, : Trương Vô Kỵ, Tiêu Phong; Lệnh Hồ Xung, Vi Tiểu Bảo... Giá 150đ.

— **Một cuộc tình tập truyện của Trùng Dương** do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 123 trang gồm 6 truyện ngắn Giá nhất định 80đ.

— **Cây đàn Miến-điện** nguyên tác của Takeyama Michio, bản dịch của Đỗ Khánh Hoan, do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng Sách dày 193 trang. Giá 250đ.

Cáo lỗi

Bách-Khoa kỳ này vì phần biên-khảo, nghị luận có nhiều bài quá dài hoặc tiếp theo số trước hoặc cần đăng cho khỏi mất thời gian tính nên một số thơ và truyện cùng phần Sinh hoạt, Thời sự văn nghệ, Hộp thư không cho đi được. Xin cáo lỗi cùng quý bạn và sẽ xin đăng đầy đủ trong số tới.

Tòa soạn BÁCH-KHOA

Từ dự kiến Trung-tâm quyền-lực đến mưu đồ tái phân-trị thế-giới

Tương quan Nga-Trung

Tương-quan Nga-Trung khác hẳn Mỹ-Trung, vì hai Đế-quốc Nga và Trung cũng có phương-thức bành-trướng cổ truyền giống hệt nhau: Đó là phương-thức bành-trướng xoáy ốc. Phương-thức này lấy điếm xuất-phát làm trung-tâm và lấy dân-tộc chủ chốt làm sức lõi cho công cuộc bành-trướng. Vì vậy, bành-trướng xoáy ốc tuy chậm nhưng tới đâu là nuốt trọn tới đó và luôn luôn lan rộng ra chung-quanh trung-tâm điếm chứ không vung vãi ra xa như phương-thức bành-trướng phiêu lưu của nhiều Đế-quốc Tây-Âu trước kia, và Mỹ gần đây.

Nga với dân-tộc chủ chốt Slave và xuất-phát điếm ở Tây Oural, Tàu với dân-tộc chủ chốt Đại-hàn và xuất-phát điếm ở Bắc Hoàng-hà, đã cùng bành-trướng, bành-trướng mãi cho tới khi hai vòng xoáy đụng nhau ở vùng Đông Bắc-Á: Mâu-thuẫn bắt nguồn từ đó (1). Tàu đã cùng nhiều nước Á-Phi (tại Hội-nghị Bandung) tổ cáo Nga có hành-động dã man trong việc đồng-hóa các dân-tộc Ouzbek, Kirghis, Tadjik, Turkmène, Tazak... ở Á-châu và hiện vẫn gán cho Nga danh-hiệu «Đế-quốc xã-hội». Nga đã từng vạch rõ «chủ-nghĩa Sô-vanh Đại-Hàn» của Tàu trong hành-động diệt-chủng đối với dân-tộc Tây-tạng và các dân-tộc Hồi Thồ ở

vùng Tân - cương. Rút cục câu chuyện Nga Tàu chẳng qua chỉ là chuyện kẻ cắp, bà già gặp nhau mà thôi!

Chính cái hận thù mang tính-chất lịch-sử ấy đã phản xạ sang phạm vi ý-thức-hệ biến thành tranh chấp tư-tưởng giả-tạo giữa «xét lại» với «giáo điều» trong khối Cộng. Mỗi bên Nga và Tàu đã và vẫn tự nhận mình là Mác-xít Lê-nin-nít chính thống, còn bên kia là phản-bội, đề kêu gọi, vận-động các nước Cộng-sản nhỏ theo mình chống lại bên kia. Cái hận thù ấy cũng mang hai nước tới chỗ đương đầu ở khắp nơi trên thế-giới làm cho việc dàn xếp quốc-tế của chính phe Cộng trở nên vô cùng khó khăn vì sự lấn lướt của bên này với bên kia nhiều khi không hẳn đã vì quyền lợi thiết thân mà chỉ vì

(1) Nga và Tàu ngày nay là hai nước có diện-tích lớn thứ nhất và thứ nhì trên thế giới. Biên-giới chung, và cũng là vùng tranh chấp, của đôi bên kéo dài 3.200 c.s. Nga hiện tập trung dọc biên-thùy này 45 sư-đoàn và khá nhiều phi đạn nguyên-tử. Tàu cũng luôn luôn cầm chân hàng triệu quân đối diện đề sẵn sàng ứng-phó. Báo Hương-cảng đã tiết-lộ trong chuyến đi Bắc-kinh lần thứ nhất (7-71), Kissinger đã trao cho Chu những không-ảnh chụp lãnh-thò Nga cận biên-thùy Bắc của Tàu với nhiều địa-điểm tập-trung quân Nga và những giàn phóng phi đạn đe dọa trực tiếp khu-vực kỹ-nghệ nguyên-tử Tân-Cương của Tàu.

chống đối để mà chống đối.

Sự bành-trướng ảnh-hưởng của TC ở bán đảo Balkan đánh thẳng vào thành trì Đông Âu (1) của Nga-sô đã càng làm cho Nga cảm uất, nên Nga đã ráo riết tăng cường hoạt-động ở Nam và Đông-Á lập thế bao vây TC để trả đũa. Hiệp ước an ninh hỗ trợ Nga-Ấn (9-8-1971), chiến-tranh Ấn-Hồi và sự thành-lập Cộng-hòa Bangla Desh (12-1971), thương-nghị Nga-Nhật (1-1972) thấy đều là những nhát dao khoét sâu hố mâu thuẫn sẵn có giữa đôi bên.

Do đó, có thể nói tương-quan Nga-Trung là tương quan của hai Đế-quốc đã trực tiếp đụng độ nhau về lãnh thổ và cùng nuôi dưỡng mưu toan triệt hạ lẫn nhau. Rồi đây, dù trong nhất thời, vì nhu-cầu phân-trị ổn thỏa các nhược-tiểu, Bắc-kinh và Mạc-tu-khoa có thể có lúc phải bắt tay nhau tạo thế thăng bằng giữa các cường lực để cùng hưởng lợi, nhưng nhìn về tương-lai sự giải-tỏa mâu-thuẫn cơ-bản giữa đôi bên sẽ không thể nằm trong thế kỷ 20 này được.

Tương-quan Nga-Mỹ.

Trái với tương-quan Mỹ-Trung, còn rất mới mẻ và đang ở trong tình trạng mò mẫm, mối tương-quan Nga-Mỹ đã được xây-dựng từ lâu trong cái thế công-khai đối nghịch nhưng

(1) Trong số các nước Balkan, thực ra chỉ có Albanie là đứng hẳn về phe Tàu. Nam-Tur đã tách rời khỏi quỹ-đạo Mạc-tu-khoa từ lâu và đã cố gắng tạo thế trung-lập bằng cách len lỏi tự tồn giữa các cường lực. Tito đã từng kêu gọi ngay tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn (29-10-1971) :

«Những người lãnh đạo các đại-cường hãy cố gắng giải-quyết các mối bất đồng với nhau chứ đừng có ép đặt giải-pháp cho các nước nhỏ.» Lỗ-mã ni cũng đã nương thế tranh chấp Nga-Trung mà vượt khỏi tầm kiểm soát của Nga, nhưng Lỗ không dám đi quá xa sang phía Tây-phương như Nam-tur hoặc ngả hẳn sang trung tâm Bắc-kinh như Albanie. Trong vụ Nga mang quân chực hầu vào Tiệp-khắc, Lỗ là nước duy nhất thuộc khối Varsovie không chịu tham dự cuộc hành-quân như bản này. Chủ-tịch Lỗ Ceausescu cũng đã từng khẳng định rằng một quốc-gia dù nhỏ bé đến mấy cũng có quyền phát triển quốc gia mình bằng đường lối riêng và có quyền theo đuổi đường lối riêng để tiến tới xã-hội chủ nghĩa. Đó là những ý-tưởng làm cho Mạc-tu-khoa tức giận nhưng cũng chẳng làm Bắc-kinh hài lòng gì. Tuy nhiên, vì Lỗ vốn thuộc Nga, nên đề phá chơi Bắc-kinh đã hù vào khen như gõ nhịp.

Cuối năm 71, Balkan bị Nga đe dọa, Bắc-kinh đã được dịp lên tiếng trấn an ăm 1. Lý-Đức-Sinh, Chủ-nhiệm Tổng-cục Chính-trị Quân-đội Trung-Cộng đã tuyên bố ở Bucarest «Nhân-dân và Quân-đội Trung-hoa cương-quyết ủng-hộ cuộc đấu-tranh của các bạn chống lại lực lượng xâm lăng của Đế-quốc». Trong khi ấy tại Bắc-kinh, Cơ-Bảng-Phi, Thứ-trưởng Ngoại-giao TC cũng nói : «Các đồng chí Lỗ-ma-ni có thể tin chắc rằng trong nhiệm vụ bảo vệ Hắc-Hải, dân-tộc Trung-Hoa sẽ là người bạn trung thành của dân tộc Lỗ». Cũng vào dịp này, Hodja chủ tịch Albanie đã hứa cương quyết hỗ trợ Nam-Tur chống lại quân xâm lăng (Nga-sô). Ông ta tự khoe : «Lực lượng chúng tôi, nhân dân Albanie và nhân dân Trung-hoa gồm tất cả 802 triệu người!» Tường chẳng cần phải nói thêm là cái con số lẻ đàng đuôi ấy chính là... tổng số nhân dân Albanie.

Tóm lại cho tới nay TC mới chỉ đánh vào Đông Âu bằng môn võ miệng, nhưng chỉ bấy nhiêu cũng đủ cho Nga-sô cuống vó tím chật lấy chực-hầu còn lại để khỏi «nghe nhảm, làm bậy».

luôn luôn cố gắng tạo trên nền tảng bằng hạn chế. Trong suốt 26 năm qua, Mỹ và Nga đã vượt lên trên thế-lực các cường quốc hạng trung để cùng nhau giải-quyết việc thế-giới trong quan niệm toàn bộ phân lập Đông Tây. Hai bên đều đã thiết-dựng những hệ thống tình-báo rất tinh-vi, đều biết rõ nhau từng hành động, từng thủ đoạn (1), nên luôn luôn đi những nước cờ ăn miếng trả miếng chặn nhau từng bước. Tuy nhiên cả hai đều tự biết đối phương là lực-lượng duy-nhất trên hoàn-vũ có khả-năng tiêu-diệt mình nên đã cố tránh những đụng chạm trực diện.

Giữa Nga và Mỹ, ngoài việc dàn xếp để tiếp tục cầm chịch cán cân thế-giới, hiện đang còn một số vấn-đề cục bộ chưa giải-quyết đã từng được chính-quyền Mỹ công-khai đưa ra trong những lời tuyên-bố chính-thức của các giới-chức cao-cấp và nhất là những văn-kiện quan-trọng mới đây như Thông-điệp Tình-trạng Liên-bang do Nixon đọc trước Lưỡng-viện Quốc-hội ngày 20-1-72, Tường-trình Tình-hình Quốc-tế thường niên được Bạch-cung phổ-biến vào trung tuần tháng 2-1972, Chính-sách đối-ngoại 1972 do Bộ Ngoại-giao chuyển cho Ủy-ban Ngoại-giao Thượng-viện ngày 7-3-1972.

Những vấn-đề chủ-yếu còn lại giữa Nga và Mỹ là:

— Thương-thuyết hạn-chế vũ-khí chiến-lược (SALT) có tiến-bộ nhưng

vẫn chưa đạt được kết-quả cụ-thể nào (2).

— Việc đôi bên tiếp-tục tăng ngân sách quốc-phòng, vì trong khi chưa đạt được thỏa-hiệp, mỗi bên vẫn phải leo thang võ-trang để giành

(1) Chính những cơ-quan tình-báo của các Đế-quốc này đã ảnh hưởng mạnh mẽ, nếu không muốn nói là nắm phần quyết định, chính-sách đối-ngoại của mỗi nước. Cơ-quan Tình-báo Trung-ương CIA của Mỹ, thường nổi tiếng trong các hành động can thiệp vào nội tình các nước nhỏ, vốn cũng là trụ cột của Ủy-ban Tình-báo Quốc-gia. Những dữ-kiện (chính xác hoặc bị nhào nặn) và ý kiến do Ủy-ban này cung cấp đã tạo thành khung cốt cho Hội-đồng An-ninh Quốc-gia thiết-dựng chính-sách đối-ngoại. Cơ-quan Mật-vụ KGB của Nga cũng đã nhiều lần chứng tỏ khả năng làm thay đổi đường lối đối-ngoại của Hội-đồng Bộ-trưởng. Khả năng ấy lại càng mạnh hơn nữa khi hiện nay Trưởng cơ-quan Andropov vừa là hội viên Hội-đồng Bộ-trưởng, vừa là Ủy-viên dự-thuyết của Bộ Chính trị Trung-ương Đảng, trong khi Ngoại trưởng Gromyko chẳng nắm được chức vụ quan trọng nào trong guồng máy lãnh đạo của Đảng.

(2) Trong địa hạt chế-tạo phi-đạn liên-lục-địa, Nga hiện đang tiến mạnh hơn Mỹ và bắt đầu vượt Mỹ về số lượng. Hạm đội tiềm-thủy-đỉnh nguyên tử Nga sẽ tương đương với Hạm đội Polaris Poseidon của Mỹ nội trong năm 1972 Về số lượng chất nổ, kể cả trên đất liền lẫn ngoài đại-dương (các hạm đội) Nga hiện có 200 tỷ tấn, lớn hơn số chất nổ của Mỹ và tương đương 15 triệu lần trái bom nguyên-tử nổ ở Hiroshima năm 1945. Tuy nhiên, trên nhiều địa hạt khác Nga hãy còn kém Mỹ. Tường-trình của Nixon (2-72) cho rằng chỉ khi nào Nga tự tin đã võ-trang mạnh hơn Mỹ, Nga mới cùng Mỹ ký kết thỏa hiệp hạn chế vũ-khí chiến-lược.

phần hơn đối phương (1).

— Học-thuyết chủ-quyền giới-hạn của Brezhnev đối với các nước Đông-Âu vẫn được Nga duy-trì (bị Mỹ chống), trong khi Mỹ vẫn tiếp-tục chi viện các nước chư-hầu Á-châu chống chiến-tranh khuynh-đảo nội bộ (bị Nga chống).

— Vấn-đề Âu-châu và việc triệt thoái quân Nga-Mỹ chưa được giải quyết.

— Tình-hình căng-thẳng ở Trung-Đông, Nga-Mỹ còn đang phải gián-tiếp đương đầu tại nơi này.

— Việc chấm dứt chiến-tranh Đông-dương còn đầy trở ngại, đôi bên còn cần mặc cả lại.

Về mặt Âu-châu, như trên đã nói Mỹ coi Tây-Âu là một Trung-tâm quyền-lực có một phần khả-năng kiềm-chế Nga, nhưng là một Trung-tâm quyền-lực thân Mỹ và vẫn còn cần đến Mỹ. Minh-ước Bắc-Đại-Tây-Dương (NATO) có thể hủy bỏ nhưng phải thay vào một hình-thức kết-ước khác để Mỹ vẫn còn một chân đứng trên lục-địa này. Nga thì muốn nhìn thấy một Tây-Âu bị phân tán trong đó có một vài cường-quốc hạng trung sẵn sàng bắt tay với Nga để dung-hòa quyền-lợi. Nga cũng muốn có một hội-nghị Liên-Âu, dĩ nhiên không có Mỹ, để dự-trù tiến tới một thỏa-hiệp chấp-nhận lẫn ranh hiện hữu giữa các nước. Điều này Nga đã đặc biệt nhắm vào Đức. Nga đã không dấu diếm niềm ước vọng thấy Đức phân đôi mãi mãi,

vì không có gì ở Âu-châu làm cho Nga lo sợ bằng một nước Đức thống nhất hùng mạnh sẵn sàng đòi lại những lãnh-thổ miền Đông bị cưỡng-đoạt. Thậm chí Nga đã ra lệnh cho Đông-Đức phải làm lành với Tây-Đức, nhưng nhìn Tây-Âu trong vấn-đề Bá-Linh và đã không ngần ngại hạ bệ Ulbricht cứng đầu khó bảo để đưa Honecker mềm mỏng hơn lên thay. Tất cả chỉ nhằm đòi lấy sự công-nhận Đông-Đức của các cường-quốc Tây-Âu để rồi Nga sẽ vận động đưa cả Tây-Đức lẫn Đông-Đức vào Liên-Hiệp-Quốc cho dứt

(1) Chính phủ Mỹ cũng đã nêu vấn đề này đề đòi Quốc-hội chuẩn tăng ngân sách quốc-phòng (tổng cộng lên tới 80 tỷ Mỹ kim). Ngũ-giác-đài đã vạch rõ nhu-cầu của Mỹ là chế-tạo thêm tiềm-thủy-đỉnh nguyên-tử loại không lồ mới có thể gắn các phi-đạn nguyên-tử lớn tầm 10.000cs, sắp si gấp đôi tầm Polaris và Poseidon hiện hữu. Chiến-lược-gia Mỹ cho rằng khi chương trình này được thực hiện xong, tiềm-thủy-đỉnh Mỹ có thể nằm ở những vùng biên an-toàn phóng phi-đạn tàn phá tận trung-tâm Nga-sô và Hoa-lục khi Thế-chiến xảy ra. Mặc dầu trong cuộc thi đua võ trang giành ưu thế, tình trạng võ khí hạch-tâm của Nga-Mỹ có thể chênh lệch, nhưng ngày nay cả đôi bên đã đi đến chỗ không thể ngăn đỡ được nhau, nhưng có thể trả đũa tức khắc để cùng bị tiêu diệt. Cái thế tay trên đánh phủ đầu để vô-hiệu-hóa đối phương của Mỹ đã bị mất từ sau thập-niên 50, nay không thể tạo lại được nữa.

khoát hẳn vấn-đề hai nước Đức. (1)

Mỹ và Nga còn biết bao nhiêu điều bất-đồng ; Thương-thuyết đôi bên sẽ còn đầy dẫy chông gai. Tuy nhiên, nhờ cuộc tiếp xúc Mỹ-Trung Cộng, Mạc-tư-khoa đã cảm thấy cần phải tự chế bớt tham vọng mà dàn xếp với Mỹ để rảnh tay phần nào trong việc đương đầu với Tàu. Để đền bù lại sự tự-chế của Nga trong công việc ký-kết thỏa-hiệp quy-chế mới cho Bá-Linh, Mỹ đã nhắm mắt làm ngơ cho Nga lấn lướt ở Nam-Á. Đối với Mỹ, việc bán-đảo Ấn-độ ngày nay gần như chỉ là việc tranh-chấp Nga-Trung, Mỹ thực sự đứng ngoài, đôi lúc góp tiếng một cách tiêu-cực.

Trên thế-giới bây giờ có lẽ chỉ còn lại tình-trạng nóng bỏng Nga-Mỹ ở Trung-Đông và Đông-dương. Máu các dân-tộc hai vùng này có còn đổ nữa hay không đều tùy thuộc ở Hca-thịnh-đốn và Mạc-tư-khoa có thu-xếp ổn thỏa được với nhau hay không. Cái uy thế và sức mạnh đàn bầy đối địch nhau của Nga-Mỹ thật vẫn còn vô-cùng khủng-khiếp ! Cái dã tâm của hai đế-quốc đầu sỏ này trong việc chi-phối vận mạng các nước nhỏ thật vẫn còn rất đáng ghê sợ !

Tương-quan Nga-Mỹ vì vậy là mối tương-quan căng thẳng của thứ đường dây điện thoại đỏ. Cho đến nay, để làm dịu bớt nhiệt-độ bên trong, Nga và Mỹ đã thường luôn luôn tạo ra thế đối đầu cục bộ để có chỗ hơi cho an-toàn. Dù sao các chuyển biến mới trên thế-giới hiện nay cũng

đang tạo nên những ảnh-hưởng đa phương, làm cho va chạm Nga-Mỹ sẽ bớt phần nguy-hiểm. Nhưng nếu Nga-Mỹ có tiếp-tục đối đầu trên từng khu vực, nhân-dân các quốc-gia nạn nhân có thể sẽ bớt khổ đi nhiều lắm nếu giác ngộ tự thân đủ triệt-đề đến chỗ không còn có những lực-lượng phản-động cam tâm theo giặc ngoài làm nhân cho tranh chấp chính-trị (Tur-bản, Cộng-sản) để thành ngòi cò tranh-chấp võ-trang (Chiến-tranh vốn là sự tiếp nối của chính-trị).

(1) Về phía các nước Tây Âu, vốn là một tập-thể người đông của nhiều (Thị trường chung Âu-châu nếu thu nhận xong đợt mới sẽ có 10 nước hội viên với một tiềm năng kinh tế to lớn và 250 triệu dân) nhưng khó lòng cùng nhịp nhàng tiến bước, thật chẳng khác gì chiếc xe nhiều ngựa kéo nhưng mỗi ngựa nhắm chạy một hướng. Hiện nay, một vài nước trong đó có Pháp, đã có vẻ thiên về tổ chức Liên-Âu với Nga. Dưới con mắt chính-trị, những người chủ - trương đã nghĩ đến một Đông-Âu ngày mai sẽ quyết liệt tách khỏi ảnh hưởng Nga và chế độ xã hội cứng nhắc, nhờ lây bệnh «tự do» của Tây-Âu (Pompidou : Tổ hợp Âu-châu sẽ làm tự do lan tràn, ảnh hưởng sang Đông-Âu). Nhưng dưới con mắt kinh tế của các nhà tư bản, cái mời Tây-bá-lợi-á, cụ thể là mỏ đồng Udokan gần hồ Baikal được Nga đưa ra như chung lưng khai thác thật cũng không phải là không hấp dẫn (Nga cũng đã từng như Nhật như vậy). Tuy nhiên, cũng có nước lo ngại sự tráo trở của Nga về quân sự sau này. Trong việc rút quân, Nga vẫn đòi Mỹ rút trước Nga sẽ rút sau (Thư Brezhnev gửi Nixon và Willy Brandt : Hồi hương lính Mỹ xa 6.000 c.s. không giống việc làm cho lính Nga đi xa 300 c.s.), nhưng Mỹ rút là rút qua đại dương, còn Nga chỉ là việc lùi lại sau một cánh đồng, một rặng núi, chẳng khó khăn bao nhiêu trong việc trở lại.

Những khu vực trọng yếu

Mặc dầu thế-giới ngày nay đang bị bè lũ Đế-quốc chi phối không còn để sót một khoảng trống, nhưng tranh chấp trong mưu đồ tái phân trị đã xảy ra nặng nhẹ từng vùng. Vùng nào có vị-trị chiến-lược hay tài-nguyên dồi-dào đặc biệt sẽ trở thành đối tượng cho các cuộc giằng xé gay go.

Trước kia, có những khu vực được coi là độc quyền, ngày nay cũng đã bị xâm nhập, gặm nhấm và có thể biến thành vùng tranh-chấp vô-trang trong tương-lai. Tây-Âu với một Phi-châu da đen (nằm trong vòng kiểm tỏa bằng văn-hóa và kinh-tế kể từ thời kỳ giải-thực) đã bị cả Nga, Mỹ lẫn Trung-Cộng nhẩy vào chia phần ảnh-hưởng. Nga với một Đông-Âu mang thương tích thường-trực trên bán-đảo Balkan (như đã trình bày ở trên) và thương tích từng mùa tại phần đất còn lại. Mỹ với nội-châu La-tinh trước đã bị mũi dùi Cuba đâm ngang vùng biển Caribbean, nay lại thêm Chí-lợi bít kín bờ Đông-Nam Thái-bình-dương và đang trở thành chiến-khu cho phong-trào Mác-xít Nam-Mỹ.

Trong biển chuyển mới hiện tại, các Đế-quốc đều có khuynh hướng giành một phần lớn nỗ lực quay về củng cố lại khu vực độc quyền, loại ảnh-hưởng của các địch thủ. Nỗ lực ấy chắc chắn chỉ đưa tới những va chạm triền miên, vì một mặt các quốc-gia nhỏ bé càng ngày càng cố gắng thoát ra khỏi ảnh-hưởng đơn-

thuần của một trung-tâm quyền-lực duy nhất, mặt khác vì nhu-cầu sinh-tồn tất cũng sẽ cố gắng đi đến kết hợp bình đẳng với nhau hơn là kết hợp chủ tớ với Đế-quốc (dĩ nhiên con đường còn nhiều chông gai!).

Nói đến độc-quyền ảnh-hưởng trên lục-địa tưởng cũng không thể bỏ qua ý-đồ bá-chủ trên mặt đại-dương. Sau Thế-chiến 2, Mỹ là chúa biển trên hành-tinh này. Nhưng dần dần, Nga đã phát-triển hải-lực và chia xẻ ảnh-hưởng tới mức độ đang dàn hàng ngang đầu với Mỹ tại khắp nơi. Hạm đội Nga có căn cứ chính tại 4 Hải-khu: Ban-tích, Bắc-hải, Hắc-hải và biển Nhật-bản, mỗi nơi có từ 270 đến 350 tàu đủ loại. Nga đang cố phát triển căn cứ đã có tại biển Caribbean (Cuba), đang thiết-lập căn cứ mới tại Suez-Hồng-hải (Ai-cập) và có dự định mở đường tăng cường lực-lượng ở Ấn-độ-dương. Mỹ hiện còn bận rộn ở Nam-hải, nhưng cũng sẽ chuyển sang Ấn-độ-dương trong tương-lai gần khi gánh nặng can-thiệp ở Đông-Nam-Á giảm bớt đề đương đầu với Nga. Qua việc sử dụng bất lợi Lục-quân Mỹ trong hàng chục năm nay, Hoa-thịnh-đốn hiện thiên về chiều hướng sử-dụng Hải và Không-quân trên mặt quân-sự thuần-túy. Vì vậy, Mỹ sẽ nhấn vọt lên trên mặt đại-dương, Nga tất lại đuổi theo, tạo thành một cuộc thi đua triền miên

không dứt. (1)

Trở lại những khu-vực trọng yếu đang là đối-tượng cho các cuộc tranh chấp, trước hết phải kể đến vùng Nam-Á mới nóng hổi với chiến-tranh Ấn-Hồi phản-ảnh sự kinh chống Nga-Trung, Trung-Đông với lưới gươm chiến-tranh treo trên sợi chỉ mảnh phản-ảnh sự kinh chống Nga-Mỹ và quan-trọng hơn hết, vùng Đông-Nam-Á thể hiện hình-thái tranh chấp của tất cả các cường lực trên thế-giới.

Trước kia đã có một thời người ta nói đến một tổ-hợp được mệnh-danh là Thế-giới Thứ ba đề chỉ những quốc-gia tự cho là không liên-kết với Đế-quốc Cộng-sản và Đế-quốc Tư-bản. Hội-nghị Bandung tháng 4-1955 đã đánh dấu bước đầu của việc hình-thành Khối Á-Phi trong tổ-hợp ấy. Những bộ mặt lớn trong giai-đoạn sơ-khai được biết đến nhiều nhất là Trung-Cộng, Ấn-độ và In-đô-nê-sia. Nhưng rồi Trung-Cộng càng ngày càng đề lộ chân tướng Đế-quốc chẳng kém gì hai Đế-quốc đầu sỏ (trong việc xua quân vào Tây-tạng, chiến-tranh Trung-Ấn). In-đô-nê-sia thì chìm đắm vào vấn-đề Quốc-Cộng nội bộ, và trở nên thiên Tả trước 65, thiên Hữu sau 65. Còn Ấn-độ thì lo việc chống Hồi hơn là lo chuyện chặn đứng ảnh-hưởng Tư-bản Cộng-sản. Các quốc-gia nhỏ khác càng ngày càng bị mua chuộc, dồn ép vào tình-trạng lệ thuộc Đông hoặc Tây nhiều hơn.

Người ta cũng còn nhớ đến Hội-

nghị cấp cao Tân-đề-li tháng 11-1965 giữa Nasser, Tito và Gandhi, nhưng ảnh-hưởng chẳng có là bao, vì ai cũng thấy rõ Ấn-độ và Ai-cập ngay từ thời ấy đã bị ràng buộc chặt chẽ với Nga-sô bằng mối dây viện-trợ quân-sự vì nhu-cầu tranh chấp võ-trang địa-phương.

Cho tới nay, Ấn đã phải dẫn hẳn vào quỹ đạo Nga, mở đường cho Nga thọc sâu mũi dùi xuống Nam-Á trong chủ-trương bao vây Trung-Cộng và đối đầu với Mỹ ở Ấn-độ-dương sau này. Cùng với Nga, Ấn đã yểm-trợ cho nỗ-lực tách rời khỏi Tây-Hồi của Đông Bengal nhằm làm suy yếu Hồi tức suy yếu vây cánh Trung-Cộng. Ấn đã chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt, nhưng không nghĩ đến cái hại sau lưng. Vì Đông Bengal trở thành Cộng-hòa Bengla Desh sẽ là nguyên-động-lực ngấm

(1) So sánh Hải-lực Nga-Mỹ năm 1972 :

— Tương đồng về tiềm-thủy-dĩnh nguyên-tử (Nga : 90, Mỹ : 95) và chiến hạm như tuần-dương, khu-trục... (Nga : 215, Mỹ : 223).

— Mỹ bỏ xa Nga về các loại Hàng không Mẫu hạm (Mỹ : 24, Nga : 2).

— Nga trội hơn Mỹ rất nhiều về tiềm-thủy-dĩnh cò diên (Nga : 260, Mỹ : 42), về tiềm-dĩnh phóng ngư-lôi, hỏa tiễn (Nga : 560, Mỹ : 2) và về tàu đồ bộ (Nga : 100, Mỹ : 68).

— Tương đồng về tàu chở hàng. Riêng Nga còn có một hải-đội lớn lao tàu đánh cá có trang-bị dụng-cụ thám-sát được rải ra khắp mặt hải-phận quốc-tế.

— Về quân-số, chỉ tính quân-số dưới cờ, Mỹ hiện có 610.000, Nga 460.000.

ngầm thúc đẩy Tây Bengal trong nội địa Ấn nổi dậy đấu-tranh tách rời khỏi Ấn trong tương-lai; Hơn nữa ngay trong chính tình Ấn hiện tại, Cộng-sản thân Nga cũng nhờ hơi hướng Nga mà lên nước gây được ảnh-hưởng mạnh-mẽ và chẳng bao lâu nữa sẽ chia xẻ và lấn lướt quyền-hành Quốc-Đại.

Nói chung, chiến-thắng của Ấn ở Đông-Hồi thật ra chỉ là chiến-thắng của Nga trong cuộc tranh chấp giữ các Đế-quốc với nhau. Ấn-độ thừa hưởng cái vinh-quang giả tạo của chiến-thắng, nhưng đã nghèo sẽ lại càng xác xơ thêm, đã bị ràng buộc vì viện-trợ lại sẽ càng bị ràng buộc hơn. Đây không phải là chiến-thắng đầu tiên của Nga ở Nam Á. Nếu nhớ đến cuộc nổi dậy của phe Cộng thân Mao ở Tích-lan hồi tháng 4-1971 và bị chính-phủ thân Nga dẹp tan thì phải ghi thành tích này, dù nhỏ, vào bước thành công tiên khởi của Nga. Hiện nay, phi-cơ Mig và chiến cụ nặng đã được Nga đổ vào Tích-lan và dần dần Tích-lan đang trở thành căn-cứ Ấn-độ-dương quan-trọng của Hải-lực Nga.

Tuy vậy, trong chiến-thắng Nam-Á, Nga-sô không phải là không trả giá khá đắt ít ra là về mặt tinh-thần. Trước hết tại diễn-đàn Liên-Hiệp-Quốc, Nga đã phải dùng quyền phủ-quyết để bênh vực đàn em Ấn-độ, chẳng những chống lại hai cường lực Mỹ-Trung mà đồng thời còn chống lại quyết-định của hầu hết các nước Á-Phi. Sau đó, việc Nga giúp Ấn đánh Hồi đã tạo ảnh-hưởng rất xấu về phía thế-giới Hồi-giáo. Libye, Algérie đã lên tiếng đả kích

Nga-Ấn kịch liệt. Liên-đoàn Hồi-giáo họp tại thánh-địa La Mecque đã tính đến chuyện mở thánh chiến. Ai-cập vốn đã cảnh giác vì cuộc đảo chính thất bại của Cộng-sản thân Nga ngay tại Soudan sát nách, nay lại càng cảnh giác thêm. Dĩ nhiên, vì nhu-cầu tăng gia tiềm lực chống Isralê, các nước Ả-rập ở Trung-Đông sẽ phải tiếp-tục đứng về phía Nga, nhưng ảnh-hưởng Nga sẽ khó tránh suy giảm dần trong tương-lai.

Tranh-chấp Nga-Mỹ ở Trung-Đông thật ra chưa có chỉ dấu cho thấy có chuyển biến mới mẻ. Cả Mỹ và Nga đều tiếp tục đưa võ-khí tới làm cho lò lửa Trung-Đông một khi tái phát sẽ bội phần dữ dội so với những lần trước. Cả Mỹ và Nga cùng tiếp tục dùng những ngón đòn "đi đêm" đánh ngấm vào hậu-phương các nước tạo ra tình-trạng lúng củng triền miên suốt một khu-vực từ vịnh Ba-tur tới Bắc-Phi Hồi-giáo.

Dầu lửa Trung-Đông, kho tàng năng-lực của thế-giới, kênh Suez cửa ngõ sinh-tử Á Âu, toàn những miếng mồi làm cho Đế-quốc chẳng dễ gì mà nhả ra được.

Sang khu-vực Đông-Nam-Á, vấn đề lại càng phức-tạp hơn nữa phức-tạp vì là nơi đã quy tụ tất, cả các cường-lực trực-tiếp hoặc gián-tiếp dự vào cuộc tranh dành.

Trung-Cộng chủ-trương Đông-Nam-Á là vùng chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của Trung-Cộng như tình-trạng Đông-Á và Nga-sô. Đối với Trung-Cộng, Đông-Nam-Á quan-trọng không những vì vị-trí chiến-lược của

(xem tiếp trang 47)

Nhận định về cuộc tấn công hiện nay của Cộng quân : ý đồ và hậu quả

Mở chiến-dịch

Chiến-dịch Xuân-Hè của Cộng-sản Việt đã được khai-diễn với tiếng súng giới-tuyến nổ rền trời từ ngày 29-3-1972.

Hà-nội đã ra lệnh mở chiến-dịch. Kế-hoạch toàn-bộ đã được Mạc-turkhoa chấp thuận trên nguyên-tắc từ trước và đã được Thống-chế Pavel Redorovich, Thứ-trưởng Quốc-phòng Nga, duyệt xét lần chót ngay tại thủ-đô Miền Bắc (từ 26 đến 28 tháng 3). Phái bộ quân-sự Nga vừa rời phi-trường Gia-lâm ngày hôm trước thì hôm sau đại-pháo và hỏa-tiến thi nhau phóng tới tấp công phá những căn cứ phòng thủ trên tuyến đầu kế cận vùng phi-quân-sự của quân-đội Miền Nam. Trong đợt mở màn, hàng Sư-đoàn Bộ-binh, hàng Trung-đoàn Thiết-giáp, Pháo-binh Bắc-Việt được tung vào trận địa. Xe tăng Nga, vốn bị ém từ lâu, nay được dịp cùng máy bay Mỹ tung hoành lồng lộn cày xé quê hương này.

Các mặt trận

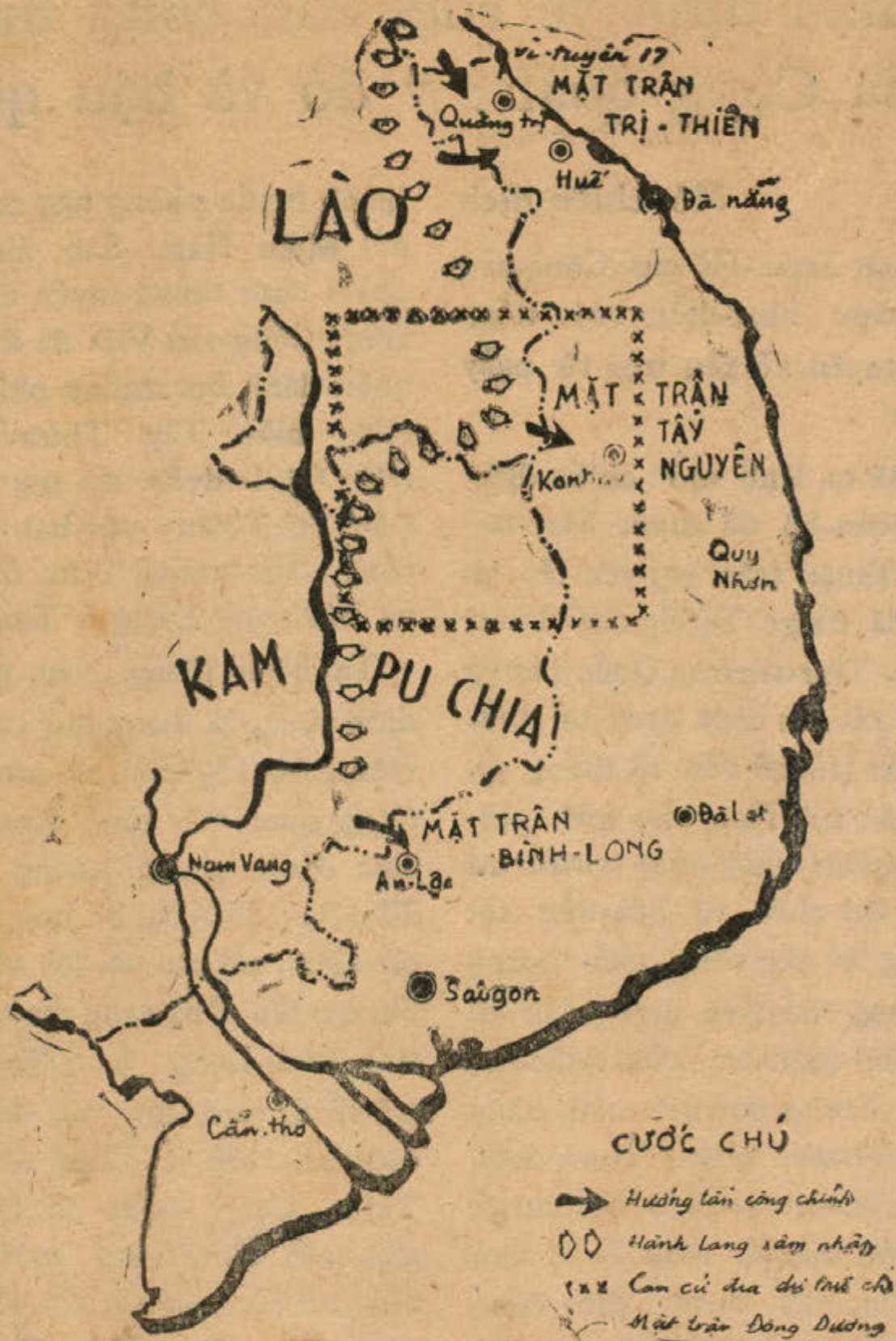
Trận chiến đã mở ra trước hết ngay tại khu vực giới tuyến. Cộng quân đã thanh toán không mấy khó khăn vùng rừng núi Tây-Bắc Quảng-trị, nhưng lại bị chặn đứng tại Đông-Hà trên Quốc-lộ 1 trong vùng duyên-hải, một địa-diện chỉ cách cầu Hiền-Lương trên dưới 25 cây số. Đông-Hà — Cửa-Việt nghiêm nhiên trở

thành tuyến phòng ngự mới của quân đội Miền Nam. Sau nhiều nỗ lực nhằm chọc thủng tuyến này mà không xong, Cộng-sản Việt đã đưa một cánh quân đánh bọc xuống phía Nam uy-nhiếp miền Tây Thừa-Thiên. Mặt trận Giới-tuyến đã trở thành mặt trận Trị-Thiên với hai hướng tấn công : Bắc xuống Nam ở Quảng-Trị và Tây sang Đông ở Thừa Thiên.

Tại Miền Đông Nam phần chiến-dịch cũng đã được mở ra ở khu-vực biên giới Tây-Bắc Sài-gòn. Lúc đầu, Cộng quân từ vùng Krek Kam-puchia đánh chồm xuống đường 22 Tây-Bắc Tây-Ninh, bứt phá một số cứ điểm, rồi sau đó đột nhiên chuyển hướng tấn công sang đường 13 thuộc tỉnh Bình-Long. Lộc-Ninh thất thủ, thị xã An-Lộc lọt vào thế giằng co suốt hai tuần lễ. Cũng như tại Trị-Thiên, Cộng quân đã tập trung ở mặt trận Bình-Long một lực lượng bộ binh hùng hậu, quân số hàng chục ngàn, hiệp-đồng chiến đấu với chiến-xa, số lượng hàng trăm chiếc.

Tại Tây-Nguyên, chiến trường Kontum cũng trở nên sôi động hơn, mặc dầu chưa phát lộ đúng mức mãnh liệt của nó. Có thể Cộng quân còn dành hơi, dưỡng sức chờ tung ra những đòn quyết liệt nơi đây sau này.

Ở miền Tây Nam-phần các hoạt động lẻ tẻ của Cộng-quân được ghi nhận có gia-tăng mạnh nhưng dường



như chỉ nhằm cầm chân các Sư-đoàn chủ-lực Miền Nam hơn là bành trướng vùng kiểm soát.

Tóm lại trong giai-đoạn mở chiến-dịch, Trị-Thiên và Bình-Long đã là nơi trận chiến diễn ra ác liệt nhất. Đó là khu vực nắm sát các căn cứ hậu-cần lớn: Đồng-Hới, Vinh-Linh ở Bắc Giới-tuyên và Kratié Luối Câu ở Kam-pu-chia. Từ các căn cứ này, không những Cộng-quân có thể phóng

vào nội địa những đơn vị cấp Sư-đoàn tương đối dễ dàng, mà hơn nữa, khi trận chiến đã bùng nổ, lại còn có thể duy trì đường giây tiếp vận để yểm trợ tiền tuyến một cách hữu hiệu.

Mặc dầu chiến-cuộc không bùng nổ đều khắp như vụ Tết Mậu-Thân, nhưng vì tầm mức lớn lao của nó nên đã được cả Cộng-quân lẫn Sài-gòn khoác cho danh-từ *Tổng-tấn công* hoặc *Tổng-công-kích*.

Từng bước tiến hành

Tổng-công-kích vốn nặng tính-chất quân-sự. Trong công việc điều khiển chiến-tranh, không bao giờ Cộng sản tiến-hành đấu-tranh vũ-trang riêng rẽ. Đấu-tranh vũ-trang phải đi đôi với đấu-tranh chính-trị để giữ vững thế *hai chân cõ hữu*, Phương-châm chiến-lược của Cộng-sản Việt cũng còn đề-cập đến *ba mũi giáp công*: Quân-sự Chính-trị, Bi. h-vận. Mũi binh-vận luôn luôn đi kèm để hỗ-trợ cho hai mũi kia nên có thể nói quân-sự và chính-trị là hai hướng chính trong mọi hình-thức tấn công.

Nay, đã có *Tổng-công-kích*, mặt trận quân-sự đang diễn ra ác liệt, còn mặt trận chính-trị ở đâu? Cộng-sản đã trừ tính mặt trận này sẽ được mở khắp nông thôn đồng bằng và một phần ở thành thị. (1). Khi vận-động được quần chúng đứng lên đấu tranh bạo động trực diện với chính quyền xã ấp ở nông-thôn, Cộng-sản cho là đã chuyển sang bước *Tổng-nổi-dậy*. *Tổng-công-kích* và *Tổng-nổi-dậy* sẽ phối hợp đầy mạnh nỗ lực phá vỡ từng mảng nông thôn rộng lớn, tiếp đến bao vây thành thị, kích động "cách mạng" thành thị bùng lên để có đấu tranh đều khắp: đó là *Tổng-khởi-nghĩa*, bước quyết-định nhằm tạo điều-kiện cướp chính-quyền toàn bộ.

Tóm lại, theo chủ-trương của Cộng sản Việt, *Tổng-công-kích*, *Tổng-nổi-dậy*, *Tổng-khởi-nghĩa* là một trình tự tiến-hành giai-đoạn chót của cuộc chiến (như giới cầm quyền ở Sài-gòn đã công bố). Trình tự này không thể

nhảy vọt cách quăng, cũng không thể đảo ngược, vì nếu không có *Tổng-công-kích* thì không thể chuyển sang *Tổng-nổi-dậy*. Nếu *Tổng-nổi-dậy* không xong thì không thể có *Tổng-khởi-nghĩa*.

Cộng-sản đã chuẩn bị giai-đoạn này từ lâu và rất thận trọng. Thời gian tiến hành tấn công không phải chỉ trong một vài tuần, cũng không phải chỉ trong một hai tháng mà có thể hàng năm, trừ khi tình hình có đột biến.

Mục tiêu tối hậu của *Tổng-khởi-nghĩa* là cướp chính quyền, nhưng cả điều kiện chủ-quan lẫn điều kiện khách-quan hiện nay đều không cho phép Cộng-sản Việt nghĩ đến một thành công toàn vẹn, nhanh chóng và trực tiếp. Vì vậy, Cộng sản chỉ mong chờ ở *Tổng-khởi-nghĩa* lần này thành quả giới hạn là "tạo điều kiện" để sẽ nắm chính quyền trong tương lai.

Cái điều kiện để đoạt trọn chính-quyền trong tương lai ấy là hình thức *Chính-phủ hòa-hợp dân-tộc* (Liên-hiệp).

Chung quanh vấn đề chính-quyền chuyển tiếp

Chúng ta sẽ tự hỏi, nếu chỉ có vậy thì việc gì mà Cộng-sản Việt phải đặt ra bước này bước nọ lôi thôi phức tạp. Cứ tấn công mãnh liệt tạo thế

(1) Về lãnh thổ, Cộng-sản chia ra làm *ba vùng chiến-lược*: Nông thôn Miền núi, Nông thôn Đồng-bằng và Thành-thị. Yêu cầu chiến-lược là phải xây dựng được căn cứ vững mạnh ở miền núi để yểm trợ nỗ lực đấu-tranh ba mũi tại nông thôn đồng bằng và phát động đấu-tranh cách mạng ở thành thị.

manh cho Mạc-tư-khoa trong cuộc mạc cả với Mỹ về Đông-dương vào tháng 5 này, trái chín *Chính-phủ Liên-hiệp* sẽ tức khắc rụng xuống lại chẳng hơn sao? Thực ra, dù Mỹ có chấp nhận *Chính-phủ Liên-hiệp* tức khắc, *Cộng-sản Việt* cũng không dám nhận; dù *chính-quyền Miền Nam* có chia chế nội-các ngay bây giờ, *Cộng-sản Việt* cũng phải tìm cách này hay cách khác mà thoái thác. Lý do giản dị đối với *Cộng-sản* là vì:

— Hình thức *Chính-phủ Liên-hiệp* tự nó không giải quyết được gì nếu nó không đóng nổi vai trò "tạo điều-kiện" thỏa mãn yêu cầu cơ bản kiểm soát trọn *Miền Nam*.

— Chấp nhận liên-hiệp là chấp nhận mối nguy cơ có thể bị tiêu diệt bộ phận đầu não bất cứ lúc nào, nếu không có những bảo đảm an toàn chắc chắn. Cái việc tạo chính biến diệt đối lập trong *chính-phủ liên-hiệp* là nghề riêng của *Cộng-sản* vào những năm 45, 46, nhưng ngày nay, đảo chính, chính lý dường như phe chống *Cộng* ở *Sài-gòn* lại có nhiều kinh-nghiệm nên ngón nghề điêu luyện hơn.

Đề bảo đảm cho hình thức *Liên-hiệp* có thể chuyển sang hình thức *Cộng-sản* thuần nhất, *Cộng-sản Việt* đã nghĩ đến kết quả bầu cử sau đó. Muốn thắng bầu cử thì phải nắm được dân. Muốn có dân thì phải làm chủ nông thôn. Điều này giải thích tại sao *Cộng-sản Việt* lại phải vạch ra bước *Tổng-nổi dậy* để giành chính quyền xã ấp. Có thể nói *Tổng-nổi-*

dậy là khởi nghĩa ở nông thôn. Theo chủ quan của *Cộng-sản* chỉ cần chiếm được 1/3 xã ấp *Cộng-sản* cũng sẽ thừa sức thủ thắng trong bầu cử. Vì nếu kiểm soát được 1/3 là *Cộng-sản* có đủ 1/3. 2/3 còn lại sẽ ở trong tình trạng nửa chừng nửa vơi. Hơn nữa kinh nghiệm bầu cử *Tổng-thống* ở *Chí-lợi* năm 1970 đã cho thấy: Mặc dầu là thiểu số so với phe không-cộng-sản, *Cộng-sản Chí-Lợi* đã toàn thắng; nguyên nhân chỉ vì *Cộng-sản* thì có một, còn không-cộng-sản thì phân ra làm hai nhóm đưa ra hai ứng-cử-viên nên đã tự chia phiếu của nhau.

Hình thức *Chính-phủ liên-hiệp* mà *Cộng-sản* sẽ đưa ra (*Cộng-sản* gọi là *Chính-phủ hòa-hợp dân-tộc*) gồm phe *Cộng*, phe *Hữu* và phe *Trung-lập*. Phe *Hữu* và phe *Trung-lập* đều là không-cộng-sản sẽ kiểm chế nhau và chia phiếu nhau khi có bầu cử.

Sang mỗi nguy cơ thường trực khi phải lộ diện, *Cộng-sản Việt* đã nghĩ đến những an-toàn-khu khả dĩ bảo toàn được cơ-sở nòng cốt và có thể đồn trú các sư-đoàn chính quy. An-toàn khu được *Cộng-sản* gọi là *Căn-cứ-địa cách-mạng* và được nhắm vào vùng rừng núi dọc biên-giới. Nếu có căn-cứ vững mạnh thì bất kỳ chuyện gì xảy ra ở *Sài-gòn*, *Cộng-sản* cũng không sợ bị thương tổn nhiều.

Căn-cứ-địa quan trọng nhất mà *Cộng-sản* vẫn từng nhắm thiết lập cho dự-kế lâu dài là căn cứ địa tam-biên. Đó là khu vực rừng núi rộng lớn gồm *Tây-nguyên Trung phần*,

miền cực Nam Hạ-lào, trong đó có Cao-nguyên Boloven và miền Đông bắc Kam-pu-chia. Thiết lập và giữ vững được căn-cứ-địa này, Cộng-sản sẽ tiếp tục giữ được thế an-toàn cho đấu tranh chính trị ở nông thôn đồng bằng và thành thị, sẽ nuôi dưỡng được chủ-lực chính-trị và quân-sự để đáp ứng với sự đòi hỏi của bất cứ trang huống nào trong tương lai, ngoài ra cũng sẽ thống nhất được chỉ đạo cho *Mặt-trận Nhân-dân Đông-dương* trong cuộc đấu tranh chung (thực chất là Cộng-sản Việt dựa vào căn-cứ-địa ba nước này tiếp tục nắm quyền chỉ-đạo Lào và Kam-pu-chia).

Cộng quân đã phát khởi đợt *Tổng-công kích* hiện tại từ vùng rừng núi nhưng sẽ cố mở rộng xuống đồng bằng. Mục-tiêu trước mắt của Cộng-quân là phục-hoạt các căn-cứ-địa cũ, kể đến tạo điều-kiện cho *Tổng-nổi-dậy* được phát động. Công tác phát-động *Tổng-nổi-dậy* là công tác của lực lượng chính-trị hạ tầng cơ-sở, của quân địa-phương và dân-quân du-kích; chủ-lực chỉ đóng vai trò hỗ-trợ—phương cách hỗ-trợ cụ thể nhất là đẩy mạnh tấn công ở các vùng trọng điểm để thu hút không-quân, các lực-lượng tổng-trừ-bị và các sư-đoàn bộ-binh quân đội Miền-Nam. Tại nông thôn, không có chủ lực và không-quân chi viện tức thời, các đồn địa-phương quân, nghĩa quân Miền Nam sẽ trở nên những miếng mồi ngon cho Cộng-sản kết hợp đấu tranh ba mũi. Khi rơi vào tình trạng cô lập, các đồn này có thể bị vô-hiệu-hóa (mặc cho cán bộ Cộng-sản hoạt động bên ngoài)

và sẽ dễ bị bức rút, bức hàng (Cộng-sản cho là như vậy!). Lực lượng vũ trang đã không làm tròn được sứ mạng bảo vệ thì cơ-cấu hành-chánh, chính-trị phải tan rã.

Trước tình huống ấy, chỉ cần một mệnh lệnh của Huyện-ủy là các đảng, đoàn viên Cộng-sản nhất tề hành động: Chuông mõ đồng loạt được khu vang, cờ, biểu ngữ sẽ được tung ra cùng khắp thôn xóm để kích động cho cuộc nổi dậy thật rầm rộ; đường xá, cầu cống bị đào, cắt làm cho quận lỵ, tỉnh lỵ mất liên lạc với xã ấp và sẽ không tiếp ứng được nhau.

Nắm được nông thôn là nắm được tất cả. Thành thị khi ấy sẽ trở nên những hải đảo bị cô lập giữa muôn trùng biển sóng cách mạng, sớm muộn gì cũng sẽ bị tràn ngập. Nhưng phương cách tràn ngập mà Cộng-sản dự trù như trên đã nói, sẽ là phương cách chính trị chứ không phải quân sự, nghĩa là phương cách bầu-cử tạo ra thế hợp-pháp quốc-tế.

Trong phạm-vi quốc-nội

Quyết định mở chiến dịch hiện nay của CS Việt có đặc điểm là vùng rừng núi được chọn làm *cửa mở*, knác hẳn lần *Tổng-công-kích Tổng-khởi-nghĩa Tết Mậu-Thân* (*cửa mở* ở thành thị). *Tổng-công-kích* lần trước đã cho thấy có phối hợp đúng mức giữa ba thứ quân Chủ lực, Địa phương và Du kích làm cho mũi quân sự được đầy mạnh và khá thành công trong đợt đầu. Tuy nhiên, mũi chính-trị đã chẳng nhúc nhích được bao nhiêu

(quần chúng sẽ nổi dậy cướp chính quyền) và mũi binh vận tuyệt không thể hiện được một phần nhỏ nhoi nào trong kế hoạch dự trù (Binh sĩ Miền Nam sẽ nghe theo tiếng gọi của Cộng sản mà buông súng hoặc tạo binh biến). Cuộc tấn công ba mũi Mậu-Thân có thể được hình dung bằng hình ảnh « một mũi gậy, một mũi cong chỉ còn một mũi sắc nhọn ». Nhưng, cái mũi sắc nhọn ấy vì phải cầm cự đơn độc nên được ít ngày thì cũng cùn dần rồi nhụt hẳn. Thành ra, *Tổng-công-kích* thì có mà *Tổng-khởi-nghĩa* thì không !

Nay, rõ ràng Cộng sản Việt đã tính đi nước cờ khác : Trong đợt đầu chỉ có Chủ-lực tham dự để bảo tồn Địa phương, Du kích cho các đợt sau. Rừng núi là đất tung hoành của Chủ lực, nhất là thứ Chủ-lực được trang bị hùng hậu với đại pháo và xe tăng. Những khí giới mới này chẳng những chỉ chi viện hỏa lực mà còn chi viện cả tinh thần cho bộ binh Cộng-sản. Do đó, khi tấn công, CS tiên liệu sẽ tạo được những đòn sấm sét giáng xuống đầu Quân đội Miền Nam.

Tại mặt trận Trị-Thiên, những đòn sấm-sét ấy quả đã có trong mấy ngày đầu, nhưng khi đại quân đổ xuống quốc lộ 1 thì xe tăng tỏ ra kèn càng lộ liễu, trở thành những mồi ngon cho phi pháo và làm chết lây cả bộ binh tháp tùng. Tình hình Bình-Long cũng diễn ra y hệt. Cộng quân tiến chiếm Lộc-Ninh thật dễ dàng nhờ yếu tố bất ngờ, nhưng khi xuống tới An-Lộc thì nhược điểm chiến-thuật bắt đầu lộ rõ : Hiệp-đồng

bộ-xa đã làm cho Cộng-quân mất hẳn tính-chất mềm dẻo thường có.

Rừng núi quả là đất tung hoành của Chủ-lực Cộng-quân, nhưng nếu không bung được xuống đồng-bằng thì làm sao tạo nổi khí-thế đủ khí-h động đưa đến *Tổng-nổi-dậy* ở nông-thôn ?

Nói đến *Tổng-nổi-dậy* là phải nói đến chính-trị, mà về mặt chính-trị có lẽ CS Việt còn nhiều sơ-hở hơn là về mặt quân-sự. Sơ-hở trước mắt là việc chọn giới-tuyển làm điểm nổ súng đầu tiên. Như trên đã nói, khu vực giới-tuyển sát lãnh-thờ miền Bắc, tiện đường tiếp-vận, nên có thể dồn quân tạo đòn quyết-liệt phủ đầu và nuôi-dưỡng mặt trận. Nhưng, nếu có cái lợi về chiến-thuật thì lại có cái hại quá lớn không bù đắp được về tuyên-truyền. Mặc dù Bắc-Việt đã đưa quân vào Nam cả chục năm nay, nhưng đề tạo ảo-tưởng « nhân-dân miền Nam nổi dậy », Bắc-Việt đã cố tránh mọi hành-động cho thấy có sự tham-dự lộ liễu, thậm-chí đã nhẫn-tâm từ-chối tiếp-nhận cả những thương bệnh binh của chính mình. Nay, chiến xa từ miền Bắc ào ào đổ xuống đã đột ngột làm tan biến mất huyền-thoại về « giải-phóng-quân miền Nam » mà CS Việt đã cố gắng sắp đặt. Ảnh-hưởng tai hại của sơ hở này không phải chỉ có ở quốc-nội mà còn thấy rõ ở khắp báo-chí không Cộng-sản trên thế-giới.

(xem tiếp trang 71)

Một trung tâm sáng tác văn nghệ

Riêng đối với tôi, Đông-Hồ không phải chỉ là một văn hữu. Mà anh còn là một vị ân sư, đã có công xây dựng cho tôi rất nhiều. Nếu trên đường văn nghiệp của tôi, mà tôi không gặp hai bạn đàn anh, trước kia là Phan-văn-Hùm sau đó là Đông-Hồ, thì tôi nghĩ rằng có lẽ, suốt đời cầm bút, tôi sẽ chỉ là một kẻ dùng văn xoàng xĩnh, chớ khó thể góp mặt vào việc sáng tác một vài tác phẩm có tánh cách văn nghệ. Đã từ lâu, nói cho đúng là từ năm 1930, Phan-văn-Hùm đã khơi cái mạch văn tâm cho tôi. Nhưng mà, bởi nghĩ rằng đời hoạt động chính trị hăng say đâu để thì giờ nữa mà gọt văn giữa chữ hồng sáng tác văn chương...

Tình cờ, năm 1948, tôi từ Hà-nội về Sài-gòn, được một ký giả dặt ngang nhà Đông-Hồ. Bạn này ghé viếng, mà tôi có dịp chào tác giả *Linh Phương*. Tôi còn nhớ, nơi một vũng sinh lầy vừa được lấp đất, năm sau Bộ Lao động bây giờ, gia đình Đông-Hồ, từ Hà-tiên lánh nạn binh lửa lên, cất một ngôi nhà ba căn hẹp, mái lợp ngói âm dương, vách ván búa kho, giữa không có vách ngăn, bàn ghế sơ sĩa và dọn như trong nhà của một trung nông miệt vườn. Đông-Hồ tiếp chúng tôi trong bộ bà ba trắng của một dân nhà quê, và nhắc chuyện hồi nhỏ học ở trường tu thực Võ-Văn, khi biết tôi là người đất Cần Thơ. Từ đó, mới hỏi phăng biết tôi trước học cùng lớp với Trúc-Hà

Trần-Thiên-Thới, một văn-hữu quá cố, đã cùng Đông-Hồ bước vào làng báo Sài-gòn với tuần báo *Sống*, năm 1933. Trần-Thiên-Thới là cái gạch nối cảm tình mà Đông-Hồ đã khéo léo buộc tôi vào số đoạ trường văn nghệ. Bởi vì người bạn đồng song của tôi này cũng là người đã «dám» lướt qua mọi trở ngại mà bước trước hơn ai cả trong đám để dẫn thân vào đường văn nghệ. Lấy gương đó, Đông-Hồ quyến rũ mời mọc, giúp đỡ để cho tôi mạnh dạn lên. Ban đầu, tôi sợ hãi, rồi thẹn thùng, e dè, nên chỉ hứa chấp nhận với điều kiện khá rườm rà.

Điều kiện thứ nhất là trước khi tôi khởi sự viết một bài, Đông-Hồ phải chịu khó «mạn đàm» với tôi, rớt ròi, trong cái sở nói không đề ấy, anh chọn đoạ nào mà đứng vào phương diện khách quan, anh thấy có thể viết lên giấy được, bảo cho tôi, thì tôi mới chịu viết. Về điều kiện này, cũng nên nhắc lại một giai thoại về «quả dưa hấu xanh vỏ đỏ lòng».

Một hôm, hơn mạn đàm, tôi có kể lại một phen tôi đã nói dóc với một số sanh viên nam nữ ở Hà-nội. Có một cô hỏi : Tại sao mà trước đây, các người Nam ra Hà-nội, lại bị dân ở xứ ngàn năm văn vật này gọi là «dưa hấu»? Một sanh viên có đưa ra câu giải đáp, có lẽ là rất phổ biến ngoài đó, nhắc rằng khi xưa, ở Hà-nội chưa có Đại-học, mà chỉ có trường Cao-đẳng, và các

tiểu thơ Hà-thành rỉ tai nhau câu «Phụ Cao-đẳng bắt thành phu phụ». Từ Nam ra Hà-nội, chỉ có một vài ông phán, còn bao nhiêu thấy là các cậu sanh viên. Sanh viên miền Nam, lúc ấy ra đó với túi tiền nặng trĩu, tánh bặc trực thẳng thắn, hơi du côn một tí, xử sự có vẻ yên hùng, ham đánh Tây, đã làm cho các cô Hà-thành lác mắt. Một số đã mê say và hiến thân vàng ngọc. Nhưng mà khi các cậu sanh viên công tử này học xong, thì rút hết ân tình bỏ lại bờ hồ Hoàn kiếm, báo hại các cô bơ vơ quanh hồ đi tìm vóc dáng của người xưa. Lắm cô uất hận, so sánh các cậu trai công tử này với loại dưa hấu, ngoài vỏ thì xanh, bỏ ra, ruột lại đỏ hoét. Do đó mà danh từ «dưa hấu», xanh vỏ đỏ lòng được gái Hà-nội dùng mà tặng cho trai sanh viên miền Nam.

Lời giải thích này làm cho mấy cô nữ sanh viên bụm miệng hỏi chỉ mũi tôi : «Sao anh Tường ? Anh có phải là «dưa hấu» chẳng ?» «Lúc ấy, tôi đúng 35 tuổi, mà bị gái hỏi như vậy, không lẽ lại nhận tội là «xanh vỏ đỏ lòng» sao ? Ví dầu lúc ấy, trong lòng tôi nuôi một âm mưu lường gạt ái tình nào, thì càng không lẽ đường đột thú nhận như vậy để hồng kếp sấn gái ? Quả thật là một trạng huống «chẳng đặng đừng» bắt buộc tôi bịa ngay ra một câu chuyện rất «yên hùng», nói dóc để chứng minh rằng «dưa hấu» không có cái nghĩa xấu xa như vậy, để mà cứu thể diện chung của trai miền Nam đối với gái Hà-nội.

Đông Hồ nghe tôi kể câu chuyện nói dóc ấy lấy làm hứng thú, một hai bảo tôi viết ra. Tôi một hai từ chối, bảo rằng đó là chuyện nói dóc, bịa ra để cãi

bướng cho trôi, mà không nên ghi lên giấy. Nên về nhà, tôi không chịu viết. Anh Đông-Hồ đích thân ra chợ, với con dao xếp bên trong túi, len lỏi qua hàng dưa, mà chọn một quả dưa, với vỏ thật xanh, với ruột thật đỏ. Mua xong, Đông-Hồ cho người ôm quả dưa đến tận nhà tôi với tấm danh thiếp. Nhìn quả dưa, tôi thấy cạnh bên cuống một cái dấu khoét vuông bằng lưỡi dao xếp rút ra để xem ruột, rồi lấp lại y chỗ cũ. Vô ý, coi quả dưa như là còn nguyên. Tôi đã hiểu ngay rằng Đông Hồ đã dùng «nghề chơi cũng lắm công phu» mượn quả dưa xanh vỏ đỏ lòng là sự giả dối món nợ văn chương mà tôi đã thiếu anh. Bất buộc, tôi phải nén lòng, viết bài nói dóc nợ mà gửi cho anh...

Điều kiện thứ hai mà tôi bắt buộc Đông Hồ, là tôi viện cớ rằng tôi có cái tật viết rất ẩu, không viết trên nháp rồi chép kỹ lại, cứ cầm viết là quậy từ đầu cho tới cuối, không quen gọt giũa câu văn, thêm chẳng rành nghề, nên tôi giao rằng mỗi bài của tôi giao lại, Đông-Hồ bắt buộc phải cầm viết mực đỏ mà sửa từng chữ, từng câu, như sửa bài học trò. Đối với một môn đệ khó tánh và chỉ tìm cớ mà chối từ, tôi ngỡ rằng bất cứ ai cũng đã chạy. Tôi dựng lên điều kiện này, để cho Đông-Hồ chối từ. Thuở xưa, Huỳnh-Thạch-Công giả bộ rớt dép ba lần để mà thử tánh nhẫn nại của Trương-Lương, trước khi trao quyển *Tam Luận* cho. Tôi nay chơi ngược lại, tôi dựng lên những điều kiện, để từ chối ông thầy. Té ra Đông-Hồ lại chịu nữa. Anh còn viện lý do rằng chẳng lẽ anh sống mãi để mà chữa văn cho tôi, chẳng lẽ cầm viết lâu mà chẳng

quen, tôi cứ nhờ anh chữa mãi sao, và anh chấp nhận sửa bài cho tôi cũng làm như cây chuối, cho tôi êm mà tập lộn, và khi biết lộn rồi, chẳng ai đại gì êm mãi cây chuối cho vương tay chơn. Với cái nhận xét hữu lý này tôi mắc kẹt, phải chấp nhận một phần đề nghị rất hay. Là Đông-Hồ đề nghị tôi phải đọc qua các báo, nhặt lượm những cái thổ 'ngộ, những câu sống sượng, những tư tưởng ngáo ngổ mà trích nêu lên, rồi giải thích và chỉnh đốn cho hay hơn. Đồng thời, hề gặp lời hay ý đẹp, tôi cũng phải trích đăng, để độc giả soi lấy làm gương. Hai anh em thảo luận, đặt tên cho mục này là, một bên thì *Nhỏ cỏ dại*... một bên thì *Cấy hoa thơm*.

Hai bên thỏa thuận xong xuôi, Đông-Hồ lấy làm hứng thú, mở ngay một cuộc thi văn chương, mà tác phẩm dự thi chỉ là một câu thơ bảy chữ, cho nổi ý, hợp niêm luật và hợp vần với ba câu xướng do chính Đông-Hồ sáng tác. Trong ba câu này, xin để ý rằng chữ "bạn" mà Đông-Hồ dùng không ai khác hơn là tôi. Tôi xin đọc:

Bạn hỡi, nhỏ đi chòm cỏ dại,

Cấy thay vào đó giống hoa thơm:

Cho vườn văn Việt bừng hương sắc...

Câu thơ thứ tư, thi sĩ để lửng lơ đó, và yêu cầu ai dự thi là đặt cho và gửi đến ban giám khảo. Sau đó, tôi sang Ba-lê. Đông-Hồ viết thơ cho tôi hay rằng mấy chục câu thơ gửi lại dự thi, anh chưa gặp câu nào vừa ý cho lắm. Nghĩ công phu của bạn, vì muốn xây dựng cho mình mà lao tâm khổ tứ như ông ấy, tôi viết một bài khá dài

nhau đề là *Nhạc Nôm* gửi về, để góp câu thơ của tôi. Bài này có đăng trong tuần báo *Thế Giới* mà anh chủ trương. Thế mà nợ văn tự chưa trả xong, cả chục năm sau, tôi còn viết một câu thơ khác, nhất trong tiểu thuyết *Tiểu Phi Lạc náo Sài Gòn*. Đến nay, tôi còn chưa sạch nợ, nên kêu gọi thi sĩ bốn phương, gửi câu thơ dự thi cho hương hồn anh Đông-Hồ tạ tội nguyện.

Về cái chuyện "nhỏ cỏ dại" này, có một mẩu chuyện, cũng nên nhắc qua vì một cọng cỏ dại, mà chúng tôi mất cả hai ba ngày. Số là, một hôm, đọc trong một bài báo, tôi thấy tác giả làm cho tôi phì cười, mà gọi là một nhà nho ấu, y như danh từ mà tôi đã dùng với Đông-Hồ:

— Tôi dầy, tôi nói, thuộc vào giống nọ rài. Nhưng anh bạn này, tôi tin rằng thuộc vào giống "nho ấu".

— Sao đó? Đông-Hồ hỏi.

— Đây, anh ấy gọi người anh em bạn rể là "trạo huynh". Tiếng trạo huynh, tôi chưa từng được thấy có ai dùng bao giờ. Tôi nghi ngờ rằng ảnh dịch tiếng bình dân của ta, là "anh em bạn cột chèo" ngược lại ra chữ nho mà đặt một danh từ làm cho ba Tàu điếc con r'i. Tôi phải mất công tra *Từ Nguyên Từ Hải*. Nhưng tìm chẳng ra tông tích của hai chữ "trạo huynh". Có phải là ấu chăng?

Đông - Hồ cười hờn nhiên, moi trí óc để nhớ, và nói:

— Bác tôi là một thám nho, thường viết thơ cho một anh bạn cột chèo, mà xưng hô lại khác. Tôi hỏi nhỏ có viết

thor giúp cho bác bằng ngoại ngữ, nhớ rằng cái gì bưng đó rất dễ viết, chỉ có một mẫu tự mà thôi.

Thế là hai anh em đưa nhau, vừa tra khảo, vừa moi trí nhớ. Vài hôm sau, vừa gặp mặt tôi, Đông Hồ nở nụ cười :

— Dễ quá, mà mình quên ! Theo chữ Hán, hễ anh thì gọi là «á huỳnh», em là «á đệ». Biến đổi «á» thành ra «trạo» thì quả là «ấu» thiệt...

Còn điều thứ ba, mà tôi trối buộc Đông-Hồ, là bài tôi viết thì không được ký tên thiệt của tôi. Do đó mà Đông-Hồ phải nạo óc mà đặt cho tôi thêm ba cái bút hiệu mới và khác nhau. Bút hiệu thứ nhất là Huệ Tôn, dùng cho mục «nhỏ cỡ đại... cấy hoa thơm», lấy tích vua Huệ Tôn từ ngôi, vào chùa tu, giữa những giờ kinh kệ, thì ra sân chùa mà nhổ cỏ. Bút hiệu thứ hai và thứ ba mà anh chọn cho là Ly - Duệ và Lâm-Trinh. Tôi vốn dốt, hỏi anh ý nghĩa ra làm sao, thì Đông-Hồ nói :

— Duệ có nghĩa là con cháu theo dòng dõi. Ly Duệ nghĩa là con cháu dòng dõi của người Ly, tức là của Hồ-quí Ly. Đó là nói về họ của anh. Còn về tên anh, là Tường, thì tôi dựa vào câu chúc, mà các nhà nho hay chúc cho nhau hai chữ «trinh tường». Gắn chữ «trinh», ấy là chữ «tường».

Bị Đông-Hồ bủa một cái lưới tình cảm, săn sóc, chăm lo đến chi tiết dường ấy, tôi nghĩ khó mà chối từ. đành phải «đánh liều nhắm mắt đưa chân... để cho văn nghệ xoay vần thế nào ? ». Đối với cá nhân tôi, anh Đông-Hồ đã chu

đáo như thế để giúp cho tôi sáng tác. Anh đã tạo riêng cho tôi một cái «trung tâm sáng tác». Và tôi tin rằng chắc cũng có một vài văn hữu khác, ngoài Triều Sơn đã qua đời, nếu moi trí óc mà tìm một đôi ký ức, ắt cũng thấy cái vai trò «trung tâm sáng tác» của thi sĩ Đông-Hồ.

Nhắc đến cái trung tâm sáng tác Đông-Hồ, mà không nhắc đến chị Mộng Tuyết, tôi thấy là một sự thiếu sót vĩ đại. Người đàn bà Việt-Nam có một đức tánh nên ca ngợi (hay nên chê bai), mà tôi chưa tìm thấy nơi dân tộc nào khác. Đó là đức tánh đảm đương. Đàn ông mình mà ca ngợi đức tánh đảm đương của các bà, thật là một sự ích kỷ rất xấu hổ của kẻ «dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm» ! Nhưng mà trót đi vào con đường văn nghệ, mà thứ văn nghệ ở Việt-Nam, tức là chọn một cái nghề chẳng nuôi người, bắt buộc phải ca ngợi đức tánh đảm đương của các bà. Chị Mộng Tuyết có cái đảm đương trong nghiệp doanh-thương. Buôn bán ở các địa hạt khác, tôi đã thấy chị thành công. Nhưng mà chị còn biết thêm sự khai thác tài doanh thương này trong ngành phát hành, xuất bản, khiến Yiêm-Yiêm thư trang trở nên là chỗ hẹn hò của văn nhơn nghệ sĩ. Tôi tin rằng chị đã là một trung tâm sáng tác cho anh Đông-Hồ, mà gián tiếp, xuyên qua Đông-Hồ ; chị đã thành một trung tâm sáng tác nữa. Nếu bạn lật lại những tờ báo như *Tiếng Việt*, *Ánh Sáng*, những tuần báo văn nghệ, như *Thế Giới*, *Nhân Loại*, ắt bạn không thấy dấu vết của bàn tay chị. Nhưng nếu chẳng có bàn tay này, chưa chắc những báo chí ấy đã ra đời.

Năm 1952, từ ngoại quốc về, tôi tìm đến viếng Đông-Hồ, thì ngôi nhà ngói cũ, nằm sau Bộ Lao-Động không còn nữa. Bảy giờ, phải tìm ra đại-lộ Nguyễn-thái-Học, đến *Yiêm-Yiêm thư-trang*. Nơi đây đã hiện lên nhà xuất bản *Bốn phương*, và trên đường Phạm-ngũ-Lão, đã có những mầm móng đầu tiên của cơ quan ấn loát *Thư-lâm ấn-quán*. Tôi không muốn nói về sự kinh doanh đồ sộ. Có lẽ có biết bao nhiêu người còn làm ăn phát tài hơn. Nhưng tôi nhấn mạnh nơi sự cố gắng để giúp phương tiện cho những nhà sáng tác, và tin tưởng rằng chỉ còn ít bước nữa, là đã vượt kịp qui mô của một nhà xuất bản cỡ vừa vừa ở Âu châu.

Cái qui mô này, Đông-Hồ đã đem phụng sự cho sự sáng tác văn nghệ. Có lẽ, một số văn hữu chúng ta đã có dịp đến cái "trung tâm sáng tác văn nghệ" nằm tại đại lộ Nguyễn-thái-Học. Phía trước là hiệu sách và nơi trình bày những tác phẩm do *Bốn phương* xuất bản. Phía sau là phòng làm việc cũng như nơi tiếp các văn hữu, mà vách là những tủ sách chứa ăm ắp những tài liệu hiếm có, (như gần đủ trọn bộ *Nam Phong*), những tác phẩm không còn trông thấy ở thị trường, nhưng bức liền đối, tuy viết bằng tay và chữ quốc ngữ, nhưng chính do Đông-Hồ chế ra một lối riêng, cầm bút lông mà thảo như các cụ đồ viết chữ Hán vậy. Đến đây, văn hữu, tìm hứng, tìm đề, tìm tài liệu, hoặc kê cứu chỗ còn nghi hoặc, và chủ nhân, mặc dầu xem sức khỏe chẳng là bao, nhưng nói chuyện với mình có lẽ mình một trước và xin cáo từ.

Mỗi lần tôi đến cái "Đại Ân am" này mà thăm bạn, thì tôi phải tính trước sẽ

có thể dành luôn ba bốn giờ chẳng? Bởi vì tôi không thể tránh khỏi bị cầm rốn lại, để cho anh ~~chị~~ chuyện văn nghệ cho đã. Khởi cần dặn, chị Mộng-Tuyết chuẩn bị ngay cho bữa cơm sắp đến. Tuy loay hoay ở bếp, mà chị vẫn giở tai nghe để hiểu tại sao hai anh em cười nổ vang như vậy. Bữa cơm ấy bắt buộc tôi phải ăn. Và ăn rồi, chẳng lẽ quẹt mỡ mà xin về. Phải nán lại gây chuyện nói nữa.

Ngày đó, thế nào cũng mất năm sáu giờ. Phần Đông-Hồ là lỗ tròn rồi, có khi phải rón thức đêm để làm những công việc dở dang vì tiếp bạn. Nhưng mà về phần tôi, tôi không lỗ. Thế nào tôi cũng quơ được một cảm hứng, tìm được một đề tài để mà sáng tác, viết cả tháng cũng chưa hết. Xét về hành vi của Đông-Hồ, mới hay rằng một nhà văn chẳng cần tỷ phú như Vương-Khải, Thạch-Sùng, để có thể đóng vai "mạnh thường quân" để khuyến khích sự sáng tác văn nghệ. Anh Đông-Hồ, với cái vui vẻ hồn nhiên, với một cơ sở xuất bản vừa phải mà khai thác có kế hoạch, với một tâm hồn chuộng khách nhà văn và xây dựng những bạn văn nghệ, anh đã đóng được vai trò của một "trung tâm sáng tác văn nghệ" rồi. Nay, sự mất đi của anh, theo chỗ nghĩ thô thiển của tôi, là mất đi cả một cái "trung tâm sáng tác văn nghệ". Và tôi cảm rằng chúng ta cần xây dựng một cái khác, mà chúng ta rất cần dùng.

Kính thưa liệt quý vị,

Quý vị đã cùng tôi đánh một cái vòng khá lớn trong thời gian lẫn trong không gian, để có một vài ý niệm về "trung tâm sáng tác" mà tôi muốn kêu gọi xây dựng cho chúng ta, tại Sài-gòn này, và cho cái "làng văn nghệ" của chúng

ta. Sáu bảy năm về trước, một số văn hữu đã hăng say cố xúy cho việc thành lập làng văn nghệ này. Từ khi tôi chệnh mảng và đi hoang, tôi không rõ việc này đã đi đến giai đoạn nào. Dầu sao, đặt vấn đề thành lập một trung tâm sáng tác cho cái làng văn nghệ này không phải là một việc thừa.

Vào cuối thế kỷ trước, những quan niệm về mối tương quan giữa đời sống của nhà văn với sự sáng tác văn nghệ đã chia ra làm hai trường phái rõ rệt. Trường phái thứ nhất chủ trương rằng văn nghệ sĩ phải sống một cuộc đời phiêu lưu, nghèo cực, lăn lóc với đám gọi là bohème, bê tha, gần giống như nếp sống của đám trẻ hippies ngày nay. Phái bohème này tin rằng có sống như vậy, tóc có rối bù xù, quần áo rách rưới tanh hôi, chẳng có nề nếp chi cả, mới gặp những xúc động mãnh liệt kích động cho sự sáng tác văn nghệ của mình.

Phái thứ hai, mà lãnh tụ là văn hào Tolstoi, chủ trương rằng văn nghệ sĩ, cũng như mọi giới khác, phải có một đời sống thanh khiết, đạo đức, và trở về với thiên nhiên, cảm thông cùng vũ trụ, thì tâm hồn mới có thể làm miếng đất tốt để gieo hạt giống lành cho sự sáng tác văn nghệ.

Ngày nay, khắp đâu đâu, cũng như trên mảnh đất Việt-Nam, nhỏ bé này, tôi tưởng chừng cuộc tranh biện này còn kéo dài chưa dứt. Phái bohème xưa, nay vẫn còn, chỉ đổi danh xưng là phái hippy. Và vô tình, môn đệ của Đào-uyên-Minh ở Việt-Nam lại có gì phảng phất với môn đệ của Tolstoi. Tôi tin rằng

cuộc tranh biện này không thể nào chấm dứt, bởi vì mỗi tác giả cần có một thứ «kích thích tố» riêng biệt cho mình. Nhà văn Malraux nhờ cuộc tranh đấu của cu-li ở Quảng-Châu kích thích mà viết được tiểu thuyết *Les conquérants*, nhờ không khí vô trang bạo động ở Thượng-hải mà sáng tác được *La condition humaine*, cũng như nhờ nội loạn ở I-Pha Nho mà viết được quyển *L'espoir*. Nhưng mà văn hữu quá cố của chúng ta là thi sĩ Đông-Hồ cần có một bầu không khí đượm mùi Lãn-Trang kích thích, thì nguồn thơ mới lai láng. Như vậy, không thể đóng khuôn, đóng rập cho việc sáng tác được. Tôi không có tham vọng kêu gọi thành lập những trung tâm sáng tác làm thỏa mãn tất cả nhu cầu của tất cả nhà văn. Vấn đề của tôi khiêm tốn hơn nhiều. Và tôi chỉ muốn hàn bạc với quý vị về cái khiêm tốn ấy mà thôi.

Xét vì, ngày nay, nếu có những văn hữu, gọi là hippies, trong ý nghĩa cao đẹp của danh-từ này, mà muốn có hoàn cảnh sáng tác thuận tiện cho mình, thì cần chỉ bỏ một món ít tiền Xã hội ưu đãi họ mà tổ chức cho họ những «trung tâm sáng tác» đầy đủ những kích thích tố đặc thù cho họ, nào nhạc giựt gân, nào ca sĩ lả lướt, nào rượu xé lưỡi, nào ma túy, nếu họ cần, nào luyện-ái nếu họ đòi hỏi. Sau những cuộc trác táng, va chạm, thiếu gì tư và hứng để mà sáng tác?

Còn những văn-hữu, môn đệ của Đào-Tiềm và Tolstoi, thì không sao tìm đâu có một trung tâm sáng tác, với vài vọn sách quý, một khung cảnh thiên nhiên với những làn bè tri âm? Tôi tưởng

tượng một làng văn, trong ấy mỗi văn hữu có một lô đất từ 500 đến 1.000 thước vuông, với ngôi nhà nhỏ nhỏ xinh xinh, giữa một đám vườn xanh mát, với một cái ao thả cá, trên ao có giàn bầu mướp, mà hoa hay lá rụng xuống, bị cá đớp ngay. Trong làng sẵn có một cái đình làng để cho văn nhơn tụ họp, thảo luận, tranh biện, với thư viện đầy đủ, phòng triển lãm tuy nhỏ mà xinh. Theo không khí đồng thanh tương ứng, văn nghệ sĩ đến đó vào đúng lúc của mình mà sanh hoạt cùng anh em, để nhật một mớ hứng, lượm một mớ tư, để tài mà về nhà sáng tác. Làng đứng xa trung tâm thành phố, để cho con cái tiện đường đi học, cho các vị nội trợ tới lui buôn bán, để nối gót bà Tú sông Vị nuôi con giúp chồng.

Đây cũng là vấn đề trọng đại cho nhà văn nghệ Việt-Nam. Có bao nhiêu nhà văn Việt-Nam mà dùng được nghệ thuật của mình làm sanh kế? Nên chi, tất cả chúng ta thấy đều phải nhờ đến một nghề nuôi miệng, hay nhờ tài đảm đương của những bà nội tướng bấy giờ kiêm cả việc ngoại giao, thì mới có điều kiện sanh sống để cho phép mình hy sanh cho nghệ thuật. Bởi vì, ở xứ ta, đối với phần đông văn nghệ sĩ, hoạt động văn nghệ vẫn là một sự hy sanh vĩ đại.

Cách chợ Bến Thành độ năm sáu ngàn thước (tức là xa độ như chợ Bà Chiểu mà thôi) hãy còn có thể tìm gần trục giao thông tiện lợi và tổ chức những phương tiện di chuyển mau lẹ và rẻ tiền, những thửa ruộng giá chung quanh một trăm đồng một mét vuông. Ruộng ấy phân thành lô chừng 500 mét vuông, chỉnh trang đường sá, hoạch khu công cộng để tổ chức mọi tiện nghi và cái trung tâm sáng tác, thì giá mỗi lô không quá 100.000 đ. Đào ao lấy đất

đắp nền nhà và thửa vườn, xây dựng nhà cửa cho khang trang, thì giá mỗi cái nhà thanh thoág như vậy, tính ra giá rẻ hơn một căn hẹp và tối, trong khu ổ chuột của thành phố.

Cái mộng xây dựng một làng văn nghệ như vậy, tôi ấp ủ từ lâu. Bởi tôi quan niệm rằng một cuộc cách mạng trong đời sống vật chất, thêm những thuận tiện cho sự sáng tác văn nghệ, sẽ đẩy phong trào văn nghệ bước tới rất dài, và rất vững vàng. Tôi tin rằng khi mà chưa tạo được một nếp sống vật chất và những điều kiện sáng tác thích nghi cho phái văn nghệ Tolstoi, thì sự tranh biện giữa hai phái hippies và phái Tolstoi trở nên vô nghĩa. Vô nghĩa như cuộc chạy đua giữa người cụt chơn với kẻ cỡi xe. Cái mộng này, tôi vẫn ấp ủ trong mấy năm qua ngay trong lúc tôi đi hoang. Và cũng may, tôi gặp được một số người, tuy ở ngoài giới văn nghệ, song tán thành cái mộng nọ và sẵn lòng tác thành. Có người rủ tai, khuyến khích và giúp đỡ cho tôi thực hành kế hoạch lập làng như vậy, để chuộc cái tội đi hoang.

Ngày nay, đứa con hoang là tôi trở về với gia đình văn nghệ, với thẹn thùng xấu hổ trong lòng. Nên nhớ lại lời khuyến khích xưa, đem cái mộng này ra mà bàn bạc cùng với anh em trong gia đình. Ít nữa cũng gọi là nói già già để tránh lời nhiếc mắng. Ví như quý văn hữu tưởng tình mà hưởng ứng, tôi tưởng chừng có thể góp một phần khá nhiều nào để mà thành hình được một làng văn như phác họa ở trên. Sự góp phần này, tôi quan niệm là một sự đền tội của đứa con của gia đình, đã đi hoang suốt năm năm qua.

Nhược bằng kế hoạch không được ai hưởng ứng, nhưng mà các bạn nở một nụ cười khoan dung cho, thì lòng tôi tri ơn đối với sự tha thứ vậy.

Xin cảm ơn và kính chào liệt quý vị.

Ngày 19-03-1972.

HỒ HỮU TƯỜNG

Đã phát hành :

DAVID RIESMAN

QUẦN CHÚNG CÔ ĐƠN

(THE LONELY CROWD)

Giải phẫu Xã-hội Hiện-đại

Hoàng Minh Tuynh

Trưởng Tiểu-Ban Xã-hội-học Ủy-Ban Điền-Chế Văn-Tự
dịch và bình-nghị

« THE LONELY CROWD » của Giáo sư David RIESMAN có thể coi là một trong những cuộc thí nghiệm nổi tiếng nhằm xác định bước tiến của xã hội Tây-phương hiện đại, bắt đầu từ Mỹ-quốc. Theo tác giả thì Mỹ-quốc khởi sự từ đầu thế kỷ XX đã là nước tiên phong dẫn đầu các nước Tây-phương khác, nhờ sức sản xuất cao đã làm phát sinh cuộc cách mạng tiêu thụ thay thế cho cuộc cách mạng sản xuất phát sinh từ Âu-châu thời Trung-cổ, qua các cuộc Phục-Hưng Văn-Nghệ, Cải-cách Tôn-giáo, các cuộc cách mạng công-nghiệp và chính-trị từ thế-kỷ XVII cho tới thế-kỷ XIX. Mỹ-quốc hiện đại là nước đi trước trong quá trình sản xuất tiêu thụ, thế tất rồi sẽ tới phiên các nước vẫn gọi là tiền tiến Âu-châu. Tác giả coi Mỹ-quốc hiện đang trên đường tạo thành nền Văn minh Liên Tây Phát-Triển. Mỹ-quốc không những đại diện cho cái hiện tại của thế giới Tây-phương, nó còn tiêu biểu một phần cho cái đang hình thành của nhân loại trong kỷ-nguyên toàn cầu. Cuốn sách của Giáo sư Davis RIESMAN phân tích tỉ mỉ Mỹ-quốc về mặt kinh tế — xã-hội học, mở xẻ tận đáy mọi khu vực của cuộc sinh hoạt hiện đại dưới một khía cạnh thực độc đáo: giáo dục, báo chí, điện ảnh, đảng phái chính trị, phương pháp trị quốc, quan hệ trong gia đình và xí nghiệp v.v.. chẳng khu vực nào là không được ông đem ánh sáng khoa phân tâm kinh-tế — xã-hội-học soi rọi vào mà ban ra cho mọi người thấy rõ.

Sách dày 464 trang

Giá bán : 600 đ.

Tủ Sách Xã Hội
xuất bản

Giáo dục là một sự đầu tư cần được quản trị và kế-hoạch-hóa

CĂN BẢN KINH-TẾ-HỌC CỦA GIÁO-DỤC

Cứu-cánh nhân-bản và xã-hội của giáo-dục

Cái quan-niệm thường của ta về giáo-dục cho rằng *giáo-dục liên hệ mật-thiết với văn-hóa*. Giáo-dục đặt căn-bản trên văn-hóa. Giáo-dục thoát thai từ văn-hóa. Giáo-dục cũng lại là con đường đưa tới văn-hóa. Vừa là cơ sở tinh-thần của giáo-dục, vừa là cứu-cánh của công-việc giáo-dục, văn-hóa đã bao trùm giáo-dục và tự chứng bằng cách đó.

Trong cái quan-niệm ấy, giáo-dục cũng như văn-hóa hoàn-toàn được coi là *một sản-phẩm tiêu-thụ*. Người ta được hưởng giáo-dục. Văn-hóa là cái đặc-quyền của những người đã được hưởng giáo-dục, và giáo-dục là cái hệ-thống đề duy trì văn-hóa. Sự khác-biệt giữa những người có văn-hóa, tự coi là giới thượng-lưu, và những người không có văn-hóa, chính là kết-quả của một nền giáo-dục kỳ thị và bất công chỉ biết có văn-hóa là tinh-thần và nội-dung. Đó là tình-trạng của nền giáo-dục cổ-điển, nền giáo-dục của những xã-hội còn nặng tính-chất phong-kiến.

Cuộc cách-mệnh Pháp, nêu lên những ý-tưởng *dân-quyền* và *nhân-quyền*, đã khai tử cái xã-hội phong kiến của Tây-phương. Nhưng rất nhiều những mảnh vụn của cái ý-

thức-hệ cũ vẫn còn rớt lại và sống rai-rải cho tới nay, trong đó có những quan-niệm về giáo-dục. Mặc dầu được phổ-thông hơn, giáo-dục vẫn còn là một sản-phẩm tiêu-thụ. Danton trên diễn-đàn của Quốc-Hội nói : « *Après le pain, l'instruction est le premier besoin du peuple* ». Học-vân và giáo-dục sánh với cơm áo. Giáo-dục thành một cái *quyền của con người*. Các nhà triết-lý cổ điển được tô chuốt lại cho hợp với thời đại. Con người ngày nay có quyền đòi hỏi được rầy nở đến mức tối-đa. Giáo-dục chính là phương tiện để phát triển con người và vì thế giáo-dục phải được phổ cập cho hết thảy mọi người. Thực sự thì cho tới ngày nay chưa có một nơi nào trong thế-giới loài người đã thực hiện được sự mở cửa giáo-dục một cách đồng-đều cho tất cả mọi cá-nhân, để thực hiện cái người ta gọi là « *sự phát-triển tối-đa của con người* ».

Một vấn-đề của ý-thức-hệ cũ lại được đưa ra để xét lại. Người ta hỏi : *cái mẫu người* tạo ra bởi giáo-dục là mẫu người như thế nào ? Con người văn-hóa như ngày xưa chăng ? Con người tự-do của thời Platon, kẻ sĩ của thời Khổng-tử có thể nói văn-hóa tự-do được, vì có cả một lớp nô-lệ nằm dưới để phục vụ. Vậy con người văn-hóa thuần-

chất của Hi-lạp và Trung-Hoa cổ-điển đó có thể duy trì được trong cái nhân-loại khao khát công-bằng và bình-đẳng của ngày nay không ? Thời-thế đã thay đổi, *mục-tiêu của giáo-dục* tất cũng phải thay đổi theo. Ở Liên-Bang Sô-Viết, Loubatchevsky tuyên bố sẽ tạo một con người mới sau hai mươi năm chính-quyền vô-san : con người mới này là con người ảo-tưởng của xã-hội chủ-nghĩa. Trong khi ấy thì ở Hoa Kỳ, Dewey xây dựng triết-lý của ông và tiến hành sự dân-chủ-hóa bởi học-đường. Sản-phẩm tiêu-thụ đã thành *một nhu-cầu*, và nhu-cầu mới đã trở thành *một lợi-khí* để thay đổi tính-chất của kẻ tiêu thụ và xây dựng những chủ-nghĩa tiêu hủy nhân-tính (1). Người *quân-tử* của đời Chu, *l' honnête homme* của thế-kỷ thứ 17, đã nhường chỗ cho những *cán-bộ và vệ-binh* của thời-đại: trong cái quá-trình ấy, giáo-dục vẫn nặng tính-chất văn-hóa và vẫn là một sản-phẩm tiêu thụ. Chỉ có một điểm khác, là con người, từ một địa-vị tự-do trong một xã-hội bất công, đã thành một con người mất hẳn tự-do trong những xã-hội vẫn không có sự công-bằng.

Mục tiêu kinh-tế và dân sinh của giáo-dục.

Nhưng giáo dục không phải chỉ là giáo-dục cổ-điển để trau dồi văn-hóa, cũng không phải chỉ là giáo-dục xã-hội để đào-tạo công-dân trung thành với những tín-ngưỡng của người cầm quyền. Giáo-dục còn là *giáo-dục nhân-sinh*. Trong xã-hội, bắt

đầu có sự biệt-biến thì cũng bắt đầu có giáo-dục kỹ-thuật để duy trì và phát triển đời sống của cá-nhân và của đoàn-thề. Dầu là học trong nhà hay ở trường, học đan rổ, đi cày, đánh cá, mài-dao hay học chữa điện, đúc súng, chạy máy, lắp xe, xây nhà, chữa bệnh, pha thuốc, vẽ mẫu, tổ chức, kinh-doanh, cũng là học những hoạt-động biệt-biến của một xã-hội mới. Trên những căn-bản ấy, khoa kinh-tế giáo-dục bắt đầu xây dựng một nền móng mới cho việc giáo-dục.

Ý-tưởng đầu tư nhân-lực là một ý-tưởng thoát đầu nhìn vào thì cũng có vẻ phi-nhân. Coi con người như một loại tư-bản. có-thể tăng giá-trị bằng dư được bằng cách đặt vốn vào một cách thích-đáng, là một ý-nghĩ nhắc nhở tới những chế-độ buôn người khi xưa. Triết-gia Stuart Mill, tác-giả cuốn Nguyên-tắc Kinh-tế Chính-trị (Principles of Political Economy), không chấp nhận người bị coi là của-cải, vì của-cải là để phụng sự người. Người là cái cứu-cánh, của-cải chỉ là phương-tiện (2). Tư-tưởng ấy còn để lại dấu-tích trong các sách kinh-tế cho tới một thời gần đây. Nhưng sự khác-biệt giữa sự đặt vốn để buôn người và sự đầu tư để giáo-dục là một điều

(1) *Lục-định-Nhất*, trưởng Trung-Ương Bộ Tuyên-Huấn Đảng C.S. Trung Hoa tuyên bố rằng «*giáo-dục phải phục vụ chính-trị của giai-cấp vô-san*» (Tháng 4, 1960).

(2) Đúng câu nói của J. S Mill là : «*Il est la fin pour laquelle la richesse existe*».

dĩ nhiên. Sự giáo-dục giải phóng con người, làm tăng khả-năng hiểu biết và hoạt động của người, và cho phép người ta lựa chọn việc làm một cách rộng rãi hơn, đồng thời sáng tạo một cách hữu-hiệu hơn. Giáo-dục giúp người tự thực hiện trong xã-hội.

H. von Thunen còn đi xa hơn nữa và cho rằng phải áp dụng ý-niệm tư-bản vào cho người mới tránh được sự khinh rẻ tính-mệnh và sự tự-do của con người; như trong chiến-tranh chẳng hạn: « Người ta sẵn sàng hi-sinh cả trăm người còn đang ở tuổi xuân để giữ một khẩu súng, vì lí do rằng » mua một khẩu súng thì phải xuất ra một chút của công, còn mạng người đâu có mất tiền mua, chỉ cần một đạo luật động viên là đủ » (1).

Tư-tưởng Kinh-tế-học Cổ-diễn.

Nguyên-tắc đạo-lý đã rõ-rệt rồi, chúng ta mới có thể đi xa hơn nữa mà nghiên-cứu về giá-trị của người coi như tư-bản và sự quan-trọng của việc đầu-tư giáo-dục.

William Petty (1623-1687) có lẽ là người đầu-tiên hiểu cái giá-trị của người. Trước K.Marx, nhà kinh-tế Anh này đã cho rằng « lao động là cha đẻ và nguyên-lý hoạt động của sự giàu có ». Ông tính năng-lượng sản xuất theo đầu người, và từ những con số ấy, đã kết luận rằng những chi-phí có tính-cách xã-hội để gìn giữ sinh-mệnh và sức khoẻ của dân là những chi-phí có lợi rất lớn. Ông cũng lại nhận

xét rằng các nghề-nghiệp khác nhau về năng-xuất, do đó có những khác biệt trong lương bổng: « Một người thủy-thủ bằng ba người đi cấy ». Phải hiểu sự khác-biệt ấy mới hiểu được lí-do của sự phú-cường và sức mạnh của giáo-dục.

Adam Smith (1723-1790) nối tiếp cái ý-tưởng ấy. Ông bao gồm một cách rất táo-bạo những khả-năng hữu ích học tập được của tất cả các người dân trong nước làm một mục của tư-bản, và ông nhấn mạnh về cái lợi kinh-tế của học-vấn cho phép người ta đầu hoạch được một lợi-tức lớn hơn tổng-số chi-phí để học tập.

Karl Marx (1818-1883) đề cao lao-động cũng như Adam Smith, phân biệt lao-động bình-thường và lao-động cao-cấp trên căn-bản học-vấn. Lao-động có giá-trị là « sự *hiễn-phát của một sức lao-động đã đòi hỏi nhiều chi-phí để huấn luyện, nhiều thời gian để tạo thành và vì thế, phải có một trị-giá cao hơn sức lao-động thường* ». Năng-lực sản xuất của sức lao-động đó tất nhiên cũng cao hơn.

A. Marshall càng nhấn mạnh về những điểm ấy. Trong cuốn *Những Nguyên-lý Kinh-tế-học 1890*, ông viết rằng « Những khả năng của người, coi như là những phương-tiện sản xuất, cũng quan-trọng như bất-cứ một hình-thức nào của tư-bản », và ông tiếp-tục rằng « những khả-năng được đào tạo bởi sự giáo-dục đại-cương càng ngày càng quan-trọng hơn ». Đó là sự phát biểu rõ-ràng nhất về giá trị của tư-bản

(1) H.von Thunen — *Der isolierte Staat 1875.*

nhân-lực trong tư-tưởng kinh-tế cồ-điền. Chúng ta hãy tạm ngừng sự tìm hiểu những tư-tưởng cồ-điền ở đây, để nhìn vào một vài trường-hợp điển-hình, chứng minh sức mạnh của giáo-dục trong việc phát-triển kinh-tế.

— *Sự phát-triển của Danmark và Sweden (Đan-mạch và Thụy-điền)*

Đây làm một inh-chứng của lịch-sử Đan-mạch và Thụy-điền là hai nước Bắc-Âu : người ít, đất-đai nghèo, nghèo hơn hầu hết các nước ở những khu-vực gọi là chậm tiến trong thời-đại của chúng ta.

Nước Đan-mạch chẳng hạn còn phong-kiến, với một tình-trạng xã-hội còn lạc-hậu, cho tới năm 1788 (vào thời Tây-Sơn bên ta). Đến năm ấy mới hết cái nạn mua bán trẻ con nhỏ tuổi của những nhà nghèo-khổ để mãn kiếp làm nô-dịch. Kinh-tế thì hoàn-toàn chỉ có cấy-cày theo những phương-pháp cồ-truyền. Lợi-tức quốc-gia chỉ trông vào một số lúa mì rất nhỏ xuất cảng được sang các lân-bang.

Đột nhiên, vào khoảng cuối thế-kỷ 19, thị-trường lúa mì ở Âu-châu bị tràn ngập bởi khối-lượng ngũ cốc từ Nga, từ Ấn-độ, và nhất là từ Mỹ-châu, qua những khả-năng chuyên-chở mới của hỏa xa và tàu thủy mà tới. Nền kinh-tế nhỏ-nhoi của Đan-mạch đã gần tới mức lụn-bại.

Nhưng Đan-mạch, trước cả nước Pháp và nước Đức, đã chuyển tất-cả nông-nghiệp trong nước, từ sự

trồng lúa sang sự trồng cỏ béo để nuôi bò và cừu; đồng thời, việc chăn nuôi được nghiên cứu lại trên những nguyên-tắc khoa-học, những kỹ-nghệ nông-nghiệp và kỹ-nghệ biến-chế sữa thịt được dựng nên. Trên thị-trường thế-giới, Đan-mạch đã tạo một khu-vực chuyên-biệt. Ông Myrdal, một nhà kinh-tế-học Thụy-điền viết : « Tất cả những cái đó đòi hỏi không những là phải thay đổi hoàn-toàn các kỹ-thuật sản-xuất và một sự cố-gắng cá-nhân lớn-lao của các nhà nông, mà còn phải tổ-chức lại thị-trường, để việc doanh-thương được nhanh-chóng và chắc-chắn. Sự thực-hiện ấy đã theo phương-thức hợp-tác-xã — hợp-tác-xã sữa, hợp-tác-xã thịt, công-ty hợp-tác xuất cảng, — lúc đó hầu như chưa có một thí-dụ nào trên thế-giới ». Sự tiến-bộ lan rộng ra những khu-vực khác của kinh-tế. Ngày-nay, Đan-mạch, một nước nhỏ chỉ bằng 1 phần 4 miền Nam Việt-nam (143.042 Km²) với một dân-số có 4.700.000 người, đã nghiệm-nhiên là một nước đứng hàng thứ sáu trên thế-giới về lợi-tức quốc-gia tính trên đầu người, ngay sau Hoa-kỳ, Canada, Thụy-sĩ, Thụy-điền và Úc.

Ông Myrdal viết rằng : « Không thể nghi ngờ gì được rằng sự thành công của cuộc cách-mệnh kỹ-nghệ trong nền kinh-tế nông-nghiệp của Đan-mạch là nhờ một phần lớn ở những phương-pháp hợp-tác-xã, và đã chỉ có thể thực-hiện được vì dân-chúng Đan-mạch đã được sửa soạn từ lâu nhờ giáo-dục. Không có một

nước nào ở Âu-châu đã biết thiết-lập một hệ-thống giáo-dục cưỡng-bách sớm như thế và hoàn-toàn được như thế. Ngay từ khoảng cuối thế-kỷ 18, đồng-thời với sự giải-phóng khỏi chế-độ phong-kiến, và hơn nữa vào khoảng đầu thế-kỷ 19, khi quốc-gia còn nghèo và chưa mở-marg, những người lãnh-đạo trong nước đã sốt sắng với những tư-tưởng khai-phóng về sự quan-trọng của giáo-dục. Một nghị-định của Hoàng-gia, năm 1814, lập qui-chế cưỡng-bách giáo dục, dựng trường công-lập ở khắp nơi trên lãnh-thò, và trừng-phạt những cha-mẹ không chịu gửi con đi trường. Chính vì thế mà khi những quyết-định trọng-hệ đến đời sống kinh-tế được đưa ra để áp-dụng, dân-chúng đã được chuẩn bị vì đã có cả một thế-hệ có học-vấn căn-bản tối-thiểu đi trước (1).

— Sự phát triển kỹ nghệ ở Nhật-bản trong thời Meiji

Sự phát-triển kỹ-nghệ ở Nhật-bản về cuối thế-kỷ thứ 19 cũng là một kết-quả của giáo-dục (2).

Ngay từ cuối thời đại Tokugawa (Đức Xuyên), những ý tưởng của Âu-châu đã bắt đầu được truyền bá ở Nhật, từ một cơ-sở buôn bán của Hòa-lan ở Nagasaki. Một số quý-phái đã được học hỏi về kỹ-thuật Tây-phương nhất là về y-khoa, binh-pháp, kỹ-thuật khai mỏ và đúc sắt. Một vài nhà doanh-nghiệp nổi lên, như Oshima Takato, đã bắt chước Tây-phương mà xây cái lò đốt dầu đầu-tiên. Lúc đó đã có 30.000 trường

ở chùa cho dân-chúng, hơn 200 trường cho giai-cấp quý-phái và 3 viện cao-học Shogun.

Khi vua Minh-Trị (Meiji) bắt đầu các cuộc cải-cách để canh-tân nước Nhật, thì sự dự bị tinh-thần như thế là đã có. Chương-trình Minh-Trị chú trọng rất nhiều đến sự mở-mang học-vấn và phát-triển kỹ-nghệ. Lời thề năm điềm của Thiên Hoàng, ngày 6-4-1868, ở điềm thứ năm mà các nhà sử-học ngày nay cho là quan-trọng nhất, nói rằng «*Sự hiểu biết sẽ được đi tìm ở khắp thế giới để tăng cường những nền móng của đế-quyền* ». Reischauer (3) viết rằng : «*Lời tuyên-bổ này sẽ là triết-lý căn-bản của tất cả cuộc vận-động. Nước Nhật trở nên tân-tiến và phú-cường nhờ sự xử dụng những hiểu-biết của Tây-phương* ».

Sự phát-triển kỹ-nghệ cần có ngay một số chuyên-viên. Nước Nhật đã kêu gọi một số chuyên-viên của Tây-phương mà họ thuận mượn với những lương bổng rất cao, để có thể mở các cơ-xưởng và đào-tạo cán-bộ : chỉ có 130 kỹ-sư ngoại-quốc mà trong

(1) Alva Myrdal : *The power of education, trong sách Education in World Perspective Harper and Row, x.b, New York, 1962.*

(2) Xem H. Kawada. *Industrialization and Educational Investment in the Meiji Era, trong sách : Educational Investment in the Pacific Community, Washington D.C., 1963.*

(3) J. K. Fairbank, E. O. Reischauer và A. M. Craig — *East Asia : The Modern Transformation. H. Mifflin Co, Boston, 1962.*

10 năm đầu-tiên của chương-trình, phải trả họ tới gần 60 / 100 ngân-sách của Bộ Kỹ-nghệ. Nhưng những lợi-tức thâu được sau đó lớn hơn gấp không biết bao nhiêu lần. Một người Anh R.H. Brunton xây dựng các hải-đăng và trạm cứu cho sự đi lại của tàu biển được an-ninh. G.P. Morse, người Mỹ, sáng lập những công-cuộc nghiên-cứu về tự-nhiên-học và xã-hội-học. Fellonosa ở Boston, giáo-sư triết-học, khảo cứu về nghệ-thuật Nhật-bản. Các bác-sĩ Đức giảng dạy về y-khoa và cho y-học Nhật một tính-cách Đức rất thâm-trọng.

Đồng-thời, *sinh-viên* được gửi ra ngoại-quốc để học. Một vài *sinh-viên* Nhật mà tôi được gặp ở Âu-châu nói với tôi rằng mỗi học-bằng mà chính-phủ cấp-phát một *sinh-viên* tru-tú thì lại được *sinh-viên* ấy chia sẻ cho 1,2 người bạn để cùng đi học và cùng làm việc với nhau sau khi về nước. Các học-bằng rất khiêm-nhường, ít hơn những học-bằng của chính-phủ Việt-nam mặc dầu ngày nay nước Nhật-bản đã là một nước phú-cường, và các *sinh-viên* Nhật nói với tôi rằng sự chia học-bằng là một truyền-thống của họ từ thời Minh-trị. Những câu chuyện đó không khỏi làm cho tôi nghĩ ngợi và tôi vẫn chưa quên 15 năm sau. Kể lại chuyện ấy bữa nay với những người trẻ tuổi, tôi mong muốn các bạn hiểu cái bề sâu đã tạo nên thịnh-vượng và sự hùng-mạnh của quốc-gia Nhật-Bản. Riêng năm 1886, có 3005 *sinh-viên*

được gửi đi Mỹ và Âu để «học tất cả những gì có thể học được và không được coi thường một chi-tiết nhỏ nào». Các *sinh-viên* du học trở về nước đã đóng một vai trò rất lớn trong sự canh-tân quốc-gia. Trong số 12 người cầm đầu nước Nhật trong thời Minh-Trị, chỉ có 2 người là không ra khỏi nước. Những đã xây dựng nước Nhật-bản mới như I-o, người đã kiến tạo hệ-thống chính-quyền, Inone Kaoru, người đó phát-triển nền kinh-tế thời Minh-Trị, Yamagata, người tổ chức quân đội Thiên Hoàng, đều được huân luyện ở Âu-châu trước khi nắm giữ những vai trò trọng-yếu của lịch-sử.

Nền học trong nước được tổ chức lại một cách hoàn-bị từ căn-bản. Một hệ-thống học-vụ thuần-nhất được áp dụng trên toàn quốc (1872), việc thi-cử được cải tổ toàn diện cho công-bình và thực-tế. Năm 1886, thực hiện «nghĩa-vụ học-vấn», tức là sự cưỡng-bách giáo-dục, với những hình phạt đối với những người không gửi con đi học trong hạn tuổi pháp-định. Bốn năm sau, tỷ số trẻ theo học hết bậc tiểu-học lên tới 82/100 (4.700.000 học-sinh). Đến năm 1908 thì nền giáo-dục cưỡng-bách và miễn-phí được áp-dụng trong đủ 6 năm (1). Lên đến bậc trung-học, cả hai ngành phổ-thông và kỹ-thuật được phát triển song song. Đầu thế-kỷ này, 31/100 thiếu-niên (217.000) được học tới

(1) Hiện nay, Nhật Bản là nước độc nhất ở Á châu đã mở rộng sự cưỡng-bách giáo-dục lên tới 9 năm (từ 6 tới 15 tuổi), và giải quyết hẳn vấn đề ấy cho 99,81/100 thiếu-nhi.

bực trung-học. Đại-học có 8 viện lúc khởi-thủy ; ba mươi năm sau khi bắt đầu, số sinh-viên lên tới 25 000. Như lời tuyên-cáo của Minh-Trị Thiên-hoàng nói: « Chúng ta sẽ tạo một nước Nhật phú-cường với tinh-thần Nhật-bản và kỹ-thuật Âu-tây ». Lời nói ấy đã được thực hiện qua giáo-dục.

Kề ra những thí-dụ thì còn nhiều lắm-Anh, Đức, Pháp ở thời trước, Mỹ, Nga ở thời-đại chúng ta, và ngay bên cạnh ta ngày nay Đài-loan, Mã-lai, Ấn-độ, đều có-thể là những bài học cho ta cả. Lịch-sử đã chứng minh một cách rõ-rệt rằng giáo-dục là sức mạnh ở nguồn-gốc của sự phát-triển kinh-tế, và như W. Churchill đã nói năm 1943 giữa lúc mà nước Anh còn đang bị đe dọa nặng-nề bởi Đức-quốc, « *Tương-lai của thế-giới thuộc về những dân-tộc có một trình độ giáo-dục cao, vì chỉ có những dân-tộc ấy mới nắm vững được bộ máy khoa-học cần-thiết để duy trì được một địa-vị tiên-tiến trong thời bình và sự sống còn trong thời chiến* ».

Nhưng còn phải chứng minh sự quan-trọng của việc đầu tư giáo-dục trên chính địa-hạt kinh-tế nữa.

Tư-tưởng kinh-tế cận-đại về vấn-đề tư-bản nhân-lực.

Ở một đoạn trên, tôi đã nói rằng A. Marshall chấp nhận sự quan-trọng của giáo-dục trong sự phát-triển kinh-tế, vì nhân-lực chính là một thứ tư-bản. Nhưng sự chấp-nhận của nhà kinh-tế-học Anh chỉ có trên một lập trường trừu-tượng và toán-học. Ông

lại cho rằng trên thực-tế, vì không có một thị-trường nhân-lực, nên không thể nghiên-cứu nhân-lực như tư-bản được.

Khúc rẽ trong tư-tưởng kinh-tế-học về giáo-dục đã tới vào khoảng năm 1960 khi Schultz, giáo-sư kinh-tế-học tại đại-học-đường Chicago, đọc bài diễn-văn về « Đầu-tư cho tư-bản người » (Investment in human capital). Sau đó, những công trình nghiên cứu của Bowen, Becker, Bowman và Anderson, Blang Weisrod đã xây dựng những quan-niệm chính của khoa kinh-tế giáo-dục.

Ta hãy thử tóm tắt và đại lược những ý-kiến chính của các nhà kinh-tế-học này :

1) Tư-bản cũng như lạc-động, không có tính cách thuần-nhất. Vấn-đề phẩm-chất phải được đặt ra. Bỏ ra ngoài những yếu-tố tuổi-tác, phai tính, ảnh-hưởng gia-đình, những người thợ không chuyên-môn làm được ít hơn những người thợ chuyên-môn. Người thôn-quê làm việc trong các cơ-xưởng không được bằng những người lao-động ở tỉnh-thành. Những khác-biệt về lương bổng đi đôi rất sát với những khác-biệt về trình-độ học-vấn. Tại sao những người học-vấn cao lại có lương cao hơn ? Dĩ nhiên rằng đó là năng-xuất của họ cao hơn, và sở-dĩ năng-xuất của họ cao lại là vì họ đã đầu tư nhiều hơn vào việc huấn luyện và đào tạo những khả-năng đặc-biệt của họ.

Coi tất cả mọi người cũng như

nhau về sức lao-động cũng như về khả-năng sản-xuất, tức là bỏ qua một yếu-tố quan-trọng trong cái cơ-giới của kinh-tế hiện-đại, là yếu-tố phẩm-chất. Yếu-tố này có, là vì có sự đầu-tư nhân-lực bằng giáo-dục.

2) Sự phát-triển kinh-tế không hoàn-toàn chỉ-định bởi sự tụ-tập tư-bản và sự tăng-trưởng sức lao-động. Một nhận xét chung ở các nước tiên-tiến là sự gia tăng lợi tức quốc-gia lớn hơn mọi sự tiên-đoán trên căn bản gia tăng đất đai, số giờ lao-động và tư-bản gồm lại. So sánh các công-việc kinh-doanh với nhau cũng thấy rằng có một sự chênh-lệch giữa những chỉ-số gia-tăng lợi-tức khi sức lao-động hay vốn đầu-tư tăng lên một cách tương-đương. Giải nghĩa sự chênh-lệch ấy bằng một «năng-xuất tài-nguyên» đặc-biệt (resource productivity) chỉ là dùng danh-từ để che đậy sự dốt nát của ta.

Trong khi ấy thì người ta nhận thấy rằng ít ra ở một khu-vực, sự tăng-trưởng đã rất lớn lao : đó là khu-vực giáo-dục. Khu-vực này đòi hỏi rất nhiều tiền tài. Cho tới nay người ta cho rằng ở đây chỉ có sự tiêu-thụ. Nhưng thực ra tiền tài đổ vào giáo-dục chính là một hình-thức đầu-tư, do đó có thể giành giải được sự phát-triển vượt bực của nền kinh-tế. Những tài-năng trau-dồi nhờ học-vấn có-thể đem trở lại cho việc sản-xuất những nguồn lợi mới mà kinh-tế-học cò-điền đã bỏ qua.

3) Những nhận-xét trên cho thấy

rằng cần quan-niệm một yếu-tố kinh-tế thứ ba, bên cạnh tư-bản và sức lao-động, là yếu-tố phẩm-chất, trong đó phải kể sức khoẻ của công-nhân, trình-độ học-vấn, sự tiến-bộ kỹ-thuật, sự tổ-chức kinh-doanh, chế-độ chính-trị và xã-hội... Tất-cả những điều ấy đều bị chi phối bởi giáo-dục.

Luận-án của Denison, khảo cứu về Nguồn-gốc của sự phát-triển kinh-tế tại Hoa-kỳ (1964) chia lịch-sử kinh-tế của nước này thành hai giai-đoạn. Trong giai-đoạn đầu, từ 1909 đến 1929, hơn phân nửa của sự phát-triển kinh-tế là do sự tăng trưởng của sức lao-động và vốn đầu-tư. Nhưng sau cuộc khủng hoảng 1929-30, có một sự khác-biệt, vì lao-động và tư-bản chỉ tăng thêm bằng có 1/3 lợi-tức tổng-hợp của quốc gia. Denison kết luận rằng giáo-dục và sự tiến-bộ kỹ-thuật đã thành những yếu-tố quan-trọng nhất của việc phát-triển kinh-tế, và đóng góp ít là 60/100 của 2/3 lợi-tức quốc-gia tổng-hợp.

Cơ-quan thống-kê của chính-phủ Hoa-kỳ công nhận những kết-luận này. Trước năm 1929, số giờ người làm việc tăng lên 1, 1% mỗi năm ; tư-bản đầu tư tăng lên 2, 6% mỗi năm. Sau 1929, số giờ người làm việc giảm đi 0, 2% và số vốn đầu tư chỉ tăng lên có 1, 7% mỗi năm. Nhưng sự phát-triển kinh-tế của Hoa-kỳ đã tăng lên nhiều hơn trong thời-kỳ sau này. Lí-do : Denison tính chỉ-số của tư-bản và giáo-dục và thấy :

1909-1929 : tư-bản góp	23/100
	giáo-dục góp 11 / 100
1929-1957 : tư-bản góp	15 / 100

(Tỉ-lệ đã lật ngược) giáo-dục góp 23 / 100 của sự phát-triển kinh-tế. Giáo-dục đã thành yếu-tố quan-trọng nhất của sự phát-triển.

(còn tiếp)

TRẦN NGỌC NINH

Năm 71 tuổi, bàn về nghệ thuật sống dai và chuyện phản lão hoàn đồng

Với sự phát minh về khoa học ngày nay, chúng ta có nhiều hy vọng để sống dai hơn ông bà cha mẹ chúng ta lớp trước.

Xưa lấy 70 làm thượng thọ. 80, 90 thuộc hạng ít có. «Nhơn sanh thất thập cồ lai hy». Bát thập xưng «lão ông» thì nghe thuận lỗ nhĩ. Cửu thập xưng «lão mạo» nghe lạ lỗ tai. Trong Nam thường nói tiếng cặp «ông già lão mạo» nửa nôm nửa chữ, nghe kỳ kỳ.

Thật ra, đời nay tuổi chấp thêm khá nhiều :

Theo thống-kê ghi rõ, thanh niên nay 30 tuổi, có thể sống tới tuổi 69 ; phụ-nữ tuổi 30 ngày nay, có thể sống tới tuổi 73.

Đàn ông 40 đi tới 70 có hơn.

Đàn bà tứ thập, đi khỏi 75.

Đàn ông nay tuổi 60, có thể ăn lễ sanh nhật 75.

Đàn bà nay 60, ăn lễ mừng tuổi tới 78 còn được.

Lạ lùng và khó hiểu nhứt là kinh nghiệm dạy cho biết không phải dồi dào sức khoẻ thân thể cường tráng như mấy anh bốc-xơ là dư sức sống dai. Họ mới là dễ chết non chết yếu nhứt trên đời. Trái lại, muốn sống dai đừng quá xa xỉ sức lực, và còn tùy nhiều nơi bầm thọ khí huyết của cha mẹ truyền lại cho

minh.

Cái tôi gọi sinh lực là vitalité của Pháp. Ở đời có thứ nhà bít-ton cốt sắt nhưng vì thầu khoán ăn gian sắt lớn đổi cát sắt nhỏ thay vào, và ăn cắp xi-măng, còn lại cát tro tro nên đồ sụp có ngày. Trái lại nhiều vùông nhà xưa, cất theo lối cũ, cột gỗ vách bồ kho, nhưng nhờ khéo tu bổ, nên ở hoài từ đời ông đến đời cháu, cha truyền con nối, càng lâu ngày càng bóng láng, cột lên nước đen huyền ngó thấy mặt như gương ô.

Có nhiều người, xem thì bạc nhược, nhưng vẫn gặp mặt họ hoài và họ còn sống hoài hoài, duy vẫn ốm nhách như cây tằm xỉa răng, và thân thể nhẹ dường gió thổi mạnh là sẽ bay mất dạng. Nay nghiệm ra bệnh hoạn có khi bắt buộc cơ thể phải chống cự với con ma câu hồn kịch liệt đến mức độ nào đó bỗng nguồn sinh lực vùng dậy lên và cơn bệnh đã qua, con bệnh thoát chết mà không dè. Người thường hay đau ốm họ đã quen với bệnh nên vẫn đau, mà mỗi lần mỗi lướt qua.

Trận đê nhứt thể chiến, lính mộ chào-mào ở Đông-Dương gởi qua Pháp, vẫn khọt khẹt ho lên ho xuống, nhưng họ chịu đựng nổi với cái lạnh đông giá của trời Tây, họ có cảm, sờ mũi nhức đầu thật, nhưng vi-trùng ở trong bua-sua với vi-trùng ở ngoài, thành thử họ nhờ quen với

ho gió nên không chết đũa nào ; trái lại bọn lính gạch mặt xê-nê-ga-le, thẳng nào thẳng nấy chắc da chắc thịt như cột nhà cháy, thế mà vừa bị cảm là sụm ngay, vì phổi của chúng trinh trắng không vi trùng, hễ vừa bị một trận ho là phổi ấy đầy ngập con mi-cà-rốp sanh ra chứng ho tầu-mã phổi có mủ, bọn gạch mặt chết không kịp chôn.

Có một sự hiển nhiên khó cắt nghĩa cho xuôi nên đồ thừa cho số mạng, đó là có một sức lực vô biên rất bí mật giúp cho nhiều người không uống thuốc mà qua khỏi nhiều cơn bệnh ngặt nghèo, và sống dai hơn sự ước định của lương y. Ông thầy dạy tôi năm xưa về mô-ranh (morale), bị bệnh truyền nhiễm, người ta khiêng thầy tôi cho xuống nhà xác, không biết sao thầy tôi vẫn lốt tốt xách dù vô lớp. Chúng tôi tưởng ma vừa muốn chạy, nhưng thầy tôi trấn tĩnh học trò lắng giọng ôn tồn thường ngày nghe đã quen tai, thầy nhe hai hàm răng đen cười hô hố : «Tao chưa tới số nên con ma thiên-thời cho tao miễn tử».

Có nhiều người vẫn sống nhăn, vì họ cương quyết chưa chịu chết. Đau nằm liệt giường liệt chiếu mà họ không chịu tắt hơi. Vẫn thoi thóp vì chưa chịu bỏ cuộc. Rốt lại, vì giàu nghị lực họ thẳng tử thần, họ nuốt nước cháo rồi trở lại ăn cơm sống chơi thêm vài năm nữa vì trả thuế ba-tăng chưa hết.

Còn phần đông và ít ngoạn mục hơn là chúng ta vẫn sống, i-ạch ngày

này qua ngày khác, kéo lê dài thòn cái sống bị chủ trại hòm trừ ẻo đã nhiều ngày.

Có một cách làm cho mau chết nhứt là sự ở không nhưng, không làm gì hết, mỗi ngày chỉ soi kiếng nhò râu mép và nặn mụn, không biết dùng thì giờ ấy để làm việc hữu ích : viết lách; trồng hoa, vun xới vườn rau, nếu không làm việc bằng trí óc thì làm bằng tay, nhò làm mà quên hết nỗi buồn lo, bụng lại đói, ăn biết ngon, và nổi dài thêm sự sống

Nếu anh còn biết vui thú với các việc nhỏ nhất như cơm nước, nói chuyện với mèo, mê đánh cờ, ham ma-chược, lén nhảy dù ăn vụng, là anh còn thiết tha với đời và anh có hy vọng sẽ sống dai. Nhược bằng anh chán nản đến đàn bà đẹp đi gần anh cũng không thèm dòm, thế là cô hồn giữ số anh có ngày, anh đang lâm một bệnh nặng nhứt, bệnh mất sinh lực, bệnh trầm kha khó sống vì cái u-sầu chán nản sẽ làm tăng vẻ nặng cho các thứ bệnh đã có sẵn và chỉ chờ dịp này để khởi dậy khiêng anh vào hòm. Anh khỏi cần chờ lâu, trước sau gì anh cũng «hui nhị tỳ» (qui nghĩa địa).

Muốn chống cự với cái già, điều cần thiết nhứt là phải tập tành mình cho ăn nhịp ăn rơ với niên kỷ. Nói có sách mách có chứng. Nhiều người nhờ tôi giác đất rồi chịu ký công-tra mới với đời và được thợ trời cho tái tuyên lưu dụng không chừng sẽ mãn hạn sau tôi là khác.

Xin trả lời các câu hỏi sau đây,

rồi các bạn sẽ biết mức sống của bạn còn bao lâu mới dứt :

1) *Câu hỏi thứ nhất* : Hỏi các bạn có muốn mở rộng tầm con mắt của mình thêm mãi không ?

Tôi xin kể ra đây gương một bà giáo sư người nước I-pha-nho, 65 tuổi đầu, đã về hưu, và có tánh rất sợ chết. Sợ đến lâm bệnh suy-nhược thần kinh (neurasthénique). Đi khám bác-sĩ, ông này khuyên bà nên đi đời gió, thử qua xứ Mễ-tây-cơ cho biết đó biết đây. Bà nghe lời, qua đến đó được mời dạy tiếng espagnol. Từ ấy bà trẻ lại ; mỗi năm, bà có dịp qua đó dạy học, vừa có thêm tiền túi vừa được thêm sức khoẻ và có hy vọng sống lâu thêm nữa, vì bà thấy mình còn là con người hữu dụng và trở nên vui tánh yêu đời.

Nhưng không phải mỗi người đều có phương thế xuất dương du-lich.

Dẫu cho phải một đời ở lẫn quần quanh xó bếp, có ai cản trở khi về già ta học tập thêm một nghề phụ đề tiêu khiển, một nghề gì hợp với tánh tình mình và hợp với khả năng sẵn có, vì phải nói cho rõ, những bọn già cỡ lớp tôi lúc nhỏ đâu có cô bác nào chỉ dạy cho lựa nghề theo khả năng và ý muốn, phần đông là « đi theo con đường chó dắt » hơn là chọn lựa kỹ càng. Có đứa có khiếu về âm nhạc lại học nghề băng bó rửa ghê, đứa khác giỏi về toán học lại hướng về nghề thông ngôn ký lục.

Bây giờ đã khác, đã mở tầm con mắt và thiếu chi phương thế : vô hội đọc sách tham khảo kinh tế lý tài, đi nghe diễn thuyết, dự các buổi học tập về xã-hội-học hay chuộng đạo-đức thì đi nghe thuyết pháp giảng-kinh.

Trí đã mở ra (khai trí), lòng cũng mở con đường mới (khai tâm). Còn hơn nhiều ngòi đánh cò mỗi lưng hoặc chơi tứ sắc thua tiền thêm tổn sức.

Ông Luther Burbank tuổi trên sáu mươi, bỗng thấy một giống cây lạ mà ông chưa từng biết. Ông hỏi ra căn cội ; rồi ông lại thấy thợ mộc thợ máy dùng những đồ nghề ông chưa từng thấy, ông cũng phăng theo hỏi cho hiểu được mới chịu,

— Tôi đã gần 70 tuổi đầu, mà tôi còn tánh ham học hỏi việc mới lạ như trẻ lên tám. Nhờ đó mà tôi chưa biết già.

2) *Câu hỏi thứ hai* : Hỏi bạn quá có dục vọng muốn sống lâu chăng ?

Có hai quan-niệm, người thì nói : « Tuổi già là tuổi làm một cái gì lần chót đặng mà đề đời ». Ngược lại có kẻ nói : « Làm đề đời là làm lần này là lần thứ nhất ». Hiểu như người trước là đã già lại càng già thêm. Phải hiểu như người sau mới đúng, là bắt tay vào việc gì là làm lần đầu đề lưu danh mãi mãi, khi hiểu như cách này thì bạn đã có một thang thuốc mầu chống với tuổi già rồi đó.

Một phụ nữ nói với một bạn gái :

— Tôi muốn được già mà còn đẹp như chị.

Chị kia cười đáp lại gọn gàng :
— Chị hiểu như vậy là lầm. Chị nên nói chúng ta không nên nhớ đến sự già nua. Như vậy đó mới tiến bước mãi và trẻ đẹp mãi. Chớ nếu chị ngừng lại một bước là cái già « nó thì sống sộc theo sau » đó chị.

Bà bác-sĩ giáo-sư Dr. Lilian Martin, trước dạy ở Đại-học Stanford, năm 65 tuổi về hưu, ra lập viện hướng dẫn trẻ con tìm nghề và lập trung tâm hướng nghiệp phụ lão ở San Francisco. Năm 70 tuổi, bà học thêm ngoại ngữ và tập đánh máy chữ, 89 tuổi bà điều khiển một nông trại đến 26 mẫu tây (26Ha) và thuê dụng bốn bạn gái già, tuổi trên 60. Bà vẫn còn sống và công việc của bà quản thủ trọng đại quá, không để cho bà chết, kéo không có người khác thay thế được.

3) *Câu hỏi thứ ba* : Hỏi bạn có tánh yêu đời không?

Yêu đời, yêu nhân loại, giúp ta rất nhiều để nối chuỗi ngày mà sống thêm và điềm tô trau chuốt cho sự sống thêm nhẹ nhàng.

Một công chức nọ, nửa đường gãy gánh. Con cháu đầy nhà mà ông ta thì sầu não ưu-tư không xiết kể. Máy đũa trẻ khuyên cha nên tục huyền để an vui tuổi đông tàn. Tạm thời chúng nó ép cha nên đi dự một hội liên hữu các bạn học cũ thiết tiệc mừng lễ thứ 50 của bạn đồng song. Ông ta đi và gặp lại một bạn gái

cũng góa chồng, trước kia cùng thi bằng thành chung một lượt với ông ta. Hai người sau đó nối dây cầm sắt và cho đến nay lão đã bát thập hữu dư, và còn hăng hái muốn sống đến tuổi lão mạo (90) để cùng hát câu « tình đầu bạc » với con mụ gặp trẻ tràng, cùng học một khoa mà không sớm gặp lúc ra trường để mỗi người đi mỗi con đường, nay mới « đụng » nhau quá muộn. Câu chuyện nghe như lý thuyết mà đó là sự thật, và cặp Trọng già Kiều móm này đâu có diễn tình cầm sắt và đã đòi ra cầm kỳ theo sách.

Nhưng ái tình lãng mạn không phải là thứ nhựa sống gắn khít cuộc đời và giúp ta lâu già.

Sự hy sinh cho đồng loại là một duyên cơ quan trọng làm cho ta thấy sống vui và sống có mục đích, có nghĩa vụ.

Trong một xóm lao động của một đô thị kia, dân cư ở chen chúc như cá mèi trong hộp. Có một anh thợ mộc già đang bào chuốt đục đẽo nghe cộp cộp bên chái lá. Xảy có đứa nhỏ ló mũi dòm qua cửa sò. Ông ta mời chú bé sang chơi nhưn hứng dạy đứa nhỏ cách khoan cây bằng cái khoan máy. Bữa sau đứa nhỏ trở lại, dắt theo hai « xây-lũ-cổ » xin tập sự... cho đến nay ông thợ mộc già một mình điều khiển một trường dạy làm đồ gỗ có danh tại xóm này. Trong lớp có hai chục học trò học cách cưa khoan tiện cây toàn bằng máy móc vừa vui vừa mau lẹ.

Đem lại cho tha nhưn một nghề nuôi sống gia đình là tự mình khuyên một điềm son cho chính bản thân, giúp cho cơm và để nuốt, canh thêm

ngọt ngon. Ngày tưởng tàn bỗng lại thêm hương, cái vui tự nhiên đến viếng và cái già thoát thoát rút lui nhường chỗ cho hạnh-phúc đến với người hành thiện.

4) *Câu hỏi thứ tư* : Hỏi anh có dẫn tánh nóng được không ?

Sự tức giận làm cho máu nóng hực, tối mặt mày, có thể đến đứt gân máu được. Theo tôi, nói dốt mà nghe, mạch máu gân máu không khác ống chì ống sắt dẫn nước lâu ngày ống trở nên giòn, bơm nước mạnh vào thì ống sẽ nổ, bằng cho nước chảy yếu, ống xẹp đi gãy nứt và mau xi. Chi cho bằng hãy bình tĩnh đừng giận dữ cũng đừng vui quá hớp. Cái gì quá bức là mất hay. Phải biết dẫn tánh và tinh tâm. Chữ NHÂN và chữ LỰC đè chữ TÂM. Nhịn đi là hết bị đè.

Tám năm về trước, bác-sĩ X. đau bệnh tim khá nặng Tử thần đã gác lưôi hái trước cửa. Trong phòng ông nằm trầm tư mặc tưởng, nhớ lại những hờn giận mấy năm nay chất chứa trong lòng đều là ty tiểu. Ông đọc kinh sám hối và lần lần thấy bớt nặng ngực, rồi tự nhiên bỗng lành bệnh, cây lưôi hái đã dời đi chỗ khác. Bây giờ ông đã mạnh lành như xưa và lái xe chạy vù vù. Ai chửi cũng không giận. Ông học được tánh tha thứ. Bị vợ cấm sừng, ông xem như thoát được một mối nợ, vấn đề thê thiếp như thay áo lót. Ông giúp ích cho xã-hội mà không cần biết ơn, và nếu có ai trách móc, ông xem như giọt mưa trọt ngoài da không thấm tháp gì.

— Máy việc đó không đáng kể. Nhờ hiểu vậy nên đến bây giờ lão còn sống nhăn, không thì đã lên máu, ngúm củ đèo từ tám năm về trước.

Cho hay đâu cần phải có thuốc tiên? Sự khéo suy nghiệm tình đời là một lá bùa một cây ngải giúp lão trường sinh bất tử.

5) *Câu hỏi thứ năm* : Hỏi anh có phải là người tự kiếm chuyện lo buồn cho mình? Tự gây rắc rối cho mình chẳng?

Tôi biết có hai chị lối xóm phải làm ăn vất vả quanh năm mới đủ sống. Một chị biết an phận thủ thường, có ít xài ít có nhiều tài nhiều, nhờ hà tiện hà tặn mua được một cái máy khâu thanh và một cái máy truyền hình xinh nhỏ. Đi mua bán về, chị vắn lên vui nhà vui cửa, cười nói một mình. Chị nắm hạnh phúc trong tay.

Chị kia bề thế khá hơn, nhưng không biết tự túc. Chị ta có tánh ganh ty đèo bòng, ghét ai giàu hơn mình, thù ai trong nhà êm ấm. Chị tự tạo ra một cảnh địa ngục mà chị có thể tự giải thoát được nhưng chị không muốn. Chị sống cô đơn nuôi cái sầu độc chiếc lẻ loi.

Hai chị đều thiếu người đàn ông vì đời này trai thiếu gái thừa, hà hưởng bọn rượu chè đàn đúm lại khự tố-lô gần hết.

6) *Câu hỏi thứ sáu* : Hỏi anh giỏi nghề kết giao, tìm bạn mới chẳng?

Minh càng ngày càng lớn tuổi, thì

bọn một trang một lứa thừa lãn. Bởi vậy không nên kén bạn và khó tánh. Phải tìm bạn mới để thay vào, vì người sống phải nhờ tập thể, phải có xã hội, sống cô lập là không biết thuật trường sanh.

Một chị đàn bà dạy chị khác trồng lan ; cả hai chị vẫn công dạy nhau làm bánh. Một chị thứ ba không biết dạy gì hết, nhưng chị có tài chịu nghe và ít cãi bướng thành thử họ không gặp nhau thì thôi chớ gặp nhau là trở nên ý hiệp tâm đầu, nhờ trao đổi tiếng cười mà được trẻ trung vui vẻ.

Về phe đàn ông, thú đi chơi bách bộ là một môn thể thao vừa rẻ tiền mà không cần dụng cụ chuyên môn. Thả xích phê hết đường này qua con đường khác, dòm đời và vô tư lự Vừa đi vừa nói chuyện, hô hấp đều, máu vận chuyển thông. Mỗi ngày rủ nhau đi chơi xóm này vùng nọ, lần lần thấy bớt mỗi chân và sức khoẻ một ngày một tăng. Duy có một điều cần nhớ kỹ : đi một mình thì mau chán ; đi hai người một khi bất đồng ý kiến thì thiếu người đứng trung gian giảng hòa ; đi ba người là hợp lý nhất, vì lấy ý kiến đa số hai người làm chắc thì ít khi làm bậy. Đừng đi cả tốp bốn năm, họ sẽ nói đi bẻ hội đồng, đông hơn nữa là đi biểu tình.

Nhưng một lời dặn nhỏ : bạn nào cũng tốt, duy không nên rước thẳng Thân-công-Báo về nhà. Trong truyện Phong-Thần, người Thân-công-Báo là một học trò tiên chớ không

phải đồ bỏ. Ngặt nổi là phe tả-đạo. Báo đến động nào núi nào rước tiên xuống núi giúp Trụ phạt Châu là đều chết, gọi là có tên trong bảng Phong-Thần. Có câu :

« Đóng cửa tụng Huỳnh-Đình, là người sau ắt thành chánh quả.

« Tách mình qua Tây-thồ, là người tên đứng bảng Phong-Thần ».

Xĩa cũng là một thứ Thân-công-Báo. Rủ nhau lập hội làm chánh trị cũng vì Thân-công-Báo. Tốt hơn không nên kiếm Thân-công-Báo mà chơi. Bạn nào biểu tiền cũng đừng nhận, vì thọ tài rồi, nó sai làm bậy hư thân. Thân-công-Báo thiên hình vạn trạng cho nên nhiều người làm mà mất toa thuốc trường sanh, chớ nếu Thân-công-Báo dễ nhìn thì có ai mắc mớp.

Bắt qua việc khác, tôi từng biết một ông nhà giàu Lục-tĩnh, trước là chủ một hãng sửa xe ô-tô. Vì nạn chiến-tranh ông chạy lên Sài-gòn nhưng không thấy vui vẻ như xưa. May thời một ít lâu ông gặp một người đồng hương cũng làm một nghề với ông tại đây. Ông năng tới lui và cho ý kiến, khuyến khích những người giúp việc trong hãng mà ông xem như con cháu. Lời nói của ông trung chánh, toàn là kinh nghiệm thọ đời, bạn tác kính nhường, ông thấy vui trở lại và chịu đóng vai cố-vấn không lương, sáng sáng một tách trà ngon một điếu thuốc thơm là đủ. Ông sống đến nay và còn sôi lắm, tuy trên 70 mà trai trẻ đi bộ

theo ông muốn kịp bước cũng phải toát mồ hôi.

7) *Câu hỏi thứ bảy* : Anh có đức tin chăng ?

Tôi không cần biết anh giữ đạo nào, nhưng về già biết trở về đường đạo, thì không khác chiếc thuyền tuy cũ kỹ mà lèo lái vững vàng. Con đau ốm hoạn nạn, lúc rủi ro kinh sợ, thuộc một câu kinh kệ, khi đọc lên sẽ thấy vững lòng như con thuyền còn bánh lái, mặc cho bão táp phong ba.

Những người tự đắc tự tôn chưa gặp khó khăn, có tánh ghét dị đoan và ưa bài xích tôn giáo. Đến khi nằm trên giường bệnh, chông chênh thiếu phần đức tin, khi thì vớ càn một đạo không hợp với đạo thờ ông bà, hoặc ý tài làm thêm điều ác, đến khi như chỉ vướng vào chân, rồi rắm làm sao mà gỡ ? Máy người ấy không thọ và dẫu cho sống lâu, xã hội cũng không nhờ.

Tóm lại, là m điều thiện mà không ý cầu mong được thưởng, tự tin lòng có Trời, Phật, Chúa, Thánh, đừng tà tâm, không gian ác, thì tự nhiên thấy thanh thản trong lòng, nhẹ nhàng không gì gò bó, ai mặc ai, ta cứ giữ mặc ta. An phận tùy duyên, là câu châm ngôn dưỡng già, gặp cảnh nào xử theo cảnh ấy, bị cấm rượu thì xem người khác uống, bị cấm mặn cũ muối thì giữ theo lời dặn ông thầy, biết giữ mình, không làm gì quá mức, thì thế nào cũng tai qua nạn khỏi, thuật sống lâu chung qui gom lại có bấy nhiêu.

Nói tỷ dụ, nếu ngày chia ra làm 36 giờ thay vì 24, thì thông thường thế gian sẽ lấy 12 giờ gia tăng ấy dùng vào việc chơi bời trác táng, làm cho sanh lợi thêm nữa và quên rằng sanh lợi ắt sanh phiền, trác táng lắm thì sẽ đoản thọ, chớ quên giàn máy cơ thể mọi người đâu phải là sắt thép, mà dẫu cho sắt thép cứng cũng phải mòn lỵ. Chi bằng minh triết bảo thân, càng trọng tuổi thì nên tốp bớt lại, từ lời nói đến cử chỉ, phải dẫn tánh nóng, quên sự buồn phiền, giảm việc yếm ảm, Thánh Nhơn có nói : "Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất", triết lý vậy thay. Không ăn bậy làm sao vướng vi-trùng ? Không nói phạm làm sao người ta giam mình được ? Tạo-hóa đã lập tâm, tại mình không xét kỹ : mắt lờ đi là làm cho bớt thấy sắc đẹp khuyến rũ : răng rụng để bớt nhắm cao lương, dạ dày đã yếu không tiêu hóa nổi ; chơn yếu dạn dùng đi xa, tay mềm nhắc chừng "đừng rờ bậy".

Cây gậy giúp ta vững bước, thành ra sanh kiêu.

Răng rụng, nên nhờ nha-y-sĩ thay lại, tuy là giả, nhưng đỡ cho dạ dày xay những gì ta thồn nuốt mỗi ngày.

Mắt yếu có nhón kính, ngoài ra còn tim, thận, bao tử, nếu nó yếu, tin tôi đi, đừng bày đặt cái tạo-hóa thay cho tổn tiền, nếu biết tập phép dưỡng khí dưỡng tâm thì nên thí nghiệm thử, không thì trời kêu ai nấy dạ, cưỡng lại làm chi, cũng phải nhường chỗ cho người sau tiến tới.

Nếu trời cho thêm được ngày nào

ấy là lỗi. Phải biết dùng thì giờ cho đúng chỗ. Và tôi hằng ước ao được nói như ông hiền triết Bernard Berenson : « Lạy trời cho tôi được đứng một góc đường, ngã nón ăn mày những giờ của kẻ đi đường đã lãng phí ». (Si seulement je pouvais me porte au coin d'une rue et tendre mon chapeau pour que les passants y jettent les heures qu'ils gaspillent)

Đề kết luận, người sanh ra ở đời, phải biết vạch một mục đích để đeo đuổi, và luôn luôn không khi nào nên tự cho phép và nói : « Hôm nay đã trễ rồi, dầu làm cũng làm không kịp ». Chính tôi, năm 45 tuổi, vì nạn chiến tranh, gia đình tiêu tan, vợ chồng đề bỏ, sự nghiệp bị đoạt, nhờ biết xét quên hết chuyện cũ, nên cuộc đời lấy lại quân bình, bằng không tôi vẫn là tên cạo giấy.

Theo tôi, cái già nó chỉ làm khó những người vô tôn chỉ, bó gối ngồi không. Già mà có nghị lực, quyết đi đến thành tựu, thì sẽ nhờ đó mà sinh khí trở nên dồi dào, con người thấy trẻ trở lại, không già. Trí óc sáng ra, tinh thần thêm phấn chấn, minh mẫn, rồi bắp thịt bắp gân cũng cứng rắn theo. Phải tập ăn uống cho có tiết độ, không nên say sưa hút xách. Không

thức khuya, không làm điều xằng cưỡi cho thật nhiều, tuổi dầu mấy mươi bất sá, gặp dịp là hằng say đeo đuổi theo một nghề lương thiện, bám sát vào như hồi còn trai trẻ, không khi nào dùng câu : « Ta già rồi làm cái đó ích gì, làm sao kịp ? », phải lạc quan và thản nhiên trước các rủi ro xảy đến, của tiền sang giàu đều là bọt nước phù vân, miễn còn sức là ta còn đủ thì giờ tạo lập lại sự nghiệp khác, không tạo lập được thì ít nữa cũng tìm được một công việc khiến ta chóng quên nỗi buồn lo, ấy đó là toa thuốc sống lâu của người cao tuổi.

Không phải năng tụng kinh mà thêm thọ. Phải thực hành những điều trong kinh răn dạy, đó là bí quyết trường sanh.

Khi các việc đã sắp đặt xong, thì kẻ như phạm sự đã hoàn thành. Khi ấy chúc ngôn việc sẵn, lời căn yếu dặn đủ điều, sẽ thản nhiên đợi ngày ra đi, cũng xi-nê cũng đọc sách, không cần tiếc hối, cũng không vương víu hồng trần, sẽ ngâm câu : « Nhơn hữu đán tịch chi họa phước » không lo không sợ.

11-3-1972

VƯƠNG-HỒNG SẼN

Sửa lại cho đúng

Trong bài « *Từ dự-kiến Trung-tâm quyền lực...* » của Phạm Việt Châu đăng trên Bách-Khoa số trước (367) có mấy lỗi ấn loát sau đây, xin bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho :

— Trang 9, phần Mở Lời hàng 8 đã in lầm « vào lòng kiếm tảo » xin sửa là « vào vòng kiếm tảo. » Ngoài ra 4 chữ « lượn sóng » xin sửa là « lượn sóng ».

— Trang 15, cột 1 hàng 4, in lầm « và Tướng » xin sửa là « là Tướng ».

— Trang 15, cột 2, hàng 2, « vì sao vụ này » xin sửa là « vì sau vụ này ».

Từ dự-kiến Trung-tâm quyền lực...

(tiếp theo trang 16)

nó, mà còn vì sự hiện-diện của 13 triệu dân gốc Trung-hoa ở rải rác khắp các nước, một khối lượng nhân-số to lớn sẵn-sàng tiếp tay cho nỗ lực bành-trướng của Trung-Cộng, sau này. Trong thời kỳ giải-thực, cụ-thể là thực-dân Anh-Pháp, Trung Cộng chỉ còn thấy đối thủ đáng sợ nhất là Mỹ nên đã chia mũi nhọn kinh chống vào Mỹ (1). Thời-gian trôi đi, bạn thù thay đổi; Ngày nay, dưới mắt Trung-Cộng, cường-lực nguy hiểm phải loại trừ đầu tiên ra khỏi Đông-Nam-Á lại là Nga sô, kẻ đó là Nhật-bản; Mỹ và Tây-Âu đã trở nên « không thành vấn-đề ».

Nga-sô đã nhảy vào Đông-Nam-Á lúc đầu chỉ với tính-cách hỗ-trợ cho Cộng-sản Việt-nam trong công cuộc xích hóa Đông-dương, sau càng ngày càng chuyển vào thể tích-cực nhằm đặt hẳn Đông-Nam-Á thành một khoen xích trong vòng xích bao vây Trung-Cộng nối từ biên-thùy Nga-A-phú-hãn qua Tiều-lục-địa rồi tới Nhật và vòng sang Ngoại-Mông. Ngoài ra, Nga cũng không khỏi tính đến việc nắm giữ, hay ít nhất quốc-tế-hóa, con đường biển yết-hầu thông Thái-bình-dương với Ấn-độ-dương trong chiến-lược toàn cầu.

Nhật, hiện được Mỹ hứa hẹn chia phần ảnh-hưởng chính-trị (sau khi đã được đề mặc tình khai thác chiến-tranh kiếm lợi) cũng đang đẩy mạnh nỗ lực can-thiệp (2). Đầu năm 1972, người của Đông-kinh đã

tới tấp qua lại các thủ-đô Đông-Nam-Á, kể cả Hà-nội, đề sắp xếp cho chương-trình khuynh loát mới của Nhật. Hiện nay tỉ-lệ phát-triển kinh-tế thường niên của Nhật là 11%, đó là mức phát-triển cao nhất trong các nước công-nghiệp trên thế-giới. Xét về tiềm-lực kinh-tế, Nhật hiện chỉ còn thua Mỹ và Nga. Chỉ cần duy trì tỉ-lệ phát-triển 10%, Nhật cũng đủ vượt Nga về tổng-sản-lượng quốc-gia trong vòng 12 năm tới. Nhưng, để giữ vững và triển-khai thế mạnh sẵn có, Nhật phải tiếp tục mở rộng thị-trường tiêu-thụ, tiếp tục đầu tư vào những nước đang mở mang, tiếp tục tìm nơi dồi dào nguyên-liệu để thu vét. Đông-Nam-Á là địa-phương lý-tưởng đáp ứng mọi nhu cầu ấy.

Về phía Mỹ, mặc dầu có những thay đổi đáng kể phương-cách và mức-độ can-thiệp phát-khởi từ học-thuyết Nixon, nhưng chắc chắn Mỹ sẽ không nhả hẳn Đông-Nam-Á. Cho rằng vì bị sa lầy nên Mỹ đang « cố đòi đủ số tù binh, rút quân ra

(1) Tại Hội-nghị Genève 1954, Chu-ân-Lai đã nói với Mendès France « Vấn-đề thống nhất VN không phải là vấn-đề căn bản đối với chúng tôi, điều căn bản là không có người Mỹ tại VN ».

(2) Sau cuộc hội đàm với Bộ-trưởng Tài-chánh Nhật Mikio Mizuta (tháng 10-1971), Bộ trưởng Ngân-khố Mỹ John Connally đã tuyên-bố : « Mỹ-Nhật cùng đồng ý là sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước rất cần thiết để đảm trách quyền lãnh-đạo cả địa-hạt chính-trị lẫn kinh-tế trong vùng ĐNÁ ».

hết, phải tay đứng dậy" là điều sai lầm. Nixon không phải tay mọi chuyện, Nixon chỉ đang từ từ sửa lại những sai lầm cũ (sử dụng Lực-quân ở Á-châu là sai lầm, tham-dự vào một trận chiến tiêu-hao lâu dài là sai lầm...) để chuyển khuyết thành ưu, chuyển bại thành thắng. Trong hành-động dàn xếp Đông-Nam-Á, Mỹ đã có Đông-kinh tiếp tay một vài phương diện, Bắc-kinh thỏa thuận một số vấn-đề; Những trở ngại còn lại đều ở Mạc-tur-khoa, Mỹ sẽ một mặt giải quyết trực tiếp trong hội-đàm cấp cao tháng 5, một mặt giải-quyết gián-tiếp qua ngã Tây-Âu, cụ-thể là Pháp.

Đó cũng là dịp để Pháp, kế sau là Anh, nhào trở lại Đông-Nam-Á. Anh Pháp đã dày công đào tạo ra một bày tay sai địa-phương, nay nhiều kẻ đã chớp được vai trò quan trọng đáng kể trong guồng máy cai-trị. Anh Pháp đã để lại một mớ di sản «quái hóa» (danh-từ Hồ-hữu-Tường) còn di-hưởng nặng nề đến bọn thanh niên Tây Đăm mui tẹt ngày nay. Anh Pháp còn khá nhiều quyền lợi kinh tế, từ những ngân-hàng, thương-điểm, thương-hội, cơ-sở kỹ-nghệ... đến những đồn điền ngút ngàn.

Trong một cuộc tranh chấp đa phương như vậy, điều trước hết có thể nhìn thấy là sẽ không có Đế-quốc nào «toàn thắng» trong vùng. Sớm muộn gì Đông-Nam-Á cũng sẽ trở thành nơi bị chi phối từ nhiều trung-tâm quyền-lực sau những cuộc dàn xếp mặc cả gay go. Nếu biết

xích lại gần nhau tạo thành thế mạnh tự thân, Đông-Nam-Á có thể hóa-giải mọi khống-chế của các Đế-quốc. Nhưng nếu chỉ lo quyền lợi thiên cận của từng đơn-vị quốc-gia, hay nhắm mắt tiếp tục làm tay sai cho Đế-quốc thì chiến-tranh này (Đông dương) có bị dập tắt, chiến-tranh khác cũng sẽ lại bùng lên mà thôi.

Nỗ-lực nội tại đáng kể của chính Đông-Nam-Á đã được ghi nhận qua chủ-trương trung-lập-hóa do 5 nước trong Hiệp-hội các quốc gia Đông-Nam-Á (ASEAN) đưa ra đề thăm dò từ cuối tháng 11-1971 (1). Tuy nhiên, chỗ yếu của nỗ-lực này là chính những người đưa chủ-trương trung-lập đã không cùng hiểu trung lập như nhau. Ý hướng thì tốt, nhưng khi đề cập đến việc thực-hiện cụ-thể thì mâu thuẫn còn đầy đầy.

(1) Những điều kiện căn bản do Mã-Lai-Á đã đưa ra trong cuộc họp từ 21 đến 25-11-1971 của Hiệp-hội các quốc gia ĐNA ở Kuala Lumpur đã rất được chú ý. Những điều kiện này được phân ra trên 2 cấp bộ:

— a) Cấp bộ các quốc gia ĐNA với nhau sẽ phải thỏa thuận:

o Tôn trọng chủ quyền, lãnh thổ của nhau.

o Không để các cường quốc can thiệp vào nội bộ.

o Không để ĐNA trở thành sân khấu tranh quyền của các cường quốc.

o Nghiên cứu sách lược và tìm phương tiện tự phòng chung.

o Có quan-điểm chung trước các đại cường về những vấn đề sinh tử cho nền an ninh ĐNA.

— b) Cấp bộ các đại cường sẽ phải thỏa thuận:

o ĐNA là một khu vực trung lập.

o Phải đặc ĐNA ra ngoài khu vực phân trị giăng co.

o Cùng giám sát, bảo đảm tính cách trung lập để khỏi bị lôi cuốn vào các cuộc tranh giành.

LẠI MỞ LỜI

Hình-trạng phân hóa thế giới (đã được trình bày một cách khái quát) đang tiếp tục diễn biến qua ý đồ tranh cướp, hành-trướng vùng ảnh-hưởng của bọn Đế-quốc. Chính vì có lúc, có nơi Đế-quốc không thỏa hiệp được với nhau nên tình hình còn tiếp tục căng thẳng tạo thành những nỗi thống khổ triền miên cho các dân-tộc nhỏ bé. Có nhận chân được điều đó những con người nhược-tiêu mới thực sự nắm được chìa khóa để tự giải-thoát, còn nếu chỉ loay hoay với những nguyên-nhân phụ thuộc có tính cách vá vấu, phiến diện thì khủng hoảng vẫn hoàn khủng-hoảng, đổ máu vẫn còn đổ máu.

Nhược-điểm quan trọng hơn hết tại phần lớn các quốc-gia nhỏ bé Á-Phi-La là đa-số kẻ đương quyền đều vốn do đế-quốc nặn nên. Đòi hỏi ở họ một cái nhìn chân thực vượt ra ngoài cái nhìn thiên lệch của Đế-quốc đã sản sinh ra họ thật còn khó hơn việc thuyết phục mấy ông tu sĩ thời Galilée chấp nhận quả đất quay quanh mặt trời. Cho nên, những nỗ lực của nhân dân các nước buộc nhà cầm quyền phản ảnh trung thực nguyện vọng của mình phải được đầy mạnh thường xuyên, đồng thời những nỗ lực vận động hướng-tâm tại mỗi nước của những phần tử tiên tiến cảm chiêu được sâu sắc sứ mệnh thiêng liêng trước dân-tộc của mình cũng phải được đầy mạnh luôn luôn không kém.

Có biết mình, biết người, nhận rõ bạn thù, mới mong đặt chân đúng trên con đường đưa tới giải-phóng. Mặc dầu trong hiện tại, nhiều quốc-gia nhỏ bé đã không thoát nỗi sự giằng xé của các cường lực, nhưng phải tạo lấy ý-chí độc-lập tạo lấy quyết-tâm thoát ra ngoài ảnh hưởng Đế-quốc (bất kỳ đế-quốc nào) ngay từ bây giờ chúng ta mới mong có ngày mai đứng dậy được. Nếu còn tiếp tục hăm hở hành động Khuyển Ưng võ ngược tự coi là tiền đồn của Đế-quốc này, tuyến đầu của Đế-quốc kia thì sớm muộn gì cũng sẽ đưa dân-tộc đến chỗ diệt vong.

oOo

Chúng ta không muốn bị tiêu diệt ! Các dân-tộc nhỏ bé trên toàn thế-giới không thể bị tiêu diệt ! Làn sóng phản-tình đã dâng lên. Sức gió từ muôn triệu tâm hồn nhuần nhuyễn đau thương hãy thổi rất rào cho sóng phản tình dâng cao lên nữa để cho toàn thế-giới nhược-tiêu cất tiếng gọi nhau vùng dậy.

3-1972

PHẠM-VIỆT-CHÂU

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

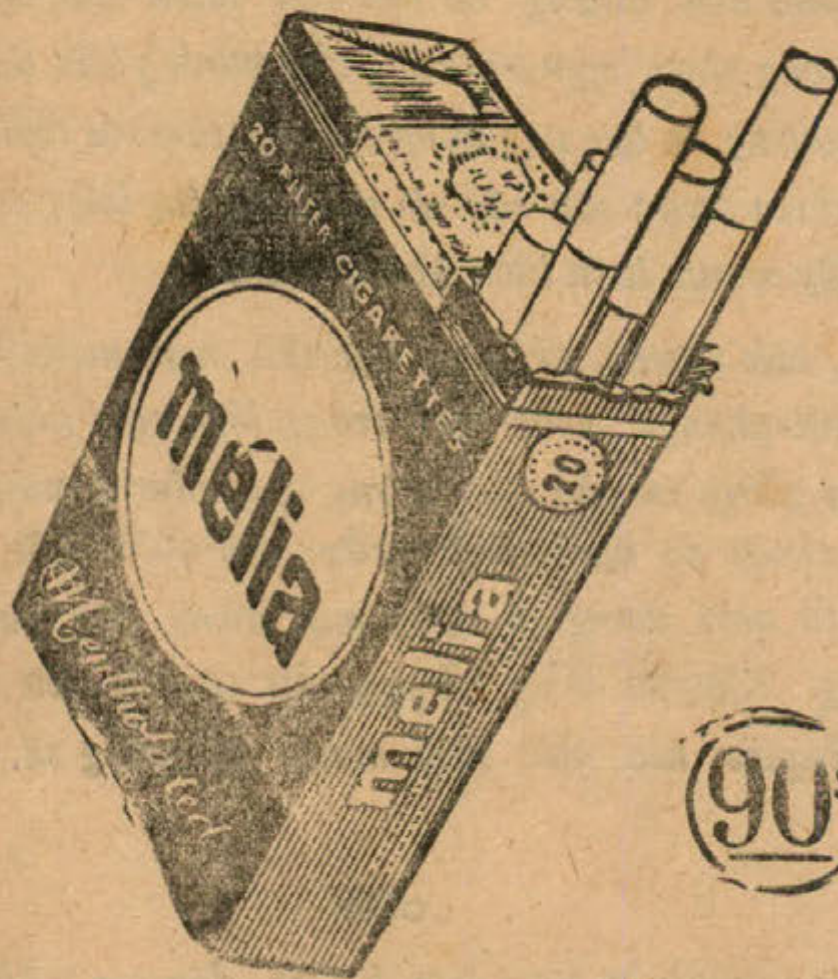
Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cỡ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



ĐẦU LỘC ĐIỀU DẠI
Thượng hảo hạng

Thông mũi - mát cổ - thơm dịu



Henry Kissinger, con người của huyền thoại

Từ trên 3 năm nay trên chính trường của Hoa-kỳ cũng như trên sân-khấu chánh-trị thế-giới một vì sao le lói luôn luôn chiếu sáng đến nỗi làm lu mờ tất cả các nhân vật khác. Đó là Henry Alfred Kissinger, Cố vấn an-ninh của Tổng-thống Hoa-kỳ Nixon. Từ khi từ giã Viện Đại-học Harvard ở Cambridge, thuộc tiểu-bang Massachussets, để nhảy vào võ đài chính trị Hoa-thịnh đốn tháng 1. 1969, Henry Kissinger đã trở thành một nhân vật của huyền thoại. Sau Tổng-thống Nixon, ông là người được chụp hình nhiều nhất, được dư luận toàn thế giới theo dõi và bàn tán nhiều nhất. Hơn Tổng-thống Nixon, ông được các bà các cô, từ sồn sồn tới choai choai, săn đón bao vây và chiều chuộng nhất.

Cách đây 34 năm không ai có thể ngờ tới rằng một cậu bé Do-thái từ Đức trốn sang tỵ nạn ở Nữu-Uớc lại có thể đóng một vai trò quan trọng tới đời sống quốc-tế như Henry Kissinger ngày nay. Thật vậy, hiện thời Henry Kissinger không những được Tổng-thống Nixon tin dùng mà còn được ngay các đối thủ của Hoa-kỳ kiêng nể. Với sự cố-vấn của Henry Kissinger,

Tổng-thống Nixon, trong 3 năm qua, đã liên tiếp đưa ra những sáng kiến ngoại giao táo bạo nếu không nói là cách mạng. Với những ý kiến xây dựng của Henry Kissinger, Hoa-kỳ đã dần dần nắm lại quyền chủ động trong lãnh vực ngoại giao và đã đưa ra một chính sách vững chắc, mạch lạc.

Cậu học sinh Đức, tỵ nạn Quốc xã

Heinz Kissinger sinh năm 1924 tại tỉnh Fürth, Đức quốc là con của ông Louis Kissinger, một nhà mô phạm Đức gốc Do-thái và bà Paula Kissinger. Cho tới khi Heinz lên 9 tuổi cuộc đời của cậu đã trôi qua một cách bình thản tại đô-thị nhỏ. Nước Đức lúc đó đang thí nghiệm các thể-chế dân-chủ dưới chế độ Cộng-hòa mà thủ-đô là Weimar. Cho tới năm lên 8 tuổi Heinz ham chơi hơn là học. Dù cha mẹ có khuyên răn tới đâu đi nữa Heinz vẫn thích đá bóng hơn là đọc sách.

Nhưng bắt đầu từ năm 1933 cục diện chính trị ở Đức đã thay đổi hẳn. Chính thể dân-chủ Weimar bị sụp đổ trước sự tranh chấp quyền hành của các đảng phái. Lợi dụng tình trạng này phong trào Quốc-xã, thuộc phe cực

hữu, dưới quyền điều khiển của Adolph Hitler đã lên nắm chính quyền. Chính-thể độc-tài Hitler đã dùng mọi biện pháp để phá hủy nền dân chủ còn sơ khai của Đức như đốt trụ sở Quốc-hội, giải tán các đảng phái. Ngoài ra, để áp dụng những tư-tưởng của chính mình đã diễn tả trong cuốn «Mein Kamp», Hitler đã thẳng tay đàn áp và tiêu diệt những người Đức gốc Do-thái. Vì theo Hitler chính những người Do-thái đã có trách nhiệm trong vụ Đức bại trận, chính những người Do-thái đã chủ mưu trong vụ thành lập chế-độ Cộng-sản ở Nga.

Về mặt đối ngoại, Hitler càng ngày càng có một chính-sách gây hấn. Đức Quốc-xã lần lượt chiếm vùng phi-quân-sự ở hữu ngạn sông Rhin, cướp nước Áo, chiếm Tiệp-khắc vào các năm 1936, 1937 và 1938.

Năm 1938 cũng là một năm quan trọng trong cuộc đời của Heinz Kissinger vì cha mẹ cậu đã quyết định đưa cậu sang tỵ nạn ở Hoa-kỳ để tránh các biện-pháp đàn áp Do-thái của chính-thể Hitler. Sang tới Hoa-kỳ, gia đình Kissinger định cư tại khu Mahattan ở thành phố Nữu-ước. Tại đây, nhiều người dân tỵ nạn Đức đã kéo sang lập nghiệp từ khi Hitler nắm chính quyền. Tại Nữu-ước, Heinz Kissinger đã theo học trường Trung-học George Washington và đã luôn luôn tỏ ra là một học sinh ưu tú. Thật ra thì từ khi Hitler cướp chính quyền, Heinz đã chịu khó tu thân và chăm chỉ học hành, nhưng tuy chăm học cậu vẫn luôn luôn thích môn túc cầu. Sau khi tốt nghiệp tại George Washington High School, Heinz Kissin-

ger, lúc đó đã đổi thành Henry Kissinger cho có vẻ Mỹ, lên đường nhập ngũ vì một năm sau khi cậu tới Nữu-ước thì Đệ-nhị Thế-chiến bùng nổ. Cậu đã tham gia cuộc chiến này trong tổ chức phản gián của Mỹ. Sau khi chiến tranh chấm dứt, Henry trở về đời sống dân-sự và được thu nhận vào Viện Đại-học Harvard. Tại đây «tài thần đồng» của Henry đã được mọi người công nhận. Một vị giáo sư về Chính-trị-học nổi danh là ông William Y. Elliott đã viết thư giới thiệu cậu sinh viên Henry Kissinger với tổ chức Phi Beta Cappa là một tổ chức qui tụ các sinh viên ưu tú nhất của Hoa-kỳ. Trong thư này ông viết : «Đối với Henry nên xử sự như một đồng nghiệp chín chắn hơn là một sinh viên».

Elliott đã bảo trợ cho Henry trong suốt thời gian cậu theo học tại Đại-học Harvard. Đã từng làm cố vấn cho 5 vị Tổng-thống Hoa-kỳ, Elliott cũng muốn học trò của mình có những địa vị tương tự. Vì vậy mà ông đã cố gắng khuyến khích Henry theo học môn Chính-trị-học. Sau khi tốt-nghiệp viện Đại-học Harvard với bằng Tiến-sĩ Sử-học, Henry Kissinger được cử làm Giáo-sư Chính-trị-học tại Đại-học Harvard. Đồng thời ông được mời cộng tác với Hội-đồng Nghiên-cứu Ngoại-giao (Council on Foreign Relations) và Cơ-sở Rockefeller. Nhờ có sự cộng tác với hai tổ chức nghiên cứu bang giao quốc tế này mà Giáo-sư Henry Kissinger đã trở thành một chuyên viên về ngoại-giao.

Năm 1960 khi John F. Kennedy đắc cử Tổng-thống, Henry Kissinger được mời làm cố vấn. Nhưng vì bất đồng ý

kiến với J. Kennedy, ông đã ra đi ngay sau đó. Thật vậy trong khi ông Kennedy, muốn buộc các quốc-gia đồng-minh Âu-châu phải tham gia vào một lực lượng nguyên-tử chung trong Minh ước Thái-bình-dương, thì Henry Kissinger lại chủ-trương là vấn đề sử dụng vũ khí nguyên-tử chỉ nên trao phó riêng cho Hoa-kỳ để nước này nắm quyền lãnh-đạo trong Minh ước. Thật ra thì các nhà trí thức của nhóm Kennedy với những tư tưởng "bay bướm" nhẹ nhàng, không ưa lối suy luận cực mịch rấn chắc của bộ óc Kissinger còn đầy ảnh hưởng Đức.

Sau khi J. Kennedy bị ám sát, Phó Tổng-thống Lyndon Johnson lên thay thế, Henry Kissinger lại được mời ra chấp chánh để nghiên cứu về vấn đề Việt-Nam. Lần này Kissinger có vẻ thành công hơn. Nhờ sự trung gian của người bạn Pháp (có lẽ là Jean Sain-teny) ông đã nối được giây liên lạc trực tiếp giữa Johnson và Hồ-Chí-Minh vào năm 1967.

Nhưng hy vọng của đời ông là Nelson Rockefeller. Vì nếu đắc cử Tổng-thống, Rockefeller sẽ trao cho ông nhiệm vụ điều khiển ngành Ngoại-giao Hoa-kỳ. Vì vậy mà trong cuộc đi vận động tranh cử Tổng-thống năm 1968, Kissinger đã là Cố vấn trưởng về Ngoại-giao cho chuẩn ứng-cử-viên Cộng-hòa Rockefeller, nhưng tiếc thay, Nelson Rockefeller lại không được Đại-hội đảng Cộng hòa bầu làm ứng-cử-viên. Kissinger đành ôm hận trở về dạy học. Tuy nhiên nghe tài ông, ứng-cử-viên Richard Nixon lại cho người tới mời ông giữ việc thảo

diễn văn Nhưng Kissinger từ chối vì ông chỉ là một nhà phân-tích chính-trị chứ không có tài viết văn bóng bẩy có thể thu hút được cử tri. Nhưng dù sao đi nữa thì ông vẫn giữ liên lạc với ban Tham-mưu của cả hai ứng-cử-viên Nixon và Humphrey.

Khi đắc cử Tổng-thống, ông Nixon đã gặp Henry Kissinger hai lần và tỏ ra hết sức mến phục tài của Kissinger. Vì vậy mà ngay trước khi nhậm chức ông Nixon đã mời Kissinger làm Cố vấn An-ninh với nhiệm vụ soạn thảo đường lối ngoại-giao của Hoa-kỳ. Thế là giấc mơ Kissinger hằng ôm ấp từ ngày còn mài dũa quill trên ghế viện Đại-học Harvard đã được thực hiện. Nixon đã cho Kissinger điều mà ông này hằng mong đợi ở Rockefeller. Với Nixon, Henry Kissinger đã từ vùng bóng tối hậu trường nhảy vọt ra vùng ánh sáng của mặt tiền sân khấu chánh-trị không những của Hoa-kỳ mà còn của cả thế-giới.

Rồng gặp mây

Henry Kissinger gặp Richard Nixon tương tự như rồng gặp mây. Với chức vụ Cố-vấn An-ninh của Tổng-thống, Kissinger từ tháng 1-1969 đã thỏa chí vẫy vùng. Trong Tòa Bạch-Ốc ông đã trở thành bộ óc của đời sống quốc-gia Mỹ.

Hội-dồng An-ninh Quốc-gia là một cơ quan được Tổng-thống Harry Truman thiết lập từ năm 1947 với nhiệm vụ hướng dẫn hoạt động của hành-pháp. Khi Tổng-thống Eisenhower lên cầm quyền, Hội-dồng này chỉ còn có nhiệm

vụ sắp xếp lại các tờ trình của các Bộ và đúc kết trước khi trình Tổng-thống mà thôi. Còn chính sách đối ngoại thì lại do Ngoại-trưởng Foster Dulles đảm trách. Ông Dulles là một nhân vật quá hoạt động nên chính cả Tổng-thống cũng bị lu mờ. Tổng-thống Kennedy thì lại dựa hẳn vào bộ óc siêu việt của các ông Mc. George Bundy và Walt Rostow nên Hội-đồng An-ninh quốc-gia không có việc.

Nhưng từ khi ông Henry Kissinger giữ chức vụ Cố vấn An ninh, thì Hội-đồng An-ninh Quốc-gia do ông làm chủ tịch đã trở thành một cơ xưởng tư tưởng. 46 chuyên viên cao cấp có tiếng trong xã-hội Mỹ và 105 nhân viên thuộc cấp đã hoạt động ngày đêm. Hội đồng phải nghiên cứu cùng một lúc 146 vấn đề từ hội đàm Nga-Mỹ về giới hạn vũ khí nguyên tử tới cuộc đời bà Gandhi hay ông Yahya Khan và cục diện thế giới. Hồ-sơ, công-diện như bươm bươm bay về chõng chắt trên bàn ông Kissinger để ông đọc ngay, phân tích và trình lên Tổng-thống các đề-nghị giải-quyết. Tổng-thống Nixon chỉ còn

việc lựa chọn một trong những giải pháp đã được Kissinger đề nghị.

Vì công việc nặng nhọc như vậy nên Henry Kissinger đã đòi hỏi ở nhân viên dưới quyền những nỗ lực đặc biệt và một tinh thần phục vụ hết mình. Không chịu nổi, 1/4 nhân viên đã bỏ ông mà đi. Tuy nhiên Kissinger không phải là một người khó tính với nhân viên. Người ta thấy có nhiều bức ảnh chụp ông đang ôm cổ một cô thư-ký để vỗ về an ủi vì cô này không chịu nổi cách làm việc qua mức. Riêng ông, ông đã làm việc hơn ai hết. Mỗi tuần làm việc 6 ngày, đôi khi cả ngày Chủ nhật, mỗi ngày làm việc từ 12 tới 15 giờ, từng hăm Tòa Bạch-ốc đã trở thành tư gia của Kissinger. Ông dùng cơm tại Bạch-ốc, cạo râu, cắt tóc tại Bạch-ốc, tắm rửa tại Bạch-ốc. Quần áo của ông cũng do Bạch-ốc phụ trách giặt rũ. Vì vậy mà các đảng viên đảng Dân-chủ đã đặt chuyện rằng đến quần áo của Kissinger cũng đã được chính bà Nixon hàng ngày đem giặt ở bờ sông Potomac!

Với sự tận tụy cho công việc như vậy, Henry Kissinger gần như không

Tìm đọc sách SÁNG TẠO

- **CÂY ĐÀN MIẾN ĐIỆN** của Takeyama Michio bản dịch của Đỗ Khánh Hoan.
- **VÀO THIÊN** giai thoại tùy bút của Doãn Quốc Sỹ (phát hành kỳ 2).
- **ĐỆ NHỊ THẾ CHIẾN VÀ CHIẾN TRANH LẠNH** của G. s. Nguyễn Mạnh Quang (tốt nghiệp Cao học Sử học Đại học đường Ohio).

có đời tư. Người ta chỉ biết rằng ông đã ly dị vợ năm 1964 sau 15 năm chung sống. Hiện thời ông ở cùng với hai đứa con, một trai và một gái là cậu David và cô Elizabeth. Về gia đình ông cũng như về cuộc hôn nhân đổ vỡ của ông, các báo chí có một thái độ kín đáo đặc biệt, nên không một ai biết rõ Henry Kissinger là một người chồng và người cha ra sao. Tuy nhiên ông là người được tiếng là rất chịu chơi (swinger). Ông ăn nói dí dỏm có duyên nên lúc nào cũng được năm, bảy cô bao vây. Trong các cô «bồ» của ông người ta luôn luôn kể đến Barbara Howar một nữ ký-giả. Cô này đã có lần tuyên bố rằng: «Tán tỉnh với Henry trong khi vệ-sĩ của «anh» đi đi lại lại bên cạnh thật là hào hứng không kém gì đi dạo mát trong một chiếc xe thiết giáp». Ngoài cô Barbara Howar, người ta còn phải kể tới Nancy Mc Ginnis, người đã từng cộng tác với ông trong Cơ-sở Rockefeller và cũng là người được ông có vẻ chiều chuộng nhất. Sau đó còn cô Nancy Maginne, các nữ tài tử Jill St. John, Marlo Thomas, Samantha, Eggar ấy là còn chưa kể đến những «Sít tac lét» màn bạc mà ông thường đến thăm mỗi khi ông tháp tùng Tổng-thống Nixon tới Tòa Bạch-ốc miền Tây ở San Clemente. Ngay trong những lúc bận bịu nhất ông cũng tìm được cách dẫn một người đẹp đi ăn nhậu. Vào mùa hè 1971 nhân một chuyến du hành Âu-châu, trong khi báo chí đang sôi sào đặt hỏi nhau rằng Kissinger có gặp Lê đức Thọ hay không, thì người ta lại thấy ông hôn hờ đưa cô Margaret Osmer đi dùng cơm tối tại một tiệm ăn có tiếng

ở Paris.

Tại Hoa-thịnh-đốn các bà Đại-sứ đua nhau mời Kissinger tham dự các buổi tiếp tân. Nếu ông tới dự tiếp tân hay dạ tiệc với một bà Đại-sứ nào thì ngay ngày hôm sau ông chồng Đại-sứ của bà này đã vội vã phác trình về nước coi như đó là một thắng lợi ngoại-giao!

Trong một bữa tiệc, khi được hỏi ông nghĩ gì về lời tuyên bố của cô Gloria Steinem rằng cô «chưa hề là bồ của ông», Henry Kissinger đã trả lời rằng ông vẫn chưa hết hy vọng vì dù sao đi nữa thì cô Gloria cũng chưa nói rằng «nếu được «chỉ định» thì cô sẽ chấp thuận và nếu «đắc cử» thì cô sẵn sàng phục vụ».

Với lời nói trầm hây còn nặng giọng Đức, Henry Kissinger đã thủ thỉ nhiều câu rất có duyên khiến cho cả đối thủ của ông cũng phải mến ông. Trong một các cuộc mật đàm ông đã nhiều lần làm Lê-đức-Thọ phải phì cười. Một hôm Thọ xin lỗi ông là đã nói quá nhiều, ông trả lời: «Nếu có dịp tôi sẽ mời ông làm giáo-sư Harvard vì ở đây người ta thường nói ít nhất 50 phút».

Vì là một trí-thức nói năng đứng đắn thâm trầm, lại có một kiến thức sâu rộng về lịch-sử chính trị thế-giới, Henry Kissinger đã bổ túc cho Tổng-thống Nixon, một nhân vật tính toán và thực tế. Vì vậy mà Henry Kissinger được coi như nhân vật số 2 của Hoa-thịnh-đốn. Ông là người được gần gũi Tổng-thống nhất. Mỗi ngày ông và Tổng-thống cũng đàm đạo ít nhất 90 phút, chưa kể những cuộc điện đàm. Ngay những khi đi chơi với các bà các cô ông cũng luôn luôn mang theo một máy

truyền thanh điện-tử nhỏ để có thể liên lạc trực tiếp với Tổng-thống.

Trong Hội-đồng nội-các từ Phó Tổng-thống Agnew, Ngoại-trưởng Rogers, Bộ trưởng Quốc-Phòng Laird cho tới các nhân vật kém quan trọng, ai cũng nhìn ông Henry Kissinger với cặp mắt vừa thán phục vừa ghen tức. Vì các tờ trình của mọi cơ quan chính quyền trước khi tới bàn ông Nixon đều phải qua máy lọc Kissinger để ông nghiên cứu phân tích và trình Tổng-thống những sự lựa chọn rõ ràng sáng sủa. Khi Tổng-thống hội đàm với các Quốc-trưởng ngoại-quốc, Kissinger cũng luôn luôn được dự-kiến. Trong các cuộc hội đàm giữa ông Nixon và các lãnh tụ Trung-Cộng như Mao-trạch-Đông và Chu-án-Lai người ta chỉ thấy có sự hiện diện của Kissinger, trong khi Ngoại-trưởng Rogers thì lại vắng mặt.

Từ tháng 4. 1969 đến tháng 11. 1971 Kissinger lại còn được Tổng-thống Nixon cử sang Paris mật nghị với phe Cộng-sản Bắc-Việt. Vào khoảng 30 tháng 12 cuộc tiếp xúc đã được thực hiện. Mỗi lần họp là mỗi lần Kissinger phải vất vả cực nhọc. Vì phải giữ bí mật nên thường thường ông luôn luôn kín đáo đáp máy bay từ Washington vào sáng thứ bảy vượt Đại-Tây-Dương sang tới Francfort (Đức). Từ Đức ông đáp máy bay sang Pháp rồi lên xe hơi đến thẳng nơi hội-đàm. Cuộc hội-đàm chỉ ngưng lại một nửa giờ khi ông được đối phương mời ra vườn ăn chả giò rồi lại tái nhóm. Sau hội-đàm ông lại lên máy bay trở về tới Hoa-thịnh-đốn vào buổi tối đêm thứ hai và ngay sau đó vào thẳng phòng ngủ

của Tổng-thống Nixon để phúc trình.

Phương pháp ngoại - giao - mật (diplomatic secrète) cổ truyền rất hợp với Henry Kissinger, tác giả của luận-án tiến sĩ nói về Metternich. Cũng như Me Hernich, vị Thủ-tướng nước Áo vào đầu thế kỷ thứ 19 đã thắng Napoléon nhờ tài ngoại giao, Kissinger có những tư tưởng cổ điển. Ông cho hòa-bình thế-giới dựa trên một thế quân-bình lực lượng. Vì vậy mà ông đã thúc đẩy Tổng-thống Nixon thương thuyết với phe Cộng-sản nhưng cùng một lúc tăng cường lực lượng quân sự để nắm được ưu thế.

Trong vấn đề Việt Nam cũng vậy, với ý kiến của Kissinger, ông Nixon đã có một chính-sách Việt-Nam gồm có hai chiều hướng (two-track policy) Một mặt củng cố quân đội Nam-Việt một mặt tiếp tục đàm thoại ở Paris. Chính sách «đả đả đàm đàm» của Cộng sản lại được chính Hoa-kỳ áp dụng đối với Cộng sản.

Trong năm 1971 vừa qua phe Cộng-sản đã xình vình trước các sáng kiến ngoại giao của Hoa-kỳ. Bằng cách xích lại Trung-Cộng Hoa-kỳ đã buộc Nga-sô phải có một thái độ ôn hòa. Bằng cách nhận lời mời sang Mạc-tư-khoa, Tổng-

NHẬP CUỘC đã án hành

**HƠN MỘT LẦN
THƯƠNG NHỚ**

Thơ: XUÂN HỮU

Liên lạc: Trần hữu Nghiêm,
H.T.T.T. Huế

thống Nixon cũng làm cho Trung-Cộng
e ngại.

Đối với các đồng minh Âu-châu cũng
cũng vậy, trước việc Hoa-kỳ đe dọa giải
kết và rút quân, các nước đồng minh Âu-
châu từ nhiều năm nay tính chuyện xa
lánh Hoa-kỳ và rút khỏi Minh-ước Bắc
Đại-tây-dương đã vội vàng níu áo Hoa-
kỳ buộc phải ở lại Âu-châu.

Từ khi Đệ-nhị thế-chiến chấm dứt
tới giờ chưa bao giờ người ta thấy nền
ngoại giao Hoa-kỳ hoạt động mạnh mẽ
như lúc này. Hoa-kỳ là một nước hùng
mạnh nhất thế giới và có đủ tư thế để
đóng một vai trò quan trọng trong đời sống
quốc tế, nhưng trong thập niên 1960,
sau khi John Foster Dulles qua đời, nền
ngoại-giao Mỹ được giao phó cho
những vị Giáo-sư Đại-học, tuy ưu tú,
nhưng không có đầu óc thực tế nên
Hoa-kỳ đã mất phần chủ động trong đời
sống chính trị của hoàn cầu. Với
Kissinger tình trạng này đã thay đổi
hẳn, chính sách đối ngoại của Hoa-kỳ
đi sát với thực tế hơn. Không như Dean
Rusk, Walt Rostow và Mc. George
Bundy là những người Mỹ chỉ làm
quen với chính trị quốc tế qua sách vở
và lý thuyết, Kissinger không những là
một học giả thâm hiểu sự tiến triển của
guồng máy chính trị trên thế giới từ
nhiều thế-kỷ qua mà còn có những kinh
nghiệm sống trong lãnh vực này. Thật vậy,
ngay từ lúc thiếu thời ông đã từng chứng
kiến những cảnh sụp đổ của nhiều quốc gia,
nhiều chế-độ trước bạo lực. Ông cũng
đã từng là nạn nhân của những biện
pháp độc tài, của một chính-sách kỳ-thị
chủng-tộc bất khoan dung. Hơn nữa

ông lại còn là một người Âu-châu, một
người Đức, nên đầu óc còn nặng chịu
ảnh hưởng tư tưởng "gian ngoan" của
một Machiavel, một Talleyrand hay ảnh
hưởng chính-sách thực-tế (realpolitik)
của một Metternich, một Bismark.

Những ảnh hưởng Âu-châu này đã
giúp cho Henry Kissinger xét đoán và
ước lượng các vấn-đề một cách chính-
xác và vững vàng hơn. Ông không ưa
các lời lẽ mơ hồ của những nhà
ngoại giao "chỉ tìm cách nói để mà nói"
(parler pour ne rien dire). Trong một
phiên họp của Hội-đồng An-ninh Quốc-
gia khi ông Kissinger đưa ra vấn đề
giảm quân ở Âu châu, một nhà ngoại
giao lão thành vội vàng phát-biểu ý-
kiến: "Nếu rút quân ở Âu châu thì sẽ
có những hậu quả tai hại". Kissinger
yêu cầu nhà ngoại giao này cho biết
những hậu quả tai hại là những hậu quả
gì thì ông này không trả lời được Kis-
singer bèn vắn lại: "Nếu ông không biết là
vấn đề rút quân sẽ có hậu quả nào thì làm
sao ông biết được là tai hại?"

Phương pháp làm việc chính xác và
hợp lý của Kissinger, nếu bị "bộ-lạc Ken-
nedy" chê thì lại được ông Nixon hết
sức tán thưởng. Do đó uy tín của Kis-
singer đã làm lu mờ tất cả các nhân vật
khác trong chính quyền, nhất là Ngoại-
trưởng William Rogers. Tuy nhiên, ông
Rogers cũng không lấy thế làm phiền
lòng vì tình bạn trên 20 năm giữa
Tổng-thống và ông đã khiến ông dễ
dàng chấp nhận để cho một nhân vật khác
dẫm lên chân, miễn là giúp cho ông
Nixon thành công. Ngoài ra ông Kissin-
ger cũng tỏ ra hết sức khiêm nhượng.
Ông luôn luôn nhấn mạnh rằng. "Không

có chính sách Kissinger mà chỉ có chính sách Nixon», vì tất cả những việc ông làm là giúp cho Tổng-thống dễ dàng lựa chọn một đường lối vừa phù hợp với tư tưởng của Tổng-thống vừa phục vụ được quyền lợi của quốc-gia. Hơn nữa, Kissinger cũng tỏ ra hết sức thận trọng nhất là trong vấn đề Việt-Nam. Ông luôn luôn nói rằng ông không muốn chịu hoàn cảnh của Walt Rostow, vị Cố-vấn An-ninh của cựu Tổng-thống Johnson bị các Trường Đại-học tẩy chay chỉ vì vấn đề Việt-Nam. Biết như vậy nên các bạn đồng nghiệp của ông ở Viện Đại-học Harvard đã hứa rằng «dù thành công hay thất bại chúng tôi cũng không bao giờ bỏ rơi Henry».

oOo

Ngôi sao Henry Kissinger đang tiếp tục chói sáng trên nền trời Hoa-thịnh-đốn. Nhân vật Henry Kissinger luôn luôn được người ta khoác lên mình một huyền thoại. Người ta tặng cho ông những danh hiệu kỳ thú nhất, nào là «Giáo sư của Tổng thống» nào là «Super Kraut», nào là «Henry the Kiss» nào là «Metternich của thế-kỷ 20». Thật ra thì tư tưởng của ông cũng không có

gì là mới lạ. Ngược lại ông là một người thủ cựu. Những ý thuyết về quân bình lực lượng, về trật tự thế giới đã được Machiavel và Bodin đưa ra vào thế-kỷ thứ 16 và được Talleyrand, Metternich và Bismarck áp dụng vào thế kỷ thứ 19. Điểm mới lạ chỉ là việc Henry Kissinger áp dụng những tư tưởng cổ điển Âu-châu cũng như những phương pháp và mưu mô của các Triều-đình Âu-châu thời phong-kiến vào đời sống chính trị của một xã hội Hoa-kỳ tân tiến nhưng chỉ vốn vẹn có 196 năm lịch-sử.

Tuy uy tín vang dội, tuy chức vụ cao sang, nhưng nhiệm vụ của Henry Kissinger lại hết sức bạc bẽo. Nếu thành công thì Tổng - thống Nixon được hưởng lợi, nếu thất bại thì chính Henry Kissinger phải «lãnh đủ» hậu quả. Cái ám ảnh hiện thời của ông là bị Harvard tẩy chay đến nỗi phải tìm việc làm tại một Viện Đại-học tăm tối. Với các cô bồ đang soán suýt bên ông, Henry Kissinger thường hỏi đùa rằng: «Liệu cô có tìm được hạnh phúc bên tôi khi tôi trở thành giáo-sư của một trường nhỏ ở Tiểu-bang Arizona chẳng?»

TỪ MINH

CA DAO mới phát hành:

- **NIETZSCHE** cuộc đời và triết lý của Felicien Challaye — Mạnh Tường dịch (ấn bản lần hai có tặng gần 40 trang).
- **THÂN PHẬN** thơ HOÀI KHANH (ấn bản lần ba toàn giấy quý) Mẫu bìa của Nguyệt Quế.
- **TUỔI TRẺ VÀ CÔ ĐƠN** của HERMANN HESSE Vũ Đình Lưu dịch (ấn bản lần ba có tặng bồ).
- **BEETHOVEN**, « Một thiên tài tình thiên cổ lụy » của J.W.N. SULLIVAN, Hoài Khanh dịch và giới thiệu.

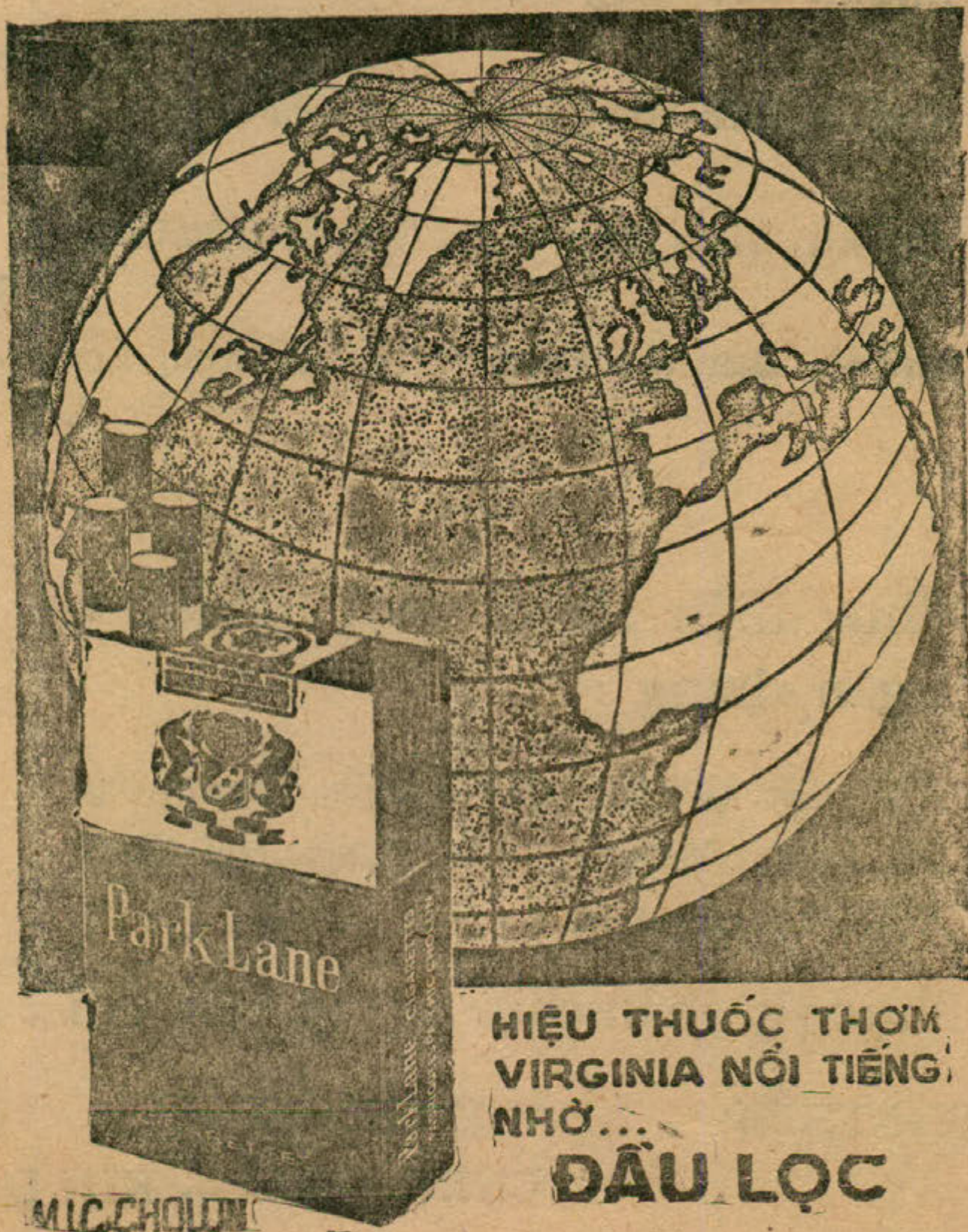
Nhà xuất bản ANH - EM đã phát-hành toàn-quốc

THƠ Nguyễn-Thị-Vinh

- Tập thơ đầu tay của một nhà văn hơn 20 năm cầm bút.
- Tiếng thơ đút ruột, nồng-nàn dậy lên từ những thống khô Việt-Nam cùng niềm tin yêu quê-hương.
- Ba ngàn bản quý giá 280\$00.

— Bản Dấu Sơn 500\$00.

— Xin liên-lạc 215^{J6} cư-xá Chu-Mạnh-Trinh Đại-lộ Chi-Lăng —
Gia-Định.



ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*

ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Cảnh*

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang-Long*

ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

V À O Đ Ò I

Chương II

Cuộc nghị án bắt đầu. Thầy Thường nói trước :

— Tôi cảm phục sự thành thực và can đảm của em Quang.

Hầu hết quý vị giáo sư trong phòng này đều còn trẻ, suýt soát ba mươi. Quý vị không thể đóng vai cha chú, mà chỉ có thể đóng vai người anh đối với học trò. Cùng lắm là vai anh cả.

Quý vị không thể bảo rằng mình không cùng cảnh ngộ với học sinh được. Những tâm tình Quang thổ lộ ra, chính là tâm tình quý vị mấy năm về trước. Quý vị có thể tự do chọn nghề này không ? Quý vị có tha thiết nghề gõ đầu trẻ từ thời đi học, vì vinh dự hướng dẫn đào tạo những công dân tốt cho xã hội mai sau không ? Không, trăm lần không, ngàn lần không.

Tôi tin chắc là quý vị đã lâm vào cùng cảnh huống như tôi : đậu tú tài xong, lại lo sao-vội-sao-vàng một lô giấy tờ để nộp đơn thi vào tất cả các ngành. Có vị may mắn đậu ngay vào sư phạm. Có vị nếm mùi chua chát của thi cử vài phen. Có vị đã từng giành chỗ ở giảng đường khoa

học, phiếu bằng từ văn khoa qua luật khoa để tự triển hạn hoãn dịch. Chúng ta cùng hoang mang bơ vơ như nhau trước khi bước vào công trường sư phạm. Không lý gì chúng ta chóng quên đến độ hôm nay, dám ngồi đây xử chính chúng ta mấy năm về trước.

Chúng ta không có quyền xử án. Chúng ta phải cảm ơn em Quang. Cái gì chúng ta muốn nói mà không thể nói vì cơm áo danh phận, thì hãy để cho các em học trò can đảm được tự do nói ra.

Nhiều bàn tay đưa lên ngay khi ông Thường dứt lời. Thầy Thanh, giáo sư toán, giành nói trước :

— Chưa bao giờ tôi nghe thấy một ý kiến phóng khoáng cởi mở như vậy. Hãy xem học trò như em út của mình. Hãy để chúng tự do phát biểu tâm tình. Tự do. Tự do. Cứ để cho học sinh làm theo ý muốn, chúng sẽ làm gì ?

Chúng sẽ trả lại thầy nào hydro-gène, nào hiền hoa khóa tử, nào đường thi, nào sông núi. Tà tà ngoài phố phì phèo Salem, xem hết phim chưởng này tới phim chưởng khác, chắc chắn thú vị hơn việc học hành.

Giáo dục là gì nếu không phải là luyện cho học trò đức tính vị tha, hạn chế lòng vị kỷ và tự do cá nhân để phụng sự công ích. Nhét

vào đầu óc học trò để thất ý niệm về đường thẳng tức là đã dạy chúng sự liêm khiết, sự tự chế, không cho phép là lướt uốn khúc. Dạy cho chúng vòng tròn là đã tập cho thuần thành đức tính điều hòa, chung thủy, lúc nào cũng như lúc nào. Sự quý giá nhất của học đường là trật tự, tôn ti. Thầy cho ra thầy, trò cho ra trò. Phải tuyệt đối vâng lời cấp điều khiển.

Theo tôi, giáo dục Việt nam xuống dốc không phải vì lý do nào cao xa, mà do những xáo trộn từ cách mạng I-II-63. Khi học trò dám chỉ thẳng vào mặt thầy la lớn: Nó là thẳng cần lao, nên giáo dục bắt đầu như cái xe không phanh. Quý vị muốn vuốt ve trẻ con, chơi trò dân chủ, thì cứ mặt tình xả hết đầu thẳng ra đi.

Chúng ta dạy học trò, chứ không mị học trò.

Học trò không nghe lời thầy, hãy đập hai roi.

Học trò không nghe lời thầy mà còn cướp micro chửi thầy, hãy đập bốn roi.

Học trò không nghe lời thầy, đã chửi thầy, còn chửi luôn xếp sòng của thầy, hãy đập mười sáu roi.

Không choàng vòng hoa cho nó.

Không khí trong phòng nóng bỏng và căng thẳng. Thầy Thường muốn trả lời ngay, nhưng ông hiệu trưởng lại chỉ thầy Diêu. Ông Diêu nói:

— Tôi có cảm tưởng anh Thường

đang đóng vai quan tòa, và đó là ngộ nhận căn bản của anh em. Hội đồng kỷ luật, trước hết, không phải là tòa án. Tương quan giữa chúng ta và học sinh ra hội đồng kỷ luật là tương quan giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục. Hình phạt, nếu có, chỉ là một cách thể hướng dẫn cho các em khỏi lầm lẫn, để trở nên người tốt. Hình phạt không phải là cách trả thù.

Cho nên ở đây không có phán quan và tội nhân, mà chỉ có người với người. Chúng ta phải tự đặt mình vào địa vị em Quang, một học sinh sắp bước chân vào cõi bơ vơ là đại học, một tổng thư ký có phận sự lo lắng thể hiện nguyện vọng bạn bè, để không phụ lòng tin nhiệm, một thanh niên bị kích động bởi một số yếu tố ngoại cảnh: cái nhìn khuyến khích của anh em, sự hấp dẫn của cờ xí và cử tọa, ước vọng cảm thông, cái ngây ngất của mạo hiểm... Tôi không choàng vòng hoa cho em Quang, nhưng đề nghị nên đứng ngang hàng với em mà phán xét. Đừng chễm chệ trên bục cao mà nhìn xuống. Chúng ta hãy thành thực. Trong chúng ta, giữa chúng ta với nhau, có ai dám nói mình chu toàn trách nhiệm nhà giáo, tay mình sạch để chễm chệ trên bục cao lớn giọng phán quan. Quý vị có đủ tư cách xử người không? Quý vị đã dạy dỗ đảng hoàng chưa, mà đòi xử một em học trò mới vô tình chạm vào vạt áo của quý vị?

Có nhiều tiếng la ó phản đối. Phòng họp ồn ào như cái chợ. Ông hiệu trưởng cố tái lập trật tự, hét to:

— Xin quý vị im lặng. Càng ngày, chúng ta càng đi xa đẽ. Với tư cách hiệu trưởng, tôi cực lực bác bỏ những câu hỏi gây bất hòa của ông Diêu. Giáo sư nào trong trường này không làm tròn bổn phận, họ chịu trách nhiệm với tôi. Tôi không làm tròn bổn phận, phải chịu trách nhiệm trước thanh tra. Những câu hỏi ám chỉ người này người nọ hoàn toàn không liên hệ gì đến hội đồng kỷ luật.

Xin ông tổng giám thị phát biểu ý kiến. Quý vị im lặng cho.

Ông tổng giám thị phải cố nói lớn cho át tiếng ồn :

— Tôi đồng ý với anh Diêu : đây không phải là phiên tòa, mà là một cuộc họp hội đồng gia tộc để răn dạy con cháu. Nếu chúng ta có trừng trị trò Quang, không phải vì tự ái, không phải vì thù hiềm, mà vì công í h. Chúng ta vì trật tự học đường mà xử tử Quang, vì tương lai của hơn hai nghìn học sinh khác mà xử tử Quang. Tôi làm Tổng giám thị, phụ trách về trật tự và kỷ luật trong trường. Kinh nghiệm cho tôi thấy khi nào có các xáo động chính trị, xuống đường, biểu tình, thì thái độ của học sinh trở nên bất kính và học lực giảm sút. Hình như trong ánh mắt của các tiểu anh hùng, chúng ta đọc được sự khinh khi chế diễu : Ê, ông thầy, sợ bề nổi cơm hả ? Có gan đi biểu tình chơi.

Bất cần quan tâm trò Quang đúng hay sai, nội việc không nghe lời thầy hiệu trưởng, tự tiến lên giành micro trước đám đông, đã là cái gương

xấu cho học sinh toàn trường. Hôm nay, chúng ta không trừng phạt trò Quang đích đáng, thì sang năm, có thể có học sinh đòi ban huấn từ cho Tổng thống.

Nhiều tiếng cười rộ nổi lên, giải tỏa bầu không khí nặng nề từ đầu đến giờ. Thầy Uần trên bàn hội đồng kỷ luật vừa cười vừa nói :

— Ông Tổng giám thị khỏi lo xa như vậy.

Nếu xét đến hậu quả của biến cố vừa rồi, thì theo tôi, chúng ta nên yên lòng. Không trầm trọng lắm đâu. Chính lúc này, ông Tổng giám thị xác nhận rằng vì em Quang bối rối nói quá mau, lại kề sát miệng vào micro hệ thống âm thanh kém nhiều tiếng dội, nên học sinh không hiểu em Quang nói gì.

Tôi có dò hỏi, thì được biết các em tưởng em Quang đang thay mặt học sinh toàn trường hứa với ông Tổng trưởng là sẽ ngoan ngoãn học hành, rèn luyện đức dục và trí dục để trở nên người hữu dụng cho xã hội.

Các em cũng không thấy có điều gì bất thường, vì chính chúng tôi, chúng tôi cũng không biết theo nghi thức, phần huấn từ luôn luôn ở sau cùng chương trình.

Đối với ông Tổng trưởng, may mắn cho chúng ta, là ông không nghe được gì hết. Ty thông tin vụng về trong cách đặt loa phóng thanh. Ông hiệu trưởng ngồi phía sau ông Tổng trưởng, cũng không nghe

được gì. Chúng ta yên chí. Lúc em Quang xuống, ông Tổng trưởng đã quay lại hỏi ông phụ tá: Em đại diện nói chi vậy?

Vả lại, dù có nghe, chưa chắc ông ấy đã hiểu hết. Ông xác nhận mình xa cách với học sinh phía dưới, xa cách đủ thứ, trong đó có ngôn ngữ. Lúc nhỏ học trường Pháp, đậu bác sĩ y khoa hành nghề lâu năm tại Pháp, chưa chắc ông Tổng trưởng nghe hết hiểu hết tiếng Việt. Ngay sau buổi lễ, xuống viếng trường nữ, ông Tổng trưởng ngạc nhiên không thấy ai tiếp đón. Bà hiệu trưởng phân bua là học sinh đang bận thi tấn ích. Ông hỏi, rất tự nhiên: Thi tấn ích lấy bằng gì?

Cho nên, một lần nữa, chúng ta yên chí.

Em Quang nói, chỉ có mấy thầy của em nghe. Mấy thầy giận, tự ái bị va chạm, thì cứ xét xử, chứ đừng vịn vào hậu quả thế này thế nọ.

Giọng nhát gừng thoáng chút châm biếm của thầy Uần khiến ông Tổng giám thị phát lòng. Ông ngồi xuống quay mặt ra hướng khác, trong khi có vài tràng vỗ tay tán thưởng.

Ông Bảo giữ im lặng khá lâu, bây giờ tiếp tay cho ông tổng giám thị:

— Lúc này tôi có hỏi em Quang về các ý kiến đưa ra trong buổi họp của ban chấp hành. Em có nói đến ý kiến dung hòa tuyệt vời: vẫn lên đọc bảng tường trình công tác cũ, rồi sau đó, trình bản tham luận cho ông Tổng trưởng đọc. Tôi nghĩ vấn

đề chính ở đây như sau: Chúng ta không trách cứ em Quang về nội dung của lời phát biểu, vì như anh Thường và anh Diêu đã nói, em Quang đã thành thực bộc lộ tâm trạng bơ vơ hoài nghi của tuổi trẻ. Không ai có quyền chê bai sự thành thực. Nhưng chúng ta không đồng ý về cách đề đạt ý kiến. Nó có vẻ vô lễ, trịch thượng quá.

Tại sao, với những ý kiến ấy, em Quang không viết thành một bản thỉnh nguyện thư, đề nhờ ông hiệu trưởng chuyển lên ông Tổng trưởng.

Thầy Vị hết còn giữ sự dè dặt thường lệ, nói mau:

— Không được, chính cách thức trình bày cũng quan trọng như nội dung trình bày. Một bài ca của Phạm Duy chẳng hạn, chỉ tuyệt vời nếu do Thái Thanh diễn tả. Những ý kiến của em Quang đâu có mới mẻ gì, đầy dẫy trong thi ca, tiểu thuyết, âm nhạc, báo chí. Nhưng em Quang chọn cách nói, lúc nói, nơi nói như vậy thì lời nói mới tạo được hiệu quả mong muốn. Em Quang đã có lý. Bằng chứng: là hội đồng kỷ luật này, những bản cãi dây dưa này, những xúc động bàng hoàng này trong mỗi chúng ta.

Ở tư thế một Tổng thư ký, được hai nghìn học sinh bầu lên, em Quang tất nhiên phải chọn lối nói đó, không thể khác.

Thành thử chúng ta đã đưa em Quang phạm luật. Qui chế hiệu đoàn ghi rõ: Tổng thư ký do các liên

toán trưởng bầu lên và chịu trách nhiệm với hội đồng liên toán trưởng. Chính chúng ta đã vượt qui chế, cho phổ thông đầu phiếu đề học sinh có ảo tưởng về quyền hành, trách nhiệm của mình. Em nào, dù bản tính hiền lành cầu an bao nhiêu mà được hai nghìn học sinh bỏ phiếu tín nhiệm, cũng cảm thấy áy náy, phải làm cái gì cho xứng vai người hùng.

Chính chúng ta gieo gió, bây giờ, chúng ta lại không muốn gặt bão. Thầy Liêu, Tổng thư ký hội đồng giáo sư hướng dẫn, trả lời ngay:

— Tại sao anh Vị còn trở lại một vấn đề tất cả chúng ta đều đồng ý với nhau từ hai niên khóa qua. Năm nào, chúng ta cũng họp nhau, đề trút cho nhau trách nhiệm hướng dẫn. Năm nào, chúng ta cũng đặt lại thẻ thức bầu cử, và đa số vẫn chủ trương cho các em phổ thông đầu phiếu.

Kinh nghiệm cho thấy ở các lớp, học sinh không mấy chú ý lựa chọn một liên toán trưởng xứng đáng, chỉ cố tìm một người chịu khó giữ sớ, lấy phấn, lau bảng. Do đó, nếu hội đồng liên trưởng bầu ban đại diện học sinh, uy tín của ban đại diện không có bao nhiêu, rất khó làm việc.

Ngược lại, nếu tất cả học sinh bầu ban đại diện, không khí tranh cử sẽ sôi nổi và uy tín tổng thư ký gia tăng. Chúng ta đã cho các em quen với thẻ thức bầu cử, vận động sử dụng lá phiếu, tập làm người công dân tốt của một nước dân chủ mai sau.

Tạo uy tín cho ban đại diện nhất định không phải là điều tai hại. Chỉ có điều tai hại là các phần tử học sinh xấu lợi dụng uy tín đó để phản thầy chửi thầy. Phải trừng phạt thật nặng nề các phần tử đó.

Những câu kết tội đột ngột của một giáo sư đứng đắn và uy tín như thầy Liêu làm tan ngay vẻ cưỡi cọt hài hươc trong không khí phòng xử. Mọi người im lặng trở lại. Thiếu tá phân hội trưởng bây giờ mới góp ý kiến:

— Thưa ông hiệu trưởng, thưa quý vị giáo sư.

Hôm nay, phụ huynh em Quang không có mặt. Là Phân Hội trưởng, tôi có nhiệm vụ thay thế. Dĩ nhiên cha mẹ bao giờ cũng thương con, bênh con. Nhưng từ đầu đến giờ, tôi không dám lên tiếng, vì quả tình, không biết bênh thế nào. Rõ ràng em Quang có lỗi với quý vị, háo thắng, không tuân lời thầy hiệu trưởng, rồi tự tiện lên khán đài nói nhiều lời xúc phạm đến giáo sư và thượng cấp.

Quý thầy có lòng nhân hậu, tìm cách bào chữa thế này thế nọ, nhưng dù sao chẳng nữa, em Quang cũng đã vô lễ với bậc trưởng thượng. Dù là một lời vô lễ văn hoa.

Khi chiều, trước khi đi họp bên tiền khu, tôi có ghé ngang đây mượn học bạ của em Quang. Tôi rất ngạc nhiên, em đã đứng đầu từ năm đệ thất đến năm đệ nhất, và không có lời phê nào khác hơn những lời khen ngợi nồng nhiệt. Hạnh kiểm hết sức

ngoan ngoan. Thầy thường, bạn mến.

Quá khứ đó đủ minh chứng rằng hành động của em Quang không có hậu ý xấu. Tuổi trẻ có đôi lúc ngông cuồng, và với học lực hạnh kiểm ấy, tôi kính mong quý vị niệm tình tha thứ, áp dụng biện pháp nhẹ cho.

Em Quang sắp thi tú tài hai và chắc chắn sẽ đậu cao. Em sẽ có may mắn được học bổng du học. Nếu quý thầy nặng tay, hồ sơ du học của em sẽ bị bác, có thể chúng ta thiệt mất một nhân tài.

Thầy Bảo trả lời ngay :

— Thưa Thiếu tá, Chúng ta sẽ xét theo lương tâm, và tùy theo tội trạng của em Quang. Chốc nữa đây, hội đồng kỷ luật, trong đó có Thiếu tá, sẽ quyết định hình phạt dành cho em Quang. Tôi mong hình phạt ấy thích hợp với lỗi lầm.

Và nếu có quyết định điều gì, tôi tin chắc rằng không ai có thể căn cứ vào lý do du học để khoan hồng một học sinh phạm luật. Du học hay không du học, đối với chúng tôi không thành vấn đề. Biết bao nhiêu người được ưu đãi, khỏi thi hành quân dịch yên tâm học hành ở ngoại quốc, rồi ở luôn bên Âu Mỹ không chịu về. Biết bao nhiêu người vì du học mà hoàn toàn xa lạ với quê hương, không thể thích ứng với đời sống đồng bào.

Dân tộc này đã hy sinh quá nhiều cho một số người thành tài từ ngoại quốc về ăn trên ngồi trốc. Thà em Quang ở lại, cầm cán cuốc cán cày

ăn dưa ăn khoai, có lẽ xứ sở ít chua xót hơn thấy em Quang ra đi rồi thành đũa con lai.

Thầy Thường lo ngại nhìn nét mặt ông Thiếu tá. Bỗng tối che giấu phản ứng của ông. Thầy Thường cố vớt vát :

— Chắc gì em Quang đã đậu, mà chúng ta đi quá xa đề. Xin quý vị nhớ cho điều này : chỉ còn hơn tháng nữa là thi tú tài hai. Trường chúng ta đã thi xong đệ nhị lục cá nguyệt, và ở một vài lớp đã hết chương trình, giáo sư chỉ nói chuyện phiếm. Em Quang lại là học sinh năm cuối cùng. Cho nên nếu đuổi em ra khỏi trường, hay đuổi bảy ngày, hay đuổi ba ngày, thực ra không có giá trị thực tế. Em Quang vẫn đi thi được và đã hết học. Hình phạt chỉ còn là hình thức. Khốn thay cái hình thức phù phiếm này lại có ý nghĩa không mấy đẹp : chúng ta đã tĩa thù học trò và tự chứng tỏ sự bất lực của mình.

Mấy ngọn nến đã cháy quá nửa, giọt nến nhều tràn trên mặt bàn. Cửa đóng về phía hành lang, nên không khí trong phòng ngột ngạt. Hơn nữa vì đói, các lời phát biểu ngày càng rã rời và ngắn ngủi hơn.

Ông hiệu trưởng nhìn đồng hồ : chín giờ ba mươi tối. Ông le lưỡi, rồi tóm tắt ý kiến :

— Vì đã quá khuya, hơn nữa quý vị đã góp ý kiến đầy đủ và hào hứng nên tôi mạn phép tóm tắt các khuyến cáo của quý vị.

Quý vị đã đưa ra các ý sau đây :

Thứ nhất ; phải thông cảm tâm trạng bơ vơ của tuổi trẻ và tránh thái độ độc đoán phiến diện của một ông tòa.

Thứ nhì : quý vị công nhận em Quang đã vi phạm kỷ luật, vô lễ, bất tuân lệnh trên, ảnh hưởng xấu cho các bạn đàn em.

Thứ ba : nhưng cũng nên hiểu chức vụ Tổng thư ký đã giữ một nguyên tố quan trọng của hành động.

Tôi tóm tắt như vậy có thiếu sót điều gì không ?

Cả phòng hô lớn : không. Vài người vươn vai ngáp dài, trong khi tiếng cười nói đột nhiên ồn ào. Ông

Tổng giám thị phát giấy phiếu cho năm vị ủy viên hội đồng kỷ luật. Sau một hồi bàn cãi ngắn, các ủy viên đồng ý chọn một trong hai hình phạt đuổi một tuần và đuổi hẳn. Nội qui viết rõ : Quyết định của hội đồng được ghi vào học bạ.

Khi khai phiếu xong, ông hiệu trưởng nhường lời cho Phân Hội trưởng tuyên bố kết quả : ba phiếu đuổi hẳn, và hai phiếu đuổi một tuần. Cả phòng ồn ào bàn tán.

Ông hiệu trưởng lại ra dấu cho giám thị xuống gọi em Quang lên nghe phán quyết của hội đồng.

(còn tiếp)

NGUYỄN-MỘNG-GIÁC

Học NHẬT-NGŨ phải bằng CHÍNH-VĂN NHẬT-BẢN để đạt kết-quả

- thi đậu sinh-ngữ NHẬT các Ban : A, B, C, D.
- đủ điểm khảo-sát Nhật-văn để được cấp học-bằng du-học Nhật-Bản.
- trực-đàm, phỏng-vấn người Nhật bằng Nhật-ngữ về văn-chương, sử-ký hay mọi giao-dịch bằng Nhật-văn.
- tự mình đọc lấy, khai thác lấy sách báo Nhật-Bản.

Hãy đến ghi danh mỗi ngày theo LỚP NHẬT-VĂN
CHÂM-VŨ,

Tại số 15/19, Yên-Đồ — (Tân-Định) — Saigon.

Do CHÂM-VŨ đích thân hướng dẫn hàng ngày : SÁNG,
CHIỀU, TỐI bằng chính-văn Nhật-Bản.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

ASPRO



trị:
**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB: TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Nhà Xuất bản LÁ BỐI

Lô O số 121, Chung-cư Minh-Mạng Saigon 10

Giám-đốc sáng lập: Nhất Hạnh

Mời đọc:

- NÈO VÀO THIỀN HỌC của Nhất-Hạnh
*Tác phẩm «Thiền học nhập môn» dành cho tất cả.
Một lối trình bày Thiền thật trong sáng, dễ nhận.*
- NGUỒN GỐC MÃ-LAI CỦA DÂN-TỘC
VIỆT-NAM của Bình-Nguyên-Lộc
(Sau ba tháng phát hành đã bán được 1.500 cuốn).

Sách mới 1972 đã phát hành:

- 10 KHUÔN MẶT VĂN-NGHỆ HÔM NAY
của Tạ Tỵ viết về 10 nhà văn.
- VÔ MÔN QUAN
Thiền sư Vô Môn bình tụng
Trần-Tuấn-Mẫn dịch

Đang lên khuôn 3 cuốn:

- CHINH-PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC
Phan Huy Ích diễn giả
Nguyễn Văn Xuân phát giác
- ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA
của Trần ngọc Ninh
- NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI
của Nhất Hạnh

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gửi sách cho bạn đọc qua bưu điện. Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ-Thắng-Tiết.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Nhận định về cuộc tấn công hiện nay...

(tiếp theo trang 22)

Về thể-lực chính-trị, Cộng-sản ở nông-thôn đồng-bằng thật ra đã không đủ mạnh để có thể tạo *Tổng-nổi-dậy* như Cộng-sản dự trù. Bệnh chủ-quan Tết Mậu-Thân đã làm cho Cộng-sản đồ vỡ không ít và nhờ vậy C.S. đã cảnh giác được một thời-gian. Nay, dường như căn bệnh ấy lại đang dấy lên trong cấp lãnh-đạo của họ.

Vấn-đề đấu-tranh chính-trị của quần-chúng ở miền Nam có đặc-điểm rất lạ là chỉ bùng lên mạnh-mẽ khi tình hình quân-sự tương-đối lắng-dịu. Còn nếu tình-hình sôi-động thì đấu-tranh chính-trị lại xếp hẳn xuống. Chính trị và quân-sự lên xuống theo tỷ-lệ-nghịch thì làm sao CS Việt có thể đẩy đi cùng một lượt cho được! Lúc bình thường, lợi dụng sự bất-mãn về những thiệt hại thiết thân nào đó của một số quần chúng, cán bộ CS có thể len lõi phát động đấu-tranh dưới hình thức một cuộc biểu tình đòi bồi thường hoa màu trúng thuốc khai quang ở một tỉnh lỵ hoặc một cuộc bãi khóa chống bắt lính ở một trường quận nào đó. Nhưng, khi có những trận đánh ào ạt, quần chúng không dễ gì có thể tụ tập vì những lý do trên. Nếu đến độ Cộng-sản dương cờ, gióng trống và lộ diện đấu-tranh, có lẽ quần chúng lại còn tháo chạy lẹ lẹ để tránh cháy thành vạ lây.

Đại đa số quần chúng đã quá chán ngán đến độ không còn muốn dấn mình vào bất kỳ cuộc tranh đấu nào của bên này cũng như bên kia; hầu

hết chỉ lo yên thân cho qua cuộc chiến tranh phi nhân, phi dân, phi nghĩa này. Chính thái-độ tiêu-cực ấy của quần chúng đã là trở ngại quan trọng cho nỗ lực bình định của chính quyền Sài-gòn và đồng-thời cũng là trở-ngại quan-trọng không kém cho cố-gắng bành trướng tổ-chức hạ tầng của Cộng-sản.

Tóm lại, *Tổng-công-kích* sẽ giằng dai, luộm thuộm, không có thắng bại dứt khoát. *Tổng-nổi-dậy* không thể phát động đều khắp sẽ chỉ nổ lép bép vài nơi và hầu hết sẽ bị dập tắt. *Tổng-khởi-nghĩa* do đó cũng sẽ lại chỉ có danh mà không có thực. Nếu lấy "chủ trương" làm mức phân định thì Cộng-sản Việt bị coi như thất bại. Nếu lấy "tình hình" trước *Tổng-công-kích* mà đo, thì có thể Cộng-sản Việt sẽ đạt một kết quả nhỏ là mở được một số căn-cứ-địa miền núi.

Về mặt quốc tế

Về mặt quốc-tế, hậu quả chiến-dịch đang diễn ra cũng có nhiều điểm đặc biệt khác cần phải bàn.

Tổng-công-kích, *Tổng - khởi - nghĩa* 1968, nếu chỉ xét trong phạm vi miền Nam thì rõ ràng Cộng sản Việt đại bại. Nhưng, thật ra Cộng-sản Việt đã đạt được hai thành quả rõ rệt ở ngoài Miền Nam là: Mỹ ngưng oanh tạc Bắc Việt và mở hòa đàm Ba-lê. Trận tấn công đang xảy ra, ngoài việc nhằm đáp ứng mục tiêu lâu dài quốc nội, cũng đã được Cộng-sản Việt mong đợi sẽ ảnh hưởng đến Hội-nghị Thượng-đỉnh Nga Mỹ vào tháng 5

và ảnh hưởng đến cuộc bầu-cử Tổng-thống Mỹ vào tháng 11 năm nay.

Ngay phần mở đầu chúng tôi đã nói đến kế hoạch tấn công được Nga-sô duyệt xét. Đó là một sự thật. Trong cuộc tranh dành lãnh-đạo Hà-nội của Nga và Tàu, hiện Nga đang ở thế tay trên. Lối đánh mà Cộng-sản Việt đang thi triển là lối đánh vũ bão ở ạt của Nga chứ không phải là chiến tranh nhân-dân lâu dài của Tàu. Khi chấp nhận đánh nhau theo kiểu trận-địa chiến, Cộng-sản Việt cũng đã phải chấp nhận sự lệ thuộc Nga nhiều hơn về phương tiện chiến tranh và do đó sẽ đi chệch chủ-trương đứng giữa Nga và Tàu của Hồ-Chí-Minh.

Về vấn-đề bầu cử Tổng-thống Mỹ, cuộc chiến có thể tạo ra một số ảnh hưởng bất lợi cho Nixon nhưng không quá bất lợi đến nỗi ông bị thất cử. Nay, cứ thử cho rằng Nixon sẽ thất cử, phe Dân-chủ thắng thì sự can thiệp của Mỹ có đổi khác chăng? Khó lắm! Trong cuộc vận động tranh cử 1964, Ứng-cử-viên Cộng-hòa thì chủ chiến, còn Ứng-cử-viên Dân-chủ Johnson thì chủ hòa. Vậy mà khi đắc cử, Johnson đã đưa quân viễn-chinh Mỹ sang Việt-Nam tới số trên nửa triệu. Chính sự gia tăng mức độ can thiệp vào chiến cuộc Việt-nam của Tổng-thống Dân-chủ đã là đề-tài cho Nixon tấn công trong năm 1968. Nixon đắc cử tung ra học-thuyết mới, được Cộng-sản Tàu khen là tiến bộ hơn Johnson nhiều, nhưng lại bị Cộng-sản Việt gán cho danh-hiệu «tên khát máu chưa từng thấy».

Quan sát chính tình Mỹ phải nhận rõ một điều: trong mùa bầu cử, Ứng-cử-viên đã vận động với khuynh hướng này, lập-trường nọ, nhưng kẻ đắc cử sẽ là kẻ kế-tục truyền, thống Mỹ — truyền-thống nước lớn ăn trên ngồi trốc và luôn luôn hành động theo sự đun đày của guồng máy đại-tư-bản. Nixon hay Humphrey rồi cũng vậy mà thôi. Cái đạo-lý tầm thường ấy đáng lẽ phải được những người lãnh-đạo Cộng-sản Việt thề-nghiệm từ lâu rồi!

Kết-luận

Qua những dòng phân-tích vôi-vã trên, chúng tôi chỉ xin đưa ra một kết luận tổng quát: CS Việt sẽ chẳng được lợi gì khi tung ra cuộc *Tổng-công-kích* này. Một số căn-cứ-địa miền núi sẽ được mở ra nhưng không bù đắp nổi sự thiệt hại quá to lớn mà Cộng-sản Việt phải gánh chịu. Công-tác chuẩn bị cho chiến-dịch quả có chu đáo, nhưng việc ước tính tình hình và tương quan lực lượng lại rất chủ quan và phiến diện.

Chiến tranh Việt-nam đã kéo quá dài, các đế quốc gây ra cuộc chiến đã phải tự tìm nhau mà thu xếp vì thừa biết chẳng thắng nổi nhau. Như vậy, không có lý gì người Việt-nam lại còn có ý tạo ra những trận đánh đẫm máu để tự diệt. Quyết định đánh xả láng hiện tại của Cộng-sản Việt là một quyết định phí máu vô ích.

Vẫn biết rồi đây, Nga sẽ bồi hoàn đủ số chiến xa Bắc Việt bị cháy, Mỹ sẽ thay thế đủ số phi cơ Nam Việt bị rơi. Nhưng còn hàng vạn người Việt bị giết chết, ai sẽ đền bù cho chúng ta? Những đau thương tang tóc chồng chất thêm lên trên mảnh đất nhỏ bé này sẽ lấy gì mà hàn gắn lại được?

PHẠM CHI-LĂNG

Một chuyến đi Huế - Quảng Trị

L.T.S Bà Minh-Quân, tác-giả «Trời Âu qua mắt Việt», là một nhà văn rất quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa. Bà cũng là một hội viên Hồng-Thập-tự và là Tổng-thư-ký của Đoàn Phụ-nữ Chí-nguyện Hồng-Thập-tự. Ngày 12-4 vừa qua Bà Minh-Quân tham dự phái-đoàn Hồng Thập-tự ra Huế và Quảng-Trị để mang đồ cứu trợ của Hội ra giúp các nạn nhân chiến cuộc tại Quảng-Trị. (Hội Hồng-Thập-tự cũng đã có tại Huế và Quảng-Trị mỗi nơi một Phân-bộ) Sau đây là bài bút ký của bà Minh-Quân kể lại chuyến đi trên theo lời yêu cầu của Tòa-soạn Bách-Khoa.

Chúng tôi đến Huế đúng 10 giờ 30 phút, trời u ám tuy tạnh ráo, trên mặt đường nhựa gần phi đạo những vũng nước mưa từ đêm qua còn đọng lại loang loáng phản chiếu màu chì u ám của bầu trời. Các bạn tôi đều có vẻ hài lòng, riêng tôi, tôi thở phào nhẹ nhõm (Tôi vốn có thói quen quen ưa những chuyến đi, dù là một chuyến đi chơi hay một đi chuyển về công việc; mà luôn luôn tôi không tin trước ở vận may, tôi nghĩ đến rủi ro chờ đợi nhiều hơn) Hướng chỉ, trước khi chúng tôi đi, ông Chủ tịch Hội đã có vẻ ngần ngại, không tỏ ý tán thành, ông Tổng thư-ký Hội cũng nhắc đi nhắc lại là may ít, rủi nhiều và ba tiếng «không bảo đảm» được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, cũng như mấy tiếng: «Có thể bị kẹt lại ngoài đó!».

Công bình mà nói, thoát đầu, tôi cũng không có ý đi—không háng hái thì đúng hơn—bởi tôi có vài việc riêng tại Sài-gòn, mà trong số những việc này, việc đang in dở cuốn truyện thiếu-nhi là việc tôi quan tâm hơn hết. Tôi rất ghét phải lật từng trang dò lại và sửa những chữ sai trong cuốn sách sau khi in xong. Nhưng rồi tôi nghĩ: mình

còn cả một đời trước mặt và còn nhiều dịp để coi bản vở một cuốn sách khác, nhất là những lời ông Chủ tịch và Tổng Thư ký làm tôi càng muốn đi hơn. Nếu nghe lời các ông, hóa ra phụ nữ chúng tôi chỉ biết đứng đằng sau và đến những chỗ an toàn thôi ư? Như vậy thì... xoàng quá, chúng tôi muốn chia sẻ gánh nặng với các ông. Chị Đoàn-trưởng bảo tôi: «Tôi nghĩ là chúng ta nên đi, các anh ấy lo xa thế thôi, chẳng việc gì mà sợ».

Thường thường, vì những lý do trên, cứ hề sắp lên máy bay và tôi uống một viên thuốc ngủ nhẹ, để có thể không hay biết nếu đã đến ngày tận số, nhưng hôm đó, dù đã uống, tôi vẫn tỉnh, không sao chớp mắt, nôn nả trong lòng quá đỗi.

Chúng tôi xuống chưa được năm phút thì có xe của Phân-bộ đến, trên xe có gần 10 em Thanh-niên trong Đoàn đi theo để khuân những kiện mền, sữa, thuốc v.v.. từ Trung ương gửi ra để phát cho đồng bào tại các trại tạm cư.

Tôi chú ý đến một em gầy, nhỏ, đen trong bộ đồng phục Thanh-niên, ngoài mặt thêm cái bờ-lu-dông nâu sẫm nhanh

nhẹn cùng các bạn di chuyển phẩm vật từ trong thân máy bay lên xe. Vừa làm em vừa trả lời những câu hỏi của tôi một cách vui vẻ, hoạt bát. Sau đó, tôi biết em còn là một bác sĩ. (ngán quá! trong Sài Gòn này mình gặp toàn mấy ông bác sĩ oai phùng lẫm liệt, vậy mà ra Huế, mình dám gọi bác sĩ là em!).

Cái hình ảnh một bác sĩ, cúi xuống khâu vác y như một lao công, tháo vát, nhanh nhẹn, hăng hái, cái mũ lưỡi trai trắng lăm lăm đất, bụi, làm tôi thêm phần khởi trong lòng, dịu bớt đi nhiều thắc mắc.

Về đến trụ sở thì đã gần 12 giờ trưa chị Đoàn trưởng và chúng tôi liền đem cơm vắt và bánh mì ra dọn ăn cho xong bữa, để kịp bắt tay vào việc. Có Peter một Thanh-niên từ Tân-tây-lan mới sang cùng đi với chúng tôi, anh ta không ngớt lời khen cơm vắt Việt-Nam. (Sau này, tôi đoán là anh chỉ khen một cách xã-giao vì anh ta khen bất cứ thứ gì, một cốc café đắng nghét rất ít mùi café, một bán bún bò cay đến chảy nước mắt chẳng hạn). Nhưng tất cả chúng tôi đều rất hài lòng về tư cách anh ta, lúc nào cũng sẵn sàng để cởi áo, kê vai khâu vác, từ những kiện mền những bao gạo nặng trăm ký cho đến những thùng sữa đặc, thùng cá hộp.

Sau bữa cơm, chúng tôi cùng với Phân-bộ địa-phương đến ngay trại tiếp cư Thố-Dạ. Non hai trăm gia đình chen chúc trong trại này, phần đông đồng bào ở trong đó là từ Trung-lương, Quảng-trị, Gio-linh chạy đến. Có những gia đình chỉ chạy thoát lấy thân, ngoài manh chiếu rách chỉ còn

có bốn đường viền ngoài, họ không còn gì đáng kể hơn là mấy dụng cụ nấu ăn méo mó, tồi tàn và mờ mờ rách rách không ra hình thù gì rõ rệt. Ruồi nhặng vo ve trong mỗi phòng, có người nằm dài, đưa mắt nhìn chúng tôi không buồn nhúc nhích, trong số những người khác kể lẽ chuyện phải bỏ nhà, bỏ đất ra đi. Trong bà năm trở lại đây, họ đã nhiều lần phải bỏ tất cả lại sau lưng mà chạy: thoát đầu là đất ruộng màu mỡ phì nhiêu, kể đến là những thứ rau cây có thể trồng ăn vội và sau cùng là những thảo mộc chưa kịp bén rễ, đâm chồi. «Chỉ cốt được sống thôi, thưa chị! Dạ, chỉ cốt được sống là quý lắm rồi, chúng tôi không đòi hỏi chi hơn. Thời buổi chiến tranh, chẳng có gì là đáng kể, ngoài mạng sống!»

Nhưng không phải tất cả đều dễ tính như ông cụ già vừa nói chuyện với tôi. Tuy đói khổ, không nhà, không cửa, không biết ngày mai ra sao, người ta vẫn không hòa thuận với nhau một cách dễ dàng, người ta chen lấn nhau khi nhận thẻ để lãnh phẩm vật, la lối om sòm, kèn cựa, tranh dành từng chút. Cho đến nỗi, sau khi biết tình cảnh đồng bào rất cực khổ và có nhiều điều bực bõ, chẳng hạn như gạo, cá, sữa, mền được cấp phát đầy đủ, nhưng thiếu củi nấu, chúng tôi bàn nhau mua biếu mỗi phòng (gồm có 18 đến 20 gia đình) hai cái lò dầu hỏa, chúng tôi phải nhắc đi nhắc lại là đồng bào nên chịu khó kiên nhẫn chờ để đến phiên mình sử dụng lò dầu, bởi chúng tôi không đủ tiền để biếu mỗi gia đình một lò như ý muốn và những gia đình nào đã có lò mang theo hay kiếm được củi thì không cần phải chen nhau dành giật làm chi. Chúng tôi cũng nhờ Trại-

trưởng phụ trách việc cắt phiên cho đồng bào sử dụng lò, song vô ích : chưa chi mấy chục cái lò đã gần như bị đập tan nếu chúng tôi không kịp thời giữ lại. Và sau cùng, khi chúng tôi đã phát xong hết phẩm vật, chúng tôi đành phải đem 20 cái lò về trụ-sở «rồi sẽ tính sau» bởi, ngay cả những nhân viên của chính quyền phái đến cũng không thể giúp chúng tôi được về vấn-đề này. Và chúng tôi lên xe bụi ngùi trong khi tiếng loa phóng thanh trong trại đuổi theo chúng tôi một quãng khá xa, không ngớt phát ra những bài hùng ca, chốc chốc lại ngừng để loan tin chiến thắng!

Trường Đồng-khánh tuy cũng có đồng bào lánh nạn từ Quảng Trị đến trú nhưng chúng tôi không thể vào vì đang có tranh chấp gì ở bên trong, cảnh sát đang vất vả làm việc, chúng tôi đành quay xe lại để đến một địa điểm tiếp cư khác : Trường Tiểu-học Cộng-đồng Gia-hội.

Ngoài sân, nhiều phụ nữ đang cúi húi nấu cơm bằng những khoan rơm và một số cành con còn tươi, khói bốc cao lừng.

Sau khi cùng các bạn và các em Thanh-niên phát thẻ, sắp phẩm vật xuống sân trường, làm rào cản để sự cấp phát được có trật tự, tôi lại lui ra, đi dạo các phòng để quan sát. Khung cảnh vẫn như trại thứ nhất không có gì khác lạ. Người ta hân hoan mừng đón chúng tôi, có những người vừa bế nách con đi, vừa phanh-ngực chia vú cho nó bú và đưa một bàn tay ra trước nói một cách tự nhiên :

— Chị ! cho tui xin mười đồng để mua mì !

Nói vậy thôi, như tưởng nói mà không cần biết kết quả lời nói, lại xóc con đi, miệng phì phèo điều thuốc lá, tò mò theo dõi cuộc cấp phát như đứa trẻ chạy theo đám rước ngoài đình.

Gần cột cờ, tôi trông thấy một thiếu phụ trẻ măng, tay dắt hai đứa con xuýt xoát nhau cỡ năm và sáu tuổi, ăn phận một cách khác thường. Tôi bước lại gần và giật mình nhận ra đó là một người miền Nam chính cống với cách phát âm đặc biệt. Tôi hết sức ái ngại, bèn hỏi và được chị trả lời :

— Thưa chị, em ga đây thăm chồng em, cái gỏi đang đem bị pháo kích, em dắt con chạy lạc dờ đây,

— Sao chị không về phòng để nhận phiếu lãnh mền và thức ăn như mọi người ?

— Dạ, thôi. Em cố được ghi dờ danh sách đầu mà dĩa phòng? Em chạy lạc, em xin ở nhờ đây thôi mà, gỏi em dĩa trông mà, thưa chị!

— Chừng nào chị về! Quê chị ở đâu ?

— Dạ, quê em ở miệt Châu đốc lận, xa lắm. Thiệt xui xẻo cho em, người ta đi thì không sao, đến phiên em...

— Không được cấp phát gì hết, chỉ lấy gì ăn ?

— Dạ, không sao, em xin ăn bậy bạ qua ngày, em có tính ở luôn kiểu này đâu chị? Gỏi yên xong em dĩa liền mà,

— Biết bao giờ yên xong ? Chị còn hai đứa nhỏ kia...

— Dạ, thì cũng xin ăn bậy bạ, qua ngày, gởi địa xứ chớ, chị! Ở đây cái gì cũng mắc, em cực hết sức, chị ơi!

— Tại sao chị không xin vô danh sách của trại Tiếp-cư này đăng để dàng xin cấp thực phẩm như mọi người? Chị cũng chạy như mọi người mà?

— Dạ, tại em mới dỏ sau, người ta không cho, phần thì em *lạ nước lạ cái*. không biết nói tiếng người ta, mà người ta nói em cũng hông nghe *gõ*, khó quá, chị ơi! Mẹ ơi! em nghe chị nói tiếng trong mình, em mừng quá, mà em đâu có dám nhìn...

— Chị lắm rồi, tôi cũng người Huế nhưng ở miền Nam lâu, chớ không phải người Nam đâu. Để tôi tính lại coi...

Thiếu phụ nắm chặt tay hai đứa con hơn, nhìn những người đồng cảnh ngộ vừa được phát thẻ đang trò chuyện vui vẻ, xôn xao rồi lại đưa mắt nhìn những người chạy đến sau đang chen lấn, cãi vã đòi cho kỳ được cái thẻ như tất cả mọi người nhanh chân đến trại từ ngày đầu, mỗi nở một nụ cười an phận, giữ mãi một thái độ cam chịu làm tôi lại liên tưởng đến những nạn nhân trong nhà thương Chợ Rẫy, gãy một chân hay một tay mà vẫn còn cho là may mắn hơn xung quanh. Tôi lại thấy ái ngại, ngượng ngùng, bứt rứt.

Di nhiên, tôi có thể can thiệp với các bạn và Phân-bộ Huế để xin cho chị ấy cái miễn, và đủ số thực phẩm như mọi người nhưng làm vậy thì *sai nguyên tắc*, người ta sẽ khó làm việc và chưa chừng tôi còn bị mang tiếng là ý thể người của Trung-ương thiên vị nọ kia.

Tôi hỏi :

— Chị có muốn tôi gởi chị một nhà gần đây không?

— Dạ em sợ lắm. Em lạ lòng...

— Đó là nhà cha tôi chớ không phải ai đâu, hay chị muốn về Sài-gòn? tôi có thể giúp chị được.

Chị ta ngắt lời liền :

— Dạ không, em phải ở đây, xin ăn qua ngày, chờ chổng em, ảnh dặn gởi. Chị có cho em địa Sài-gòn em cũng không địa dưới được, thà đợi ảnh *gả* gởi tính.

oOo

Tối hôm đó, chúng tôi bàn đi tính lại với nhau và cùng đi đến quyết định phải đi Quảng-Trị

Không đi Quảng Trị, chúng tôi có cảm tưởng việc làm chúng tôi là một việc làm tắc trách, hình thức, chiếu lệ mà thôi, và chúng tôi sẽ ân hận khi về. Thật vậy, lớp người chạy giặc chia ra làm nhiều thành phần khác biệt : những tay giàu có thì đã đông tuốt vô Saigon để được an toàn. Lớp trung lưu thì di tản vào Đà-nẵng hay Huế bằng phương tiện riêng khi tiếng súng đầu tiên vừa nổ. Đám bần dân lếch thếch chạy sau cùng đến Huế và một số chót kẹt lại Quảng-Trị trong các trại tiếp cư, tình cảnh còn khốn đốn hơn các trại tại Huế nhiều.

Quyết định xong, chúng tôi cảm thấy nhẹ nhõm hết sức. Song đến khi vào giường tôi lại thao thức không sao ngủ được. (Luôn luôn, tôi nao nức vì những chuyến đi). Tôi nhớ cái bầu không khí trong veo thanh thoát khi vừa đến thành phố Huế và nghĩ: "Giá không vì giới nghiêm sớm, giờ này chúng tôi hẳn còn đứng thở trên mấy cái cầu!"

Rồi tôi sẽ sảng đứng lên không dám khua động mạnh, để các chị được ngủ yên, ra hiên hóng gió. Trong yên tĩnh của một đêm sàu vắng lặng chỉ có tiếng súng lớn từ đâu dội lại như cùng thức với tôi.

(còn tiếp I kỳ)

MINH QUÂN

.... Nhắc lại những giai đoạn kinh khủng này phản ảnh rất đúng sự man rợ trong các phong tục tập quán của xã hội Nga, đôi khi tôi tự hỏi có nên nói ra không. Nhưng nghĩ kỹ, tôi tin chắc cần phải nói, vì sự thực ghê tởm này hãy còn tồn tại cho đến giờ phút này và cần phải hiểu rõ để gạt bỏ nó ra khỏi tâm hồn chúng ta, để tiêu diệt hẳn nó trong đời sống chúng ta đã quá khổ nhục, quá tủi nhục rồi.

Một lý do nữa còn khẩn thiết hơn, bắt buộc tôi mô tả những điều ô nhục này. Mặc dầu những điều đó thật ghê tởm, mặc dầu chúng đè nặng trên chúng tôi, nghiền nát biết bao tâm hồn thanh cao, dân tộc chúng tôi cũng hãy còn trẻ trung và cường tráng để thắng những tệ đoan này...

Một đoạn trong chương 12 cuốn :

THỜI THƠ ẤU

của MAXIME GORKI

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành



Nhức đầu

Đông

Budon

TRÍ

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN 5 1211/877/QC09

Nỗi buồn của mẹ

Thơ TRẦN DZA LỮ

● Đề Tặng một người mẹ ở Gio-Linh

Tóc mẹ trắng phau phau còn chạy giặc
Khi rời Gio-Linh ruột thắt gan bầm
Nhà đã cháy, vườn tan, đời chấp chóa
Dắt cháu yêu nước mắt mẹ lưng tròn.

Bỏ xóm làng mẹ vào đây ủ rũ
Cơm xin người nhường cho cháu ăn no
Trời Thượng Tứ mưa mù ngày tạm trú
Ngó đăm đăm phương cũ mắt bơ phờ.

Ôi giàn bầu vừa xanh leo trái nặng
Thơm ngoài vườn cũng chín trái xuân xanh
Giặc đã đến — tràn qua sông bắn phá
Mẹ ra đi như chiếc lá xa cành.

Đưa con dâu chết bất-đắc-kỳ-tử
Nằm bên hè vì trái đạn vô tâm,
Không kịp đem chôn mẹ buồn vô kể
Và nắng Gio-Linh cũng vội ủa tàn
Đưa con trai vẫn một lòng tử thủ
Bên cây cầu, mẹ không kịp đi thăm
Giờ không biết nó còn hay đã mất
Con nó đây mười tuổi đã tha phương.

Trường Thượng Tứ thêm đông người lánh nạn
Mẹ nghe hồn mình càng lúc càng đau
Trời hồi xui chi một ngày gió loạn
Đề vạ người toi tả, biệt ly nhau.

Mẹ ru cháu ở hờ đêm xa xứ
Đêm đói lòng mong đợi phút bình nhiên
Biết bao giờ bình minh xưa trở lại
Cho mẹ về tìm kiếm kẻ thân yêu ?

(Trị-Thiên 10.4-1972)

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Các cuộc tấn công của quân đội Cộng sản Bắc-Việt tại Nam Việt, ba tuần sau khi khởi-sự vẫn còn được thế giới theo dõi và bình luận sôi nổi. Tuy tình hình chiến cuộc tại VN làm chính phủ Hoa-kỳ bận tâm nhưng ông Nixon vẫn phải lo các vấn đề khác nhất là việc trấn an Giann-đại. Vì vậy mà ông đã sang Ottawa để tìm cách xoa dịu những nỗi bất bình của nước Mỹ đối với Hoa-kỳ.

Cùng một lúc tình hình tại Bắc Ai-nhĩ-lan vẫn trầm trọng như trước. Đề xiết chặt hàng ngũ người ta không ngần ngại dùng các biện-pháp man rợ nhất. Riêng tại Trung-Đông một sự kiện quan-trọng nhất đã xảy ra: đó là quyết định của Tổng-thống Ai-cập Anwar Sadat đoạn giao với Jordanie khiến bang giao liên Ả-rập bước vào một giai-đoạn mới.

Mục đích của các cuộc tấn công Cộng-sản tại Nam-Việt

Sau trên hai năm im lặng, chiến trường tại Việt Nam bỗng nhiên sôi động trở lại. Lúc đầu người ta đã đặt câu hỏi là phe Cộng-sản Bắc-Việt muốn gì khi ra mặt vượt tuyến vi-phạm hiệp-định Genève 1954.

Sau 3 tuần lễ, qua các phản-ứng trên thế-giới, người ta dần dần được biết mục-đích của các cuộc tấn công này. Thật vậy trong khi các cuộc đụng độ tiếp diễn và nhất là sau khi Tổng-thống Richard Nixon

quyết định trả đũa mạnh mẽ bằng cách ra lệnh tái oanh tạc Bắc-Việt, nhất là oanh tạc Hải-phòng thì người ta chỉ thấy có Mạc-tur-khoa là lên tiếng phản-đối. Cùng một lúc người ta đặc biệt theo dõi thái độ của Trung-Cộng thì người ta nhận thấy Bắc-kinh đã nín thính và lúng túng. Phái đoàn các thượng-nghi-sĩ Mỹ dưới quyền hướng dẫn của các ông Mike Mansfield, lãnh tụ đa số và Hugh Scott, lãnh tụ thiểu số, qua thăm Hoa-lục đã được ân cần đón tiếp. Trung-Cộng tuyệt nhiên không hề có một lời lẽ hay cử chỉ nào chống đối các cuộc oanh tạc của Mỹ trên lãnh thổ Bắc Việt cũng như không có một hành động nào ủng hộ cuộc tấn công của chính phủ Hà-nội.

Một sự-kiện thứ hai được người ta chú ý là các quân xa, quân cụ, chiến xa, vũ khí cũng như phi cơ được Bắc Việt sử dụng đều do Nga cung cấp. Và từ đó người ta được biết là chính Nga đã súi dục Bắc-Việt tấn công miền Nam để thực hiện một mục-tiêu của Nga. Ngoài ra, một tuần trước khi Bắc-Việt vượt tuyến một phái đoàn quân-sự Nga dưới sự hướng dẫn của Thống-chế Batitsky đã sang thăm Bắc - Việt. Chính viên Thống-chế này cũng đã sang Ấn-độ ngay trước khi Ấn-độ đưa quân tấn công Hồi - quốc vào tháng 12 vừa qua.

Nga đã xúi Bắc-Việt tấn công miền Nam để hy vọng nắm được ưu thế

trong chuyến Nga du của Tổng-thống Nixon. Nga hy vọng rằng với các vũ khí tối tân nhất mà Nga cung cấp cho Hà nội, vào lúc mà quân đội Mỹ rút gần hết ở Nam Việt, thì thế nào Cộng quân cũng đạt được những thắng lợi do đó không những Nga buộc Tổng-thống Nixon phải nhượng bộ mà còn làm ông Nixon hết hy vọng tái đắc cử vào cuối năm. Thật vậy các chuẩn - úng - cử-viên thuộc đảng Dân-Chủ đều chủ-trương rút khỏi Việt Nam. Nếu Nga làm sao cho ông Nixon thất cử thì phe Cộng-sản sẽ không đánh mà thắng ở Việt-Nam. Trong trường hợp này Nga sẽ ngang nhiên chiếm địa-vị bá-chủ ở Hà-nội và gạt Trung - Cộng ra ngoài.

Trong kế-hoạch này không những Nga muốn loại ông Nixon khỏi chính quyền ở Hoa-kỳ, loại Trung - Cộng khỏi chính trường Á-châu mà còn mở vùng ảnh hưởng của Nga ở lục-địa này. Sau cuộc chiến tranh Ấn-Hồi, cuộc tấn công vào Nam-Việt hiện thời chỉ là tiếp nối của chính-sách bành trướng của Nga.

Vì hiểu rõ như vậy nên ông Nixon đã mạnh bạo trả đũa. Tuy không gửi bộ binh sang Việt - Nam nhưng ông đã ra lệnh cho không quân Mỹ mở những cuộc oanh tạc lớn lao nhất. Các phi cơ không lồ B - 52 được lệnh từ Guam, và Okinawa sang để tiếp tay với các phi cơ hiện hữu tại các phi trường Thái lan. Nếu cần ông Nixon sẽ có thể hủy bỏ chuyến Nga du hay đe

dọa hủy bỏ đề buộc Nga phải có một thái độ ôn hòa hơn. Ngoài ra ông Nixon sẽ có thể có một chính sách cộng tác với Trung-Cộng chặt chẽ hơn nữa để gây áp lực với Mạc-tur-khoa.

Nhưng việc làm khẩn cấp của ông Nixon lúc này là làm sao giải giáp được phong trào phản chiến tại Hoa-kỳ. Hiện thời người ta chưa biết ông sẽ làm gì, nhưng năm 1970 khi quân đội Mỹ tham chiến tại Kampuchea ông đã phải đối phó với các cuộc biểu tình phản chiến mạnh mẽ hơn nhiều và đã thắng lợi nên người ta tin rằng "con cáo già chính trị" Nixon sẽ không thiếu đòn phép để làm êm dịu dư luận quốc nội trong mùa bầu cử sắp tới.

Cuộc hội đàm Nixon-Trudeau tại Ottawa

Trong những năm vừa qua bang giao giữa Mỹ và Gia-nã-đại đã mất dần tính cách tốt đẹp. Vì tư bản Mỹ đã đầu tư quá nhiều trong nền kinh-tế Gia-nã-đại nên nước này lệ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Hơn nữa các sản phẩm Gia-nã-đại phần lớn được bán trên lãnh thổ Hoa-kỳ nên khi Tổng-thống Nixon đặt ra loại thuế phụ thu 10% đánh vào hàng nhập cảng thì nền ngoại thương Gia-nã-đại đã gặp rất nhiều khó khăn.

Ông Trudeau, Thủ-tướng Gia-nã-đại đã từng nói : «Ở cạnh Hoa-kỳ cũng như là ngủ với một con voi. Tuy con vật này hiền lành nhưng mình vẫn phải chịu giao-động mỗi khi nó cử động». Lời nói này chứng

tỏ thái độ của Gia-nã-đại đối với Hoa-kỳ, Vì vậy mà ông Nixon đã sang Ottawa hội đàm với ông Trudeau để đánh tan mọi hiểu lầm. Tuy cuộc hội-đàm này chưa đi đến đâu nhưng nó cũng làm dịu bớt những mối bất bình của hai bên. Ông Nixon cũng đã ký với ông Trudeau một thỏa-ước về vấn-đề không khí nhiễm độc (air pollué) ở vùng 5 hồ. Tuy thỏa ước này không quan trọng nhưng cả hai ông đều cho đó là bước đầu của một giai-đoạn thân hữu giữa đôi bên. Tình thân hữu này rất cần thiết cho cả ông Trudeau lẫn ông Nixon vì cả hai đều vận động tranh cử trong năm nay.

Công lý man rợ tại Ai-nhĩ-lan :

Tại Ai-nhĩ-lan chính quyền trực tiếp của Anh không những không giải quyết được cuộc tranh chấp giữa hai cộng-đồng mà còn tạo nên cho cuộc tranh chấp này nhiều tính cách đã man. Thật vậy khi đặt Bắc Ai-nhĩ-lan dưới quyền cai trị trực tiếp của Anh, ông Edward Heath, Thủ-tướng Anh hy vọng rằng với phe Tin lành loại khỏi chính quyền, cả hai cộng-đồng không còn ai áp bức ai, sẽ dần dần chán đánh nhau mà bắt tay với nhau.

Nhưng phe Công-giáo cũng lại sợ rằng các người của họ sẽ chán nản mà cấu kết với phe bên kia nên họ đã áp-dụng những biện pháp chế-tai mạnh mẽ và man rợ nhất. Những phần tử Công giáo nào cộng tác với phe đối thủ Tin-lành sẽ bị cạo đầu,

gọt gáy bôi vôi, sơn đỏ, cắm lông vịt. Ai làm chỉ-điêm sẽ bị xử tử,

Một thiếu phụ có thai bị tình nghi là cung cấp nha phiến bị lôi ra cạo đầu, trói vào cột đèn đánh gãy cả tay. Tuy thiếu phụ này chối nhưng chính ông bố chồng đã tán đồng hành động bạo lực của Tờ-chức Quân-đội Cộng-hòa Ai-nhĩ-lan.

Ngay giữa thế kỷ thứ 20 và ở Âu-châu người ta vẫn không ngần ngại trở về với các phương-pháp dã man của thời Trung-Cồ.

Đoạn giao Ai-cập-Jordanie

Sau khi tuyên bố chủ trương một vương quốc liên-hiệp giữa Jordnie và các lãnh-thò ở phía Tây sông Jourdain, Quốc vương Hussein đã bị các nước bạn Ả-rập tố cáo là phản bội Ả-rập, là toa rập với kẻ thù Do-thái v.v...

Tuy bị làm mối cho các cuộc chửi bới, vị vua Jordanie 36 tuổi này đã sang Hoa-kỳ để vừa chữa bệnh vừa ngoại giao. Về mặt ngoại giao ông đã được Tổng-thống Hoa-kỳ tiếpđãi trọng hậu và hứa cấp cho thêm máy bay để tăng cường hệ-thống phòng thủ. Về mặt chữa bệnh thì ông đang nghỉ ngơi và đi câu cá ở vùng Florida.

Nhưng phản ứng mạnh nhất đối với dự tính của Quốc-vương Hussein là quyết định đoạn giao của Tổng-thống Ai-cập Anwar Sadat.

Ông Sadat cho rằng đề nghị của Hussein chẳng khác gì kế hoạch của phó Thủ-tướng Do-Thái Yisral Allon năm 1967. Vì vậy mà Ai-cập phải

thăng tay với «tên phản bội» bằng cách đoạn giao với Jordanie.

Biện-pháp này không những có tính cách chính trị mà còn tỏ ra hết sức nguy hại về phương-diện kinh tế cho Jordanie. Vì muốn tới nước này phải dùng không phận của Ai-cập. Nếu Ai-cập giữ không phận thì Jordanie sẽ bị phong tỏa nặng nề. Các du khách muốn tới phải đi bằng đường

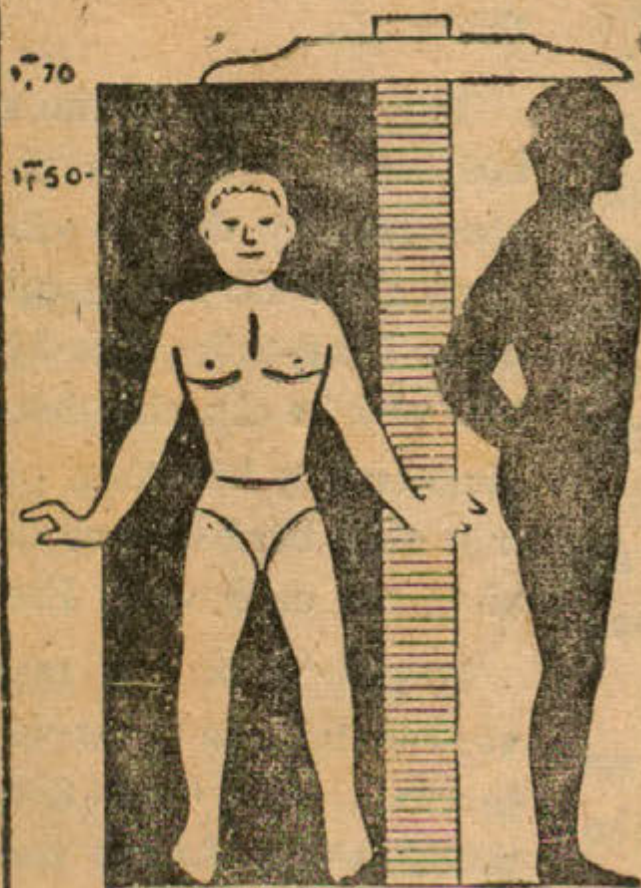
Arabie Saoudite ở phía Nam xa hơn rất nhiều.

Bị chết ngạt về kinh-tế, Quốc-vương Hussein có thể sẽ đi tới cộng tác với Do-thái một cách mau lẹ hơn. Như vậy trừng phạt Hussein, ông Sadat đã làm một điều phản chính-trị và cùng một lúc chia rẽ phe Ả-rập.

TỪ MINH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C D_PP_B2_B6_B12



LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHÔI .
- MỆT MỎI .

• VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ? •

Apollo 16 :

Mặc dầu không còn gây ngạc nhiên nhiều cho nhân loại nữa, phi thuyền Apollo 16, phi thuyền thứ 5 có người lái của Hoa kỳ, đã được phóng đi từ mũi Kennedy dưới sự chứng kiến của khoảng 1 triệu dân chúng địa phương tại tiểu bang Florida tụ tập lại tại các bãi biển, xa lộ hoặc các khoảng đồng trống và hàng chục triệu người khác trên thế giới qua màn ảnh vô tuyến truyền hình. Rời trái đất từ ngày chúa nhật 16-4-72, Apollo 16, mất 4 ngày để tới nguyệt cầu vào ngày thứ Năm 20-4.

Cuộc phóng phi thuyền đã diễn ra thật hoàn hảo. Chính Phó Tổng thống Hoa kỳ Agnew đã nói đây là một trong các lần phóng phi thuyền hoàn hảo nhất của Hoa-kỳ từ trước tới nay. Apollo 16 đã ở trên quỹ đạo trái đất trong 2 vòng bay cho tới khi hỏa tiễn Saturn IV-B khai hỏa tầng cuối cùng của nó để đưa phi thuyền trực chỉ Nguyệt - Cầu. Một ngày sau, khi phi thuyền đã đi được một phần cuộc hành trình tới mặt trăng, phi hành đoàn gặp một biến cố đầu tiên. Lớp kim khí mỏng phết bên ngoài phi thuyền đồ bộ đã bị tróc ra một cách bí mật. Lúc đó phi thuyền cách trái đất 72.000 cây số và 3 phi hành gia đã thấy các mảnh kim khí bị tróc ra nhỏ như bột mì. Lớp Kim khí này có tác dụng làm giảm sức nóng của mặt trời chiếu vào phi thuyền đồ bộ, che chở các dụng cụ khoa học ở bên trong và các bình nguyên-liệu của chính nó. Tai nạn

này không có gì quan trọng lắm tuy vậy nó có thể làm giảm sự hoạt động của phi-thuyền đồ bộ. Ngày hôm sau đó, phi-hành-đoàn gặp một khó khăn thứ nhì. Phi-hành-gia Mattingly trong khi kiểm soát hệ-thống điều chỉnh tự động của phi thuyền đã khám phá sự trục trặc của hệ thống này. Đài kiểm soát đã chỉ dẫn cho phi-hành-đoàn cách sửa chữa và hai giờ sau đã sửa xong. Ngày 20-4 khi chuẩn bị đáp xuống mặt Nguyệt cầu: phi-hành-đoàn lại gặp một rắc rối nữa, lần này có vẻ nghiêm trọng hơn. Phi thuyền đồ bộ tức phi thuyền con Orion sau khi tách rời phi thuyền mẹ Casper đã không thể đáp xuống được vì sự trục trặc của phi thuyền mẹ. Phi thuyền Casper đã bị hư các hỏa-tiến thối tống để giúp đem nó lên một quỹ đạo cao hơn so với quỹ đạo của phi-thuyền Orion. Orion phải ở lại để giúp sức Casper nếu phi thuyền này bị hư thật sự không thể sửa chữa được. Lúc đó cả hai sẽ ráp nối lại và dùng sức của phi thuyền Orion để trở về trái đất. Rất may các hỏa tiễn của phi thuyền mẹ đã hoạt động trở lại và cuộc đồ bộ đúng dự định.

Vùng đất đồ bộ là vùng núi Descartes và Orion sẽ đặt chân lên vùng bằng phẳng của bình-nguyên Cayley nằm trong vùng núi này. Phi hành gia Mattingly ở lại trên phi thuyền mẹ, Orion do hai phi-hành-gia John W. Young trưởng toán, và Charles Mc Duke điều khiển. Sau khi phi thuyền Orion đã bình yên đặt

chân lên mặt nguyệt cầu, cả hai phi-hành-gia đã sẵn sàng để thực hiện cuộc du ngoạn đầy hứng thú đang chờ đợi họ. Young đặt chân lên mặt trăng trước tiên và năm phút sau mới tới Duke. Một máy thu hình màu đặt ở phía sau Orion đã thu hình họ và chuyển về trái đất mặc dầu lúc đầu các hình ảnh đã không được rõ ràng. Trong chuyến du ngoạn đầu tiên này họ sẽ đặt các dụng cụ khảo cứu trên mặt trăng, lái thử chiếc Nguyệt xa cùng nhất một ít đất đá ở hố Flag và hố Spook. Ngày thứ 6, sau giấc ngủ ngon lành hơn 8 tiếng đồng hồ, Duke và Young hoàn toàn tỉnh táo để ngao du lần thứ nhì. Lần này họ đi về hướng Nam và cách xa phi thuyền tới 2 dặm 600. Duke và Young sẽ lái Nguyệt xa đi vòng sườn đồi Núi Đá và ngừng lại ở hố Stusby và hố South Ray, một hố được các khoa học gia coi là còn trẻ về phương diện địa chất học.

Sang ngày thứ Bảy, ngày thứ ba của họ trên Nguyệt Cầu, hai phi hành gia lại một lần nữa thám hiểm đất đai của chị Hằng. Lần này họ hướng về hố North Ray cách phi thuyền lối 3,3 dặm về hướng Bắc, ở đó họ sẽ có dịp đào xới nhiều địa điểm khác như Núi Khối, hố Dot và hố Palmétto.

Ngày 24-4 Young và Duke đã kết thúc cuộc nghiên cứu bề mặt nguyệt cầu lần thứ 3 và cũng là lần chót của họ. Trong lần đi bộ thứ 3 này hai phi hành gia trên đã tới nghiên cứu

một miệng núi lửa sâu đến nỗi họ không nhìn thấy dáng của nó.

Trước đó, khi đi trên Mặt Trăng Young đã bị ban kiểm soát ở dưới đất lo ngại cảnh cáo khi anh ta cho biết là đã lập một kỷ lục tốc độ di chuyển đường bộ trên mặt trăng là 17 km/giờ (tốc độ chính thức của nguyệt xa là 12 km/giờ)

Sau đó hai phi hành gia khai hỏa phi thuyền mặt trăng, rời nguyệt cầu, để ráp nối với phi thuyền mẹ do Mattingly điều khiển bay quanh mặt trăng trong 4 ngày liền. Nhưng sau khi ráp nối lúc họ tháo rời phi thuyền đồ bộ để định cho đâm xuống mặt trăng thì phi thuyền này bay lờng lộn trong không gian và có thể dự định cho đâm xuống mặt trăng phải hủy bỏ.

Ngoài những hành động kiểm soát và quan sát thường lệ, các nhà phi hành đã bận rộn trong những giờ cuối cùng trong việc chuyển các mẫu đá đất máy ảnh phim ảnh và dụng cụ từ phi thuyền đồ bộ mặt trăng qua phi thuyền chỉ huy và tiếp tục những trách vụ khoa học và chụp ảnh của họ.

Các nhà phi hành dùng hỏa tiễn vượt khỏi dẫn lực của mặt trăng vào lúc 10 giờ 11 (giờ Saigon) để trở về trái đất và họ mang theo một số kỷ lục là 111 kg đá và đất mặt trăng. Phi thuyền sẽ hạ xuống Thái-bình-dương vào chiều thứ Năm 27-4.

Vài nét về Trung tâm Giải phẫu Bô hình Barsky.

Trung tâm Barsky là một tòa nhà xám vuông vức nằm trong một góc của bệnh viện Chợ Rẫy. Được thành lập từ năm 1967 nó hầu như chưa được dân chúng Việt Nam biết đến mặc dù nó được thành lập nên để cứu giúp các nạn nhân của cuộc chiến tranh hiện tại mà những trung tâm khác như Tàu bệnh viện Helgoland đã được nhắc nhở đến.

Trung tâm Barsky là tên đặt theo vị bác-sĩ đã xây dựng nên nó: bác-sĩ Arthur Barsky. Ông năm nay 73 tuổi, là một bác-sĩ giải phẫu chuyên về môn bô-hình, chính ông là người đã sửa lại các tật nguyên cho các phụ nữ Nhật bản đã chịu tai nạn do quả bom nguyên tử nổ tại Hiroshima. Ngân quỹ của Trung tâm do cơ quan Cứu trợ Y khoa Nhi đồng quốc tế, một tổ chức tư nhân tài trợ phần lớn. Người thành lập ra tổ chức này là một luật sư trẻ tuổi trong đoàn hòa bình của Tổng Thống J.F. Kennedy: Ông Thomas Miller. Ông cùng với bác sĩ Barsky đã qua thăm viếng Việt Nam, gặp gỡ các nạn nhân xấu số tại đây và cùng quyết định thành lập ra trung tâm Barsky.

Từ ngày thành lập tới nay, Trung tâm giải phẫu bô hình Barsky trở thành trung tâm duy nhất ở Việt Nam và đã chữa trị cho hơn 4.000 đứa trẻ nạn nhân. Các bác sĩ giải phẫu gồm các bác sĩ Hoa kỳ và bác sĩ Việt Nam đã đem lại sự cử động cho các khớp chân bị cứng, sửa lại

các khuôn mặt bị tàn phá thê thảm vì bom lửa và tạo những bàn tay, bàn chân nhân tạo cho các trẻ em bị cụt tay chân. Trung bình mỗi tháng họ mổ hơn 150 lần cho các bệnh kể trên.

Ngoài các tật nguyên do chiến tranh trực tiếp gây nên, còn có những bệnh tật do chiến tranh gián tiếp đem đến. Như các vụ phỏng vì nấu ăn với xăng máy bay, các bệnh do sự thiếu dinh dưỡng gây nên như bệnh Noma v.v các bác sĩ đã chú ý đến sự tồn tại của bệnh Noma tại Việt nam, một bệnh rất hiếm có ở thời đại hiện tại. Bệnh này thường có ở trẻ em yếu đuối vì kém dinh dưỡng, trong đó vi trùng sẽ ăn mòn xương hàm trên và xương hàm dưới, các xương lân cận ở trên mặt, tạo thành những sự lở loét kinh khủng. Các vết loét này rất hôi thối đến độ sự hôi thối là một đặc tính của bệnh Noma. Bệnh Noma xảy đến sau khi đứa trẻ bị một bệnh nhiễm trùng khác đã xảy ra trước đó, thường là sau khi bị lên sởi. Trung tâm Barsky sẽ sửa lại gương mặt bị đục khoét gần hết bằng cách thể vào đó những chiếc hàm mới...

Nạn nhân từ các nơi xa xôi gửi về càng lúc càng nhiều và các bác sĩ tại Trung tâm lúc nào cũng mệt mỏi vì bận bịu. Ông Miller, người gây dựng nên Trung tâm đã nhận xét: "Nếu cuộc chiến tranh này chấm dứt ngay ngày mai, chúng ta còn phải làm việc 20 năm nữa mới hết bệnh".

Và cuộc chiến tranh vẫn chưa chấm dứt!

TIN BUỒN

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng các bạn thuộc khóa 7
Sư Phạm Qui Nhơn,

Bạn PHẠM MINH TỔNG

Phục vụ tại Quảng-nam đã từ trần tại Đà Nẵng ngày 11 tháng 4
năm 1972

Một nhóm bạn đồng khóa
tại HÒA VANG — Quảng-nam

Phát hành vào hạ tuần tháng 4-72

NGỌN CỎ NGẬM NGÙI

Truyện dài của TRẦN HOÀI THỮ

Cơ sở TIẾNG VIỆT xuất bản

... những giọt nước mắt của thời thơ ấu, của thời thanh xuân,
dưới bầu trời sâu thẳm của đất nước chúng ta trong suốt một phần
tu thế kỷ...

(Muốn có sách xin liên lạc với Cơ sở xuất bản và phát hành Tiếng
Việt 666 Phan Thanh Giản — Saigon.)

Hãy tìm đọc

1) BÓNG TỐI ĐI QUA tập 3 (trọn bộ)

— Đọc thiên hồi kỳ này để Quý vị biết rõ những gì Quý vị cần
biết trong cuộc chiến hôm nay.

— Một tài liệu vô cùng chính xác chưa từng có của cây viết
chuyên biệt về bút ký chiến tranh — KIM NHẬT — thực hiện.

2) 6 QUI TẮC TÌM DẤU NHẮN TRONG ANH NGỮ

của G.S NGUYỄN VẠNG HỒ

— Quyển sách cần thiết cho các bạn trau dồi Anh ngữ — Viết
đúng? Chưa đủ! Viết đúng và đọc đúng mới đủ!

— Mọi trình độ đều dùng được.

— Sách ấn loát tuyệt đẹp — toàn Offset — Khổ 11 × 15 phân —
Giá chỉ 150 đ.

Hai ấn phẩm trên do HOA ĐĂNG xuất bản và đã phát hành toàn quốc